

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

BÁO CÁO

V/v KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2023 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH 2024

Kinh trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất 31/12/2023 đã được kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Nghị quyết số 189/2023/NQ-HĐQT ngày 28/12/2023 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua đề xuất của Tổng giám đốc về định hướng Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Vietbank.

Hội đồng quản trị trân trọng kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến Kết quả hoạt động kinh doanh 2023 và Kế hoạch kinh doanh 2024, cụ thể như sau:

I. Báo cáo Kết quả hoạt động 2023

1. Bối cảnh kinh tế

Kinh tế - xã hội: Ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới, lạm phát gia tăng, giá dầu, giá nguyên vật liệu tăng cao; các Ngân hàng Trung ương lớn duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt, lãi suất cơ bản duy trì ở mức cao, tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm trong khi thị trường tài chính tiền tệ, bất động sản tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro đã gây áp lực và nhiều khó khăn lên nền kinh tế Việt Nam. Chính phủ và NHNN Việt Nam liên tục triển khai, điều hành chủ động linh hoạt các chính sách tiền tệ, tài khóa để giữ vững ổn định kinh tế và phục hồi tăng trưởng sau đại dịch. Một số thành tựu khả quan đạt được trong năm như sau: Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) năm 2023 tăng 5,05% so năm trước và đạt 430 tỷ USD; Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022 và đạt mục tiêu Quốc Hội đề ra; Lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 tăng 4,16% so với bình quân năm 2022 được kiểm soát trong mục tiêu (4,5%) và duy trì ổn định. Bên cạnh đó, Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 355,5 tỷ USD, giảm 4,4% so với năm trước và cùng mức xuất siêu 28 tỷ USD (năm trước xuất siêu 12,1 tỷ USD).

Ngành ngân hàng Việt Nam: Trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro thách thức, hành vi (thói quen) tiêu dùng của khách hàng cũng có nhiều thay đổi và chuyển dịch giữa các kênh truyền thống và trên các nền tảng công nghệ số. NHNN đã liên tục triển khai các chính sách để giảm lãi suất điều hành, nỗ lực giữ giá VNĐ, tạo điều kiện để các NHTM và tổ chức tài chính xây dựng lộ trình giảm lãi suất cho vay tương ứng với việc lãi suất huy động giảm mạnh so với 2022; tháo gỡ nút thắt cho lĩnh vực bất động sản để hỗ trợ nền kinh tế phục hồi và đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng. Tính đến cuối năm 2023, Tổng phương tiện thanh toán tăng 10,03% so với cuối năm 2022 (cùng thời điểm năm 2022 tăng 3,85%); Huy động vốn của các TCTD tăng 10,85% (cùng thời điểm năm 2022 tăng 5,99%); Dự nợ tín dụng năm 2023 của toàn



Cyph

nền kinh tế ước tính tăng khoảng 11,09% so với cuối năm 2022 (cùng thời điểm năm 2022 tăng 14,5%). Các TCTD hoạt động ổn định, lành mạnh, nợ xấu tiềm ẩn tăng nhưng trong tầm kiểm soát, năng lực tài chính (nhất là vốn chủ sở hữu) được củng cố.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh 2023

a. Các chỉ tiêu về quy mô:

Đvt: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2023	So với năm 2022		So với Kế hoạch năm 2023	
		Thực hiện năm 2022	Tăng/giảm	Kế hoạch năm 2023	% KH 2023
Tổng tài sản	138.258	111.307	26.951	125.000	111%
Tổng dư nợ cấp tín dụng (*)	80.754	67.541	13.214	79.100	102%
Tổng huy động vốn (**)	101.547	81.110	20.436	100.000	102%
Vốn điều lệ	4.777	4.777	0		
Lợi nhuận trước thuế	812	656	156	960	84,6%

(*) Tổng dư nợ cấp tín dụng bao gồm Cho vay khách hàng, Trái phiếu doanh nghiệp.

(**) Tổng huy động vốn bao gồm Huy động tiền gửi khách hàng, Phát hành giấy tờ có giá.

- Tổng tài sản

Kết thúc năm 2023, Tổng tài sản của Vietbank đạt **138.258 tỷ đồng, tăng trưởng 24,2%** so với cuối năm 2022 (tương đương tăng 26.951 tỷ đồng) và hoàn thành 111% kế hoạch. Trong đó, tổng dư nợ cấp tín dụng (*) chiếm 58% trong tổng tài sản. Cấu trúc danh mục tài sản tiếp tục được cơ cấu theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản có sinh lời và luôn duy trì ở mức trên 95%.

- Tổng dư nợ cấp tín dụng

Tổng dư nợ cấp tín dụng đạt **80.754 tỷ đồng, tăng 19,6%** so với năm 2022 (tương đương tăng 13.214 tỷ đồng) và hoàn thành 102% kế hoạch. Mức tăng trưởng tín dụng được kiểm soát trong biên độ cho phép của NHNN. Công tác cảnh báo rủi ro, thẩm định được nâng cao, quản lý và giám sát chặt chẽ mục đích sử dụng vốn vay và kiểm soát chất lượng tài sản được ưu tiên hàng đầu trong hoạt động của ngân hàng. Vì vậy, chất lượng tín dụng của Vietbank trong năm 2023 đã được cải thiện đáng kể, đảm bảo nợ xấu luôn duy trì dưới mức 3% (tỷ lệ nợ xấu tại ngày 31/12/2023 của Vietbank theo Thông tư 11 của NHNN là 1,79%).

- Tổng huy động vốn

Hoạt động huy động vốn đạt **101.547 tỷ đồng, tăng 25,2%** so với năm 2022 (tương đương tăng 20.436 tỷ đồng) và hoàn thành 102% kế hoạch. Cơ cấu nguồn vốn luôn được đa dạng hóa, đảm bảo tính ổn định, an toàn thanh khoản, góp phần cải thiện chi phí vốn ở mức hợp lý theo xu hướng thị trường và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng.

b. Các chỉ tiêu về kết quả kinh doanh:

Đvt: Tỷ đồng, %

Stt	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2022	+/- so với 2022	KH 2023	% HTKH 2023	+/- KH 2023
1	Tổng TN hoạt động	2.397	2.325	72			

Cuph

Stt	Chỉ tiêu	TH 2023	TH 2022	+/- so với 2022	KH 2023	% HTKH 2023	+/- KH 2023
2	Tổng CP hoạt động	1.470	1.368	102			
3	LN từ HĐKD trước DP (=1-2)	927	957	-30			
4	CP (Hoàn nhập) DP RRTD	115	301	-186			
5	LNTT (=3-4)	812	656	156	960	84,6%	-148

Ghi chú: TH: Thực hiện; KH: Kế hoạch; +/-: Tăng giảm hay chênh lệch còn lại so với; %: đạt tỷ lệ so với

- Lợi nhuận trước thuế (LNTT)

LNTT của Vietbank năm 2023 đạt **812 tỷ đồng**, hoàn thành 84,6% kế hoạch do HĐQT giao, **tăng trưởng 23,8%** so với năm 2022.

- Thu nhập lãi thuần

Thu nhập lãi thuần đạt 2.000 tỷ đồng (chiếm 83,4% tổng thu nhập hoạt động) tăng 10,4% so với năm 2022 do Vietbank đã đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tăng cường công tác thu hồi các khoản nợ quá hạn; các khoản nợ cơ cấu ngưng dự thu theo Thông tư 01, Thông tư 02 của NHNN, song song với việc thực hiện giảm lãi suất huy động để tối ưu chi phí vốn.

- Thu nhập ngoài lãi

Thu nhập ngoài lãi đạt 379 tỷ đồng giảm 22,7% so với năm 2022. Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi chiếm 16,6% trên tổng thu nhập hoạt động.

- Chi phí hoạt động

Năm 2023, tổng chi phí hoạt động ghi nhận 1.470 tỷ đồng tăng 7,5% so với năm 2022 (tương đương tăng 102 tỷ đồng). Trong năm, Vietbank đã đầu tư nâng cấp về mặt công nghệ, ngân hàng số, triển khai thành công thẻ Master Card.

- Chi phí dự phòng rủi ro

Chi phí dự phòng giảm mạnh 61,7% so với năm 2022 từ 301 tỷ đồng xuống còn 115 tỷ đồng do Vietbank kiểm soát tốt chất lượng các khoản nợ vay và đẩy mạnh công tác thu hồi, xử lý nợ.

c. Các chỉ số về an toàn hoạt động:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Quy định NHNN	So với quy định	Năm 2022	+/- TH Năm 2022
NPL (Tỷ lệ nợ xấu) theo quy định TT11/NHNN	1,79%	≤ 3%	Đạt	2,47%	-0,68%
CAR (HS an toàn vốn tối thiểu)-Theo TT41/NHNN	10,39%	≥ 8%	Đạt	10,24%	0,15%
LDR (Tỷ lệ CV/Tổng HĐ)	64,62%	≤ 85%	Đạt	63,60%	1,02%
Tỷ lệ nguồn vốn NH CV TDH	13,37%	≤ 30%	Đạt	33,10%	-19,73%

Ghi chú: NPL năm 2023 và năm 2022 theo quy định TT11/NHNN

Các chỉ số giới hạn và tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng luôn được Vietbank giám sát chặt chẽ và bảo đảm tuân thủ quy định của NHNN.

II. Kế hoạch kinh doanh 2024

1. Định hướng của Chính phủ năm 2024:

Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 6-6,5% trong năm 2024, tập trung điều hành tăng trưởng khối lượng và cơ cấu tín dụng hợp lý, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, hỗ trợ tăng trưởng và phát triển kinh tế xã hội. Tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2024 của Vietbank:

a. Định hướng Kế hoạch kinh doanh-Tài chính Vietbank năm 2024:

(i) Nâng cao năng lực tài chính:

- Tăng vốn điều lệ và đảm bảo hệ số CAR:

- Tăng vốn điều lệ bám sát theo lộ trình kế hoạch.
- Để đạt mục tiêu đến năm 2025 hệ số CAR $\geq 11\%$ Vietbank ngoài tăng vốn tự có được thực hiện thông qua gia tăng lợi nhuận trong hoạt động và đặc biệt là phát hành thành công trái phiếu huy động vốn được ghi nhận vào vốn cấp 2. Đồng thời, xây dựng phân khúc khách hàng, giảm tài sản có rủi ro, rà soát công tác nhập liệu đảm bảo tính chính xác.

- Tăng quy mô tài sản:

- Mở rộng đối tác chiến lược; phát triển liên kết chiến lược.
- Mở rộng mạng lưới, gia tăng độ phủ sóng của Vietbank trên lãnh thổ Việt Nam.

(ii) Nâng cao năng lực quản trị điều hành:

- Rà soát, tái cấu trúc mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý.
- Rà soát mô hình kinh doanh tại các đơn vị kinh doanh, tăng năng lực quản lý bán hàng theo phân khúc khách hàng.
- Rà soát, chuẩn hóa và xây dựng đầy đủ hệ thống văn bản quản trị, văn bản nghiệp vụ.
- Rà soát, xây dựng đầy đủ các quy định, hạn mức phân cấp, phân quyền đảm bảo rõ ràng và rộng mở trong cơ chế kiểm soát.
- Chuẩn hóa dữ liệu và xây dựng hệ thống thông tin báo cáo kịp thời, đầy đủ phục vụ cho mục đích quản trị, điều hành, giám sát và quản trị rủi ro.
- Triển khai đầy đủ các tiêu chuẩn về an toàn hoạt động của NHNN theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN và Thông tư số 13/2018/TT-NHNN theo phương pháp tiêu chuẩn.
- Tối ưu chi phí: Sử dụng các chi phí có hiệu quả, đặc biệt là các chi phí hỗ trợ kinh doanh.

(iii) Nâng cao chất lượng nhân sự:

- Tăng cường công tác đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đào tạo.
- Cải tiến chính sách nhân sự; xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên có năng lực, tạo môi trường làm việc thân thiện để tạo sự gắn bó của nhân viên.

(iv) Nâng cao năng lực bán hàng và hỗ trợ kinh doanh:

- Xây dựng, hoàn thiện và cải tiến thương xuyên cơ chế đánh giá hiệu quả, KPI nhân sự,

phù hợp với từng đối tượng nghiệp vụ (kinh doanh, vận hành, hỗ trợ...).

(v) Nâng cao khả năng sinh lời của tài sản:

- Rà soát lại danh mục tài sản, đưa ra các giải pháp tăng tỷ trọng tài sản có sinh lời.
- Kiểm soát Nợ quá hạn, Nợ xấu theo quy định NHNN và kế hoạch Ngân hàng.
- Tăng cường công tác thu hồi nợ.

(vi) Nâng cao năng lực công nghệ thông tin và phát triển nền tảng Ngân hàng số:

- Ngân hàng tiếp tục hoàn thiện dự án chuyển đổi core banking theo tiến độ.
- Phát triển các ứng dụng nội bộ phục vụ cho mục đích quản trị, bán hàng, vận hành....
- Triển khai hệ thống chấm điểm tín dụng nội bộ.
- Gia tăng hàm lượng công nghệ trong các sản phẩm dịch vụ của Vietbank thông qua việc triển khai: Kios banking, Mobile banking, rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch.

(vii) Thực hiện các công việc khác:

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định chỉ đạo của NHNN về các giải pháp chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối.
- Triển khai theo phương án tái cơ cấu gắn với xử lý nợ.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, phòng chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng.
- Phát triển các dịch vụ thanh toán, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động ngân hàng; đảm bảo an ninh, an toàn trong CNTT và hệ thống thanh toán.

b. Kế hoạch kinh doanh năm 2024:

a) Kế hoạch cơ sở

Đvt: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Kế hoạch cơ sở 2024	Thực hiện 2023	Mức tăng so với 2023	Tỷ lệ tăng so với 2023
Tổng Tài sản	145.000	138.258	6.742	5%
Huy động từ khách hàng (gồm GTCG)	110.000	101.547	8.453	8%
Tổng dư nợ cho vay	90.000 (*)	80.754	9.246	11%
Danh mục chứng khoán đầu tư	23.750	17.517	6.233	36%
Lợi nhuận trước thuế	950	812	138	17%
Tỷ lệ nợ xấu (N345 / Tổng DN cấp tín dụng theo TT11/NHNN)	≤ 2,5%	1,79%		

b) Kế hoạch phấn đấu

Đvt: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Kế hoạch phấn đấu 2024	Thực hiện 2023	Mức tăng so với 2023	Tỷ lệ tăng so với 2023
Tổng Tài sản	150.000	138.258	11.742	8%
Huy động từ khách hàng (gồm GTCG)	116.000	101.547	14.453	14%
Tổng dư nợ cho vay	95.000 (*)	80.754	14.246	18%



Aut

Chỉ tiêu	Kế hoạch phần đầu 2024	Thực hiện 2023	Mức tăng so với 2023	Tỷ lệ tăng so với 2023
Danh mục chứng khoán đầu tư	24.500	17.517	6.983	40%
Lợi nhuận trước thuế	1.050	812	238	29%
Tỷ lệ nợ xấu (N345 / Tổng DN cấp tín dụng theo TT11/NHNN)	≤ 2,5%	1,79%		

Ghi chú: Kế hoạch tăng trưởng tín dụng phần đầu của Vietbank, thực tế trong năm 2024 sẽ điều chỉnh phù hợp với room tín dụng được NHNN cấp, căn cứ theo công văn 10167/NHNN-CSTT ngày 31/12/2023 hoặc văn bản thay thế (nếu có).

- Phát triển mạng lưới: kế hoạch mở mới 14 TTKD (gồm 05 Chi nhánh và 09 Phòng giao dịch) sau khi hoàn thiện các thủ tục và được NHNN cấp phép.

III. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh 2023
2. Kế hoạch kinh doanh 2024

Kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./

TM. BAN ĐIỀU HÀNH
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TUẤN ANH

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4, năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán độc lập

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng (TCTD) số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14;
- Căn cứ Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/04/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) V/v ban hành Quy định chế độ báo cáo tài chính (BCTC) đối với các TCTD và các văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐQT ngày 06/01/2023 của Hội đồng quản trị, thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính của Vietbank và Vietbank AMC cho năm tài chính 2023.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Một số chỉ tiêu cơ bản trên BCTC năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	
		BCTC riêng đã kiểm toán	BCTC hợp nhất đã kiểm toán
Về các chỉ tiêu liên quan đến kinh doanh			
1	Tổng tài sản	138.262.087	138.258.073
2	Cho vay khách hàng (trước DPRR)	80.754.430	80.754.430
	Cho vay khách hàng (sau DPRR)	79.976.558	79.976.558
3	Tiền gửi của các TCTD khác	23.139.484	23.139.484
	Tiền gửi của khách hàng	90.000.811	89.995.715
4	Lợi nhuận trước thuế	811.945	811.945

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	
		BCTC riêng đã kiểm toán	BCTC hợp nhất đã kiểm toán
Về các chỉ tiêu liên quan đến vốn chủ sở hữu			
1	Tổng Vốn chủ sở hữu	6.895.659	6.895.659
1.1	Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827
1.2	Quỹ dự trữ	495.800	495.800
1.3	Lợi nhuận chưa phân phối	1.623.032	1.623.032

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Sóc Trăng, ngày 05. tháng 4. năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

BÁO CÁO

V/v: hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024, như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023:

1. Hoạt động kinh doanh năm 2023:

a. Kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 với các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đvt: Tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2024
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	125.000
2	Huy động TT1 (gồm GTCG)	Tỷ đồng	95.000
3	Dư nợ TT1 (gồm TPDN)	Tỷ đồng	75.600 (*)
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	960
5	Tỷ lệ nợ xấu	%	≤2,5%

Ghi chú: (*) Kế hoạch tăng trưởng tín dụng phần đầu của Vietbank, sẽ điều chỉnh phù hợp với chỉ tiêu tín dụng được NHNN cấp căn cứ theo chỉ tiêu tín dụng được NHNN tại công văn số 1099/2023/NHNN-CSTT ngày 24/3/2023 hoặc văn bản thay đổi (nếu có).

Đến 31/12/2023, chỉ tiêu tín dụng Vietbank được NHNN cấp là: 80.765 tỷ đồng.

b. Kết quả thực hiện:

- Tổng tài sản: 138.258 tỷ đồng;
- Dư nợ cho vay khách hàng: 80.754 tỷ đồng;

gh

- Tổng huy động vốn (gồm GTCG): 101.547 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế (LNTT): 812 tỷ đồng;
- Tỷ lệ nợ xấu (theo TT11/NHNN): 1,79%

c. Nhận xét:

- Kết quả hoạt động kinh doanh với những mặt đạt được so với mục tiêu kế hoạch phấn đấu (KHPĐ) năm 2023 như: tổng tài sản là 138.258 tỷ đồng đạt 111% KHPĐ năm 2023, vượt 13.258 tỷ đồng và tăng ròng 26.951 tỷ đồng so với năm 2022; huy động vốn duy trì ổn định với mức tăng trưởng cao, đạt 101.547 tỷ đồng với tỷ lệ 147% so với kế hoạch cơ sở năm 2023, đạt tỷ lệ 108% so với KHPĐ năm 2023, tăng ròng 20.436 tỷ đồng so với năm 2022 dù lãi suất thị trường liên tục giảm; tăng trưởng dư nợ đạt 80.754 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 164% so với kế hoạch cơ sở năm 2023, chiếm tỷ lệ 114% so với KHPĐ năm 2023, tăng trưởng theo đúng hạn mức NHNN cấp; lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 812 tỷ đồng, hoàn thành 84,6% kế hoạch năm 2023 và tỷ lệ nợ xấu năm 2023 là 1,79%, chất lượng tín dụng đến cuối năm 2023 đã được kiểm soát tốt.
- Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh còn một số điểm cần phấn đấu để đạt hiệu quả hơn như: tăng trưởng tín dụng đều qua các tháng, sử dụng nguồn vốn trên thị trường 2, tăng thu thuần về dịch vụ, tăng nguồn vốn huy động không kỳ hạn và tăng số lượng khách hàng...

2. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị:

a. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị:

(i) Về tổ chức, nhân sự:

- Nhân sự của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 được bầu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26/04/2021 gồm 05 thành viên và đến nay vẫn đảm bảo đủ cơ cấu, số lượng và thành phần theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- Năm 2023, để phù hợp với định hướng kinh doanh và hoạch định, tình hình nhân sự, về tổ chức, Ủy ban nhân sự đã bổ sung thêm 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia Ủy ban nhân sự; thẩm quyền của Ủy ban nhân sự ổn định, không có sự thay đổi.
- Đồng thời để phù hợp với định hướng hoạt động và tăng cường nhân sự cho Ban Điều hành hoạt động kinh doanh và vận hành, ngày 15/8/2023, Vietbank đã bổ nhiệm bà Trần Tuấn Anh giữ chức danh Tổng giám đốc, đồng thời miễn nhiệm chức danh Quyền Tổng giám đốc – ông Nguyễn Hữu Trung và sau đó bổ nhiệm bà Phạm Thị Mỹ Chi – Phó Tổng giám đốc phụ trách về hỗ trợ kinh doanh, Văn phòng BTGD.

Như vậy, năm 2023, Vietbank đã hoàn tất việc bổ nhiệm nhân sự Tổng giám đốc, hoàn thiện đầy đủ cơ cấu nhân sự quản trị - kiểm soát – điều hành của Ngân hàng.

(ii) Về hoạt động kinh doanh:

- Năm 2023, Hội đồng quản trị đã họp 159 phiên họp (trực tiếp và trực tuyến), ban hành 192 Nghị quyết liên quan đến tổ chức, hoạt động của Vietbank.

Để đảm bảo tính kịp thời của các quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày, Hội đồng quản trị cũng đã giao cho Thường trực HĐQT quyết định một số nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT và vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc, theo đó, năm 2023, Thường trực HĐQT đã thông qua 221 Tờ trình, HĐQT đã ban hành 201 Quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động kinh doanh.

- Thường trực HĐQT đã tham gia họp kinh doanh định kỳ hàng tuần với Ban Điều hành, Khối Tài chính và các Vùng/Khu vực kinh doanh để thực hiện vai trò giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm, xem xét các vấn đề liên quan đến việc thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch kinh doanh, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh, đưa ra ý kiến định hướng kịp thời cho Ban Điều hành, đồng thời đưa ra các chỉ đạo kịp thời nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động kinh doanh của các Vùng/Khu vực cũng như toàn hàng.

Bên cạnh đó, Ban CSKH tham gia cùng Ban Điều hành xây dựng Kế hoạch kinh doanh năm 2024 để trình HĐQT thông qua, đồng thời xây dựng kế hoạch kinh doanh chi tiết cho toàn hàng, đảm bảo thông suốt và thống nhất trong việc giao kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Năm 2024, Hội đồng khoa học họp đều đặn hàng tháng với Thường trực HĐQT, Tổng giám đốc và các Khối liên quan để thảo luận, đánh giá tác động từ tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, chính sách kinh tế vĩ mô, đưa ra các kiến nghị, khuyến nghị cho Ban Điều hành trong hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2023, với sự sâu sát của HĐQT/Thường trực HĐQT và các Cố vấn đã giúp cho hoạt động của Vietbank đi đúng định hướng, khắc phục dần các tồn tại và những điểm chưa hiệu quả.

- Kết quả tăng vốn Điều lệ năm 2022, 2023 và việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, Hội đồng quản trị có báo cáo riêng.

(iii) Về mạng lưới hoạt động:

Năm 2023, Vietbank không thực hiện mở mới các đơn vị mạng lưới. Tuy nhiên, Vietbank vẫn thực hiện rà soát và củng cố hệ thống mạng lưới hiện hữu. Đồng thời, Vietbank đã nộp hồ sơ và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận kế hoạch phát triển mạng lưới năm 2023 với việc mở mới 05 Chi nhánh và 09 Phòng giao dịch. Theo đó, năm 2024, Vietbank sẽ triển khai thực hiện kế hoạch mở mới 05 Chi nhánh và 09 Phòng Giao dịch đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận và tiếp tục rà soát, đánh giá lại địa điểm, lên kế hoạch di dời địa điểm 07 TTKD và tái ký hợp đồng thuê địa điểm 22 TTKD.

(iv) Cơ sở vật chất và CNTT:

Vietbank vẫn tiếp tục duy trì và củng cố cơ sở vật chất để đảm bảo hoạt động kinh doanh thường xuyên, liên tục và an toàn. Bên cạnh đó, Ban dự án Core banking cũng thực hiện rà soát lại các vấn đề của dự án, các điều kiện về tài chính cũng như nhân sự để triển khai tiếp các cấu phần còn lại (cải tiến Kondor, dự án Fusion Corporate Channels, dự án Digital Channels và eKYC), đồng thời gia tăng hàm lượng công nghệ trong các sản phẩm dịch vụ của Vietbank: Kios banking, Mobile banking, rút ngắn thời gian thực hiện giao dịch.

223
NG
TH
c
V
TH
CTI

b. Hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị:

(i) Ủy ban quản lý rủi ro:

Năm 2023, Ủy ban quản lý rủi ro đã họp 04 phiên (bao gồm lấy ý kiến bằng văn bản), đồng thời các thành viên Thường trực HĐQT cũng là thành viên Ủy ban QLRR thường xuyên dự các phiên họp về ALCO, tham gia trực tiếp trong công tác chỉ đạo xây dựng các chính sách, quy chế về tín dụng, sản phẩm, cho vay, huy động và thông qua các báo cáo QLRR định kỳ của Vietbank; chỉ đạo hoạt động của Ngân hàng chi tiết, cụ thể thông qua các cuộc họp HĐQT, họp giao ban khu vực, giao ban định kỳ với Ban Điều hành. Vì vậy, các chỉ đạo của các thành viên UBQLRR đã được cụ thể hóa trong công tác điều hành của các thành viên trong năm 2023.

(ii) Ủy ban nhân sự:

Năm 2023, Ủy ban nhân sự đã họp 25 phiên. Thường trực Ủy ban nhân sự/UBNS đã thông qua 151 quyết định về nhân sự và các vấn đề liên quan đến công tác nhân sự, tiền lương và các chế độ khác của CB-NV, tham mưu cho HĐQT các vấn đề về nhân sự theo chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban.

(iii) Hội đồng xử lý rủi ro:

Trong năm 2023, để xử lý các trường hợp về cơ cấu nợ; phân loại nợ và chính sách dự phòng rủi ro; các biện pháp thu hồi nợ và những quyết định khác nằm trong thẩm quyền được giao, Hội đồng đã họp/lấy ý kiến bằng văn bản 156 lượt.

(iv) Hội đồng mua sắm tài sản:

Hội đồng đã họp 30 phiên và 08 lần lấy ý kiến bằng văn bản về mua sắm tài sản công nghệ thông tin, hành chính, xây dựng cơ bản và marketing, truyền thông trong năm 2023 để thông qua các quyết định liên quan.

(v) Hội đồng khoa học:

Năm 2023, Hội đồng khoa học đã họp 11 phiên. Hội đồng Khoa học nghiên cứu và đưa ra đề xuất, kiến nghị tham mưu cho HĐQT/TT HĐQT các vấn đề liên quan đến cập nhật thông tin chính sách kinh tế vĩ mô, diễn biến tình hình thị trường trong và ngoài nước tác động đến hoạt động ngân hàng.

(vi) Ủy ban đầu tư:

Hoạt động của Ủy ban đầu tư năm 2023 tập trung vào việc các hoạt động trên thị trường 2, đánh giá và rà soát danh mục đầu tư, các hoạt động sử dụng vốn nhằm đảm bảo việc sử dụng tối ưu nguồn vốn dư thừa từ thị trường 1. Năm 2023, Ủy ban đầu tư đã họp 05 phiên và 14 lần lấy ý kiến bằng Văn bản để đưa ra các quyết định, ứng xử đầu tư kịp thời.

c. Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT:

Năm 2023, các thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có ý kiến kịp thời đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Theo đánh giá của Hội đồng quản trị năm 2023, các thành viên HĐQT hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

d. Đánh giá hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT:

- Ủy ban quản lý rủi ro: hoàn thành nhiệm vụ;
- Ủy ban nhân sự: hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Hội đồng xử lý rủi ro: hoàn thành nhiệm vụ;
- Hội đồng mua sắm tài sản: hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- Hội đồng khoa học: hoàn thành nhiệm vụ.
- Ủy ban đầu tư: hoàn thành nhiệm vụ

3. Thủ lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Hội đồng quản trị:

- Tổng ngân sách và thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023): 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng). Đồng thời, giao HĐQT/Thường trực HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể đối với từng thành viên.
- Thủ lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Hội đồng quản trị: *xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, phần Thuyết minh, mục 35 "Giao dịch chủ yếu với các bên liên quan".*

4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc:

- Trong năm 2023, ngoài cuộc họp HĐQT hàng quý để thảo luận và có ý kiến đối với kết quả điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc cũng như việc thực hiện, triển khai các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hàng tháng, trên cơ sở báo cáo định kỳ của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị cũng đã xem xét, có ý kiến để Ban Tổng giám đốc có các điều chỉnh giải pháp kinh doanh cụ thể và phù hợp.
- Thường trực Hội đồng quản trị, các Cố vấn HĐQT họp thảo luận nhanh hàng tuần với Ban Điều hành, các Giám đốc Vùng/Khu vực để xem xét các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh và/hoặc hợp, thảo luận theo từng mảng nghiệp vụ (tín dụng, tăng trưởng HĐV, quản lý rủi ro, xử lý nợ, quản lý TSN-TSC...) đưa ra ý kiến định hướng kịp thời cho Ban Điều hành. Trong năm 2023, với sự sâu sát của HĐQT/Thường trực HĐQT và các Cố vấn đã giúp cho hoạt động của Vietbank đi đúng định hướng, mục tiêu kinh doanh, khắc phục các tồn tại và những điểm chưa hiệu quả.
- Ngoài ra, định kỳ hàng tháng, Thường trực Hội đồng quản trị tham dự họp giao ban mở rộng cùng Ban Điều hành và các Khối/Phòng/Ban, các Khu vực và các TTKD trên toàn Hệ thống để nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc đối với hoạt động điều hành. Thường trực HĐQT cùng Ban Điều hành làm việc trực tiếp với các Vùng, Khu vực kinh doanh để định hướng hoạt động kinh doanh, xử lý các vấn đề phát sinh.
- Với kết quả kinh doanh năm 2023, HĐQT đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc là hoàn thành nhiệm vụ.

09:
10/17
NG
PH
T N
JNK
06

5. Các tồn tại cần khắc phục:

Năm 2023, hoạt động của Hội đồng quản trị đã bám sát, chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành, nâng cao vai trò giám sát của Hội đồng quản trị đối với hoạt động điều hành của Tổng giám đốc. Năm 2023, biến động lớn của thị trường trong nước và thế giới, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của ngân hàng, cũng như hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị chỉ tập trung xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày, chưa thật tập trung đi sâu vào các chuyên đề cụ thể thuộc chức năng, nhiệm vụ của các Hội đồng. Ủy ban để tối ưu hoạt động của các HĐ-UB.

II. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

1. Định hướng các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

a. Các chỉ tiêu chính:

- Tổng tài sản: 145.000 tỷ đồng – 150.000 tỷ đồng.
- Tổng nguồn vốn huy động (gồm GTCG) : 110.000 tỷ đồng - 116.000 tỷ đồng.
- Dư nợ cho vay đạt 90.000 tỷ đồng – 95.000 tỷ đồng (*tùy thuộc vào chỉ tiêu tín dụng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp cho Vietbank – nếu có*).
- Danh mục chứng khoán đầu tư: 23.750 tỷ đồng – 24.500 tỷ đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức : 10% - 11%
- Lợi nhuận trước thuế: 950 tỷ đồng – 1.050 tỷ đồng.
- Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ: $\leq 2,5\%$.

b. Bảng cân đối (ĐVT: tỷ đồng):

BẢNG CÂN ĐỐI	KẾ HOẠCH CƠ SỞ NĂM 2024	KẾ HOẠCH PHẤN ĐẤU NĂM 2024
Tổng tài sản Có	145.000	150.000
Cho vay khách hàng & TPDN	90.000	95.000
Chứng khoán đầu tư	23.750	24.500
TPCP & CPBL	13.750	14.500
TP TCTD Khác	10.000	10.000
Tài sản Có khác	3.555	3.637
Tổng tài sản Nợ & Vốn CSH	145.000	150.000

Handwritten signature

BẢNG CÂN ĐỐI	KẾ HOẠCH CƠ SỞ NĂM 2024	KẾ HOẠCH PHẤN ĐẤU NĂM 2024
Tổng nợ phải trả	136.379	141.167
TG khách hàng & PH GTCG	110.000	116.000
- KKH	5.500	5.800
-CKH (gồm phát hành GTCG)	104.500	110.200
Tài sản Nợ khác	3.625	3.750
Vốn chủ sở hữu	8.748	8.828

2. Định hướng hoạt động:

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT tiếp tục rà soát, sắp xếp lại các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT trên cơ sở cơ cấu nhân sự của HĐQT và các quy định của pháp luật có liên quan, theo hướng tinh gọn và không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ; hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban cũng đi vào chiều sâu và thực chất hơn nhằm hỗ trợ, tham mưu tốt hơn cho hoạt động của HĐQT theo đúng định hướng trong giai đoạn mới. Sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Vietbank phù hợp với thực tế hoạt động để đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của bộ máy.

- Hoạt động của HĐQT, tin dụng, quản lý rủi ro, chiến lược kinh doanh; chiến lược, kế hoạch dài hạn phát triển bền vững... thông qua các Hội đồng, Ủy ban, Ban chỉ đạo và Ban triển khai các dự án liên quan đến các vấn đề này.

HĐQT sẽ tổ chức một số Hội nghị, hội thảo theo chuyên đề dành cho HĐQT, Ban KS, Ban Điều hành và Cán bộ quản lý cấp cao của Ngân hàng để nắm bắt các xu hướng quản trị, điều hành tiên tiến trong nước và quốc tế.

- Thực hiện quản trị ngân hàng theo đúng chuẩn mực, quy định của pháp luật về công ty đại chúng. Năm 2024, Vietbank sẽ tiếp tục hoàn tất, củng cố các điều kiện và sẽ xem xét việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chính thức khi thời cơ và điều kiện thị trường cho phép.
- Tiếp tục triển khai và hoàn tất việc tăng vốn điều lệ theo (các) Nghị quyết của ĐHĐCĐ để nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng theo đúng lộ trình cam kết với NHNN tại Phương án cơ cấu lại hoạt động giai đoạn 2021-2025.
- HĐQT đầu mối và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện rà soát, điều chỉnh sửa đổi Điều lệ, các Quy chế, quy định của Vietbank theo Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024.
- Chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các giải pháp kinh doanh để tăng trưởng theo đúng định hướng phát triển, đảm bảo đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2024.



Handwritten signature

- Chỉ đạo Ban Điều hành rà soát, đánh giá lại thực trạng hoạt động, triển khai thực hiện các giải pháp cơ cấu lại hoạt động giai đoạn 2021-2025 phù hợp thực tế hoạt động tại Vietbank và chỉ đạo của NHNN.
- Chỉ đạo Ban Điều hành về công nghệ thông tin và Ngân hàng số: hoạt động đảm bảo hệ thống CNTT hoạt động an toàn, rà soát lại các nội dung chưa hoàn tất của Dự án để đánh giá và tiếp tục triển khai, phối hợp và hỗ trợ các khối, phòng ban để số hóa hoạt động và mang lại tiện ích cho khách hàng cũng như Ngân hàng.
- Chỉ đạo Ban Điều hành xây dựng và áp dụng các giải pháp để vận hành thông minh, hiệu quả hướng tới mục tiêu nhanh, gọn và phục vụ tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Bên cạnh đó, việc cải tiến phương thức, cách thức, thái độ phục vụ khách hàng, đào tạo Giao dịch viên, CBNV chăm sóc khách hàng là một yêu cầu quan trọng hàng đầu để góp phần cải thiện hình ảnh thương hiệu của Vietbank.
- Chỉ đạo Ban Điều hành về công tác nhân sự: hoạt động đảm bảo chất lượng nhân sự đầu vào và năng suất lao động của toàn hệ thống, đảm bảo chất lượng đào tạo.
- Rà soát, củng cố hệ thống cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu kinh doanh, tối ưu hóa cơ sở vật chất hiện có để tiết giảm chi phí.
- Phối hợp, hỗ trợ Ban Kiểm soát để nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ theo hướng: kiểm toán đồng hành với hoạt động kinh doanh để ít xảy ra rủi ro nhất.

Năm 2024 mở ra nhiều cơ hội, nhất là khi thế giới đang từng bước nới lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, tạo thêm nhiều công ăn việc làm. Đối với kinh tế trong nước, năm 2024 những áp lực về điều hành chính sách tiền tệ của nước lớn, biến động giá cả hàng hóa và dòng vốn đầu tư nước ngoài đối với thị trường trong nước sẽ giảm bớt. Nhu cầu tiêu dùng, sản xuất của thế giới, và trong nước sẽ dần được phục hồi tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển mở rộng kinh doanh, người dân gia tăng thu nhập.

ĐHQT tin rằng, với sự kế thừa và phát huy những thành tựu, kết quả đạt được trong suốt giai đoạn khó khăn vừa qua, đồng thời sự triển khai quyết liệt các giải pháp trọng tâm trên cơ sở đồng lòng, đoàn kết, nhất trí trong toàn hệ thống, sự ủng hộ của quý Cổ đông, quý đối tác và các khách hàng, tập thể Vietbank sẽ tiếp tục vững bước vượt qua những khó khăn thử thách, tiếp tục bứt phá để đạt được những mục tiêu của năm 2024 và giai đoạn 2024 - 2025.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐƯƠNG NHẤT NGUYỄN

Sóc Trăng, ngày 15 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua;
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ của Ngân hàng Việt Nam Thương Tín (VIETBANK).
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của VIETBANK được Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán lập ngày 29/03/2024.

Ban Kiểm soát Ngân hàng Việt Nam Thương Tín trân trọng kính báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông Vietbank các nội dung như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2023

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trên cơ sở các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, định hướng phát triển của Ngân hàng, trong năm 2023, Ban Kiểm soát thực thi nhiệm vụ của mình thông qua các hoạt động sau:

1.1. Công tác giám sát của Ban Kiểm soát:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của Vietbank trong công tác quản trị, điều hành Ngân hàng và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số cuộc họp giao ban của Ban Điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động và đóng góp ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả và an toàn trong hoạt động Ngân hàng.

1.2. Công tác kiểm toán nội bộ:

- Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán hàng năm đã được Ban Kiểm soát phê duyệt và đăng ký với Ngân hàng Nhà nước. Trong năm 2023, Kiểm toán nội bộ đã hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2023 đã gửi và báo cáo Ngân hàng Nhà nước, kịp thời ghi nhận và yêu cầu xử lý khắc phục khi xảy ra sai sót phát sinh. Công tác theo dõi khắc phục các kiến nghị của kiểm toán nội bộ luôn được chú trọng và yêu cầu có sự phối hợp của các cấp



nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng của công tác kiểm soát giám sát. Công tác tuyển dụng và đào tạo luôn được quan tâm nhằm củng cố lực lượng, nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ kiểm toán viên; từ đó, nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.

- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng giám sát, việc tuân thủ các quy định về tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động; giám sát các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Ngân hàng như huy động vốn, sử dụng vốn, chất lượng tín dụng; giám sát thực hiện các chỉ thị/ kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Thanh tra giám sát,...

1.3. Công tác khác:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định báo cáo tài chính bán niên và cho cả niên độ tài chính của Ngân hàng, báo cáo kết quả thẩm định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên thông qua.
- Ban Kiểm soát thường xuyên chỉ đạo rà soát để ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát.
- Ban Kiểm soát đề nghị để Hội đồng quản trị quyết định chọn công ty kiểm toán độc lập Ernst & Young Việt Nam (EY) thực hiện kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ Vietbank đối với năm tài chính 2022 (Hệ thống kiểm soát nội bộ về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá kiểm soát nội bộ của Ngân hàng theo yêu cầu của Phụ lục 1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018); Đối với năm tài chính 2023, Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị chọn công ty kiểm toán độc lập KPMG cung cấp dịch vụ kiểm toán này.
- Ban Kiểm soát đề nghị để Hội đồng quản trị quyết định chọn công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO thực hiện kiểm toán tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu còn dư nợ theo quy định tại Nghị định 153/2020/NĐ-CP và Nghị định 65/2022/NĐ-CP.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021 được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, hiện tại, Ban Kiểm soát Vietbank có 03 thành viên gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên chuyên trách đáp ứng theo quy định cơ cấu tổ chức Ban Kiểm soát theo Luật định.
- Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng nhiệm vụ thông qua việc tổ chức các phiên họp định kỳ/đột xuất theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát Vietbank.
- Trong phạm vi công việc được phân công, các thành viên triển khai thực hiện nhiệm vụ, các công việc theo định hướng hoạt động của Ngân hàng trong từng cuộc họp Ban Kiểm soát;
- Đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác chỉ đạo thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát, quản lý rủi ro.
- Ban Kiểm soát tự đánh giá hoàn thành công việc và nhiệm vụ. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm soát: trong năm 2023, Trưởng Ban và các thành viên đã hoàn thành chức trách được giao, đã kịp thời hỗ trợ, có những chỉ đạo, định hướng sát với tình hình thực tế đối với hoạt động kiểm toán nội bộ; đồng hành

với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong công tác quản trị điều hành hoạt động Ngân hàng. Qua đó đã kịp thời thông qua các vấn đề, nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát nhằm triển khai đầy đủ kế hoạch hoạt động và các công việc liên quan theo quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Vietbank.

3. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Tổng ngân sách và thủ lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua (theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023): 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng). Đồng thời, giao Hội đồng quản trị /Thường trực HĐQT quyết định mức thủ lao cụ thể đối với từng thành viên.
- Thủ lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban Kiểm soát: xin xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 phần Thuyết minh, mục 35 "Giao dịch với các bên liên quan".

II. VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG:

1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành năm 2023:

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban điều hành.

- Hội đồng quản trị tổ chức các phiên họp định kỳ theo quy định; đã tổ chức các cuộc họp, ban hành các nghị quyết liên quan đến tổ chức hoạt động của Vietbank, đánh giá tình hình hoạt động trong kỳ và triển khai định hướng chung cho toàn Ngân hàng.
- Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Vietbank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.
- Trong năm 2023 với bối cảnh nền kinh tế vĩ mô chịu nhiều sự biến động, tình hình chung của Ngành Ngân hàng trong đó có Vietbank đã phải đối mặt với thực trạng phải chịu sự gia tăng đáng kể của chi phí đầu vào trong hơn 6 tháng đầu năm 2023; đồng thời, lãi suất đầu ra giảm dần và tăng trưởng tín dụng ngành Ngân hàng bị chững lại. Kết quả đạt được năm 2023 đã cho thấy sự nỗ lực của tập thể CBNV Vietbank dưới sự chỉ đạo xuyên suốt, đúng định hướng của Hội đồng quản trị, cụ thể:
 - Về an toàn hoạt động: Vietbank đảm bảo và duy trì các chỉ số an toàn theo quy định của NHNN, kiểm soát được nợ quá hạn (nợ xấu được kiểm soát dưới mức 2.5%), tích cực xử lý thu hồi nợ xấu; đảm bảo thanh khoản; kịp thời cấu trúc lại các mảng hoạt động kinh doanh tiềm ẩn nhiều rủi ro theo diễn biến thị trường.
 - Về kế hoạch kinh doanh: tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2023, mặc dù chỉ tiêu lợi nhuận chưa đạt mục tiêu đề ra nhưng trong bối cảnh độ hấp thụ vốn tín dụng Ngân hàng đang thấp thì lợi nhuận lũy kế đã phản ánh đúng thực tế bối cảnh thị trường, điều kiện của ngành Ngân hàng, lấy mục tiêu an toàn ổn định làm ưu tiên.
 - Về công tác kiểm soát, tuân thủ trong hoạt động: hoạt động của Vietbank có nhiều sự chuyển biến tích cực, ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành; ba tuyến phòng thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ đang tiếp tục được củng cố kiện toàn.
- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh của Vietbank và xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động;

- Trên cơ sở chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã nghiêm túc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng; chấp hành các quy định của Ngân hàng Nhà nước về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động Ngân hàng.
- Ban điều hành có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo định hướng năm 2023 của Vietbank trong điều kiện thị trường biến động vào các tháng cuối năm. Kết thúc năm 2023, tổng tài sản của Vietbank đạt hơn 138.000 tỷ đồng; cấu trúc danh mục tài sản tiếp tục được cơ cấu theo hướng gia tăng tỷ trọng tài sản có sinh lời. Tại thời điểm 31/12/2023, tỷ lệ nợ xấu của Vietbank nằm trong mức giới hạn theo quy định của NHNN Việt Nam.
- Hội đồng quản trị, Ban điều hành luôn hỗ trợ, phối hợp tương tác với Ban Kiểm soát trong công tác giám sát hoạt động của Vietbank, ghi nhận và triển khai thực hiện các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát nhằm tăng cường công tác kiểm soát, quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hệ thống.

2. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

- Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, của Vietbank và vì lợi ích chung của cổ đông. Hội đồng quản trị, Ban điều hành luôn tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát triển khai, hoàn thành nhiệm vụ.
- Ban Kiểm soát được Hội đồng quản trị và Ban điều hành cung cấp các thông tin, tài liệu theo yêu cầu để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.
- Thông qua hoạt động kiểm soát, Ban Kiểm soát đã đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với Hội đồng quản trị và Ban điều hành nhằm tăng cường công tác kiểm soát, giảm thiểu rủi ro. Các kiến nghị, đề xuất đã được ghi nhận và chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

III. VỀ KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023:

Trên cơ sở thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được lập ngày 29/03/2024 do Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán, Ban Kiểm soát thống nhất toàn bộ số liệu đồng thời báo cáo một số chỉ tiêu trọng yếu của năm tài chính 2023 như sau:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
Về các chỉ tiêu liên quan đến kinh doanh			
1	Tổng tài sản	138.262.087	138.258.073
2	Cho vay khách hàng	80.754.430	80.754.430
3	Tiền gửi khách hàng	90.000.811	89.995.715
4	Lợi nhuận trước thuế	811.945	811.945

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	
		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
Về các chỉ tiêu liên quan đến vốn chủ sở hữu			
1	Vốn chủ sở hữu	6.895.659	6.895.659
2	Vốn điều lệ	4.776.827	4.776.827
3	Các quỹ	495.800	495.800
4	Lợi nhuận chưa phân phối	1.623.032	1.623.032

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2024 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, định hướng hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 như sau:

- Tiếp tục tăng cường và nâng cao hoạt động giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ trong việc quản trị, điều hành Vietbank;
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ Vietbank;
- Phối hợp cùng với Hội đồng quản trị và Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ trong hoạt động ngân hàng.
- Thực hiện hiệu quả chức năng kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động Kiểm toán nội bộ, không ngừng nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ nhằm kịp thời phát hiện, ngăn ngừa và xử lý những tồn tại, bất cập góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng, kịp thời ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro hoạt động liên quan đến yếu tố con người, nhân sự chủ chốt.
- Chỉ đạo và giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ theo quy định tại Thông tư 13 của NHNN và quy định nội bộ của Vietbank trong việc:
 - i. Triển khai thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 và xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025;
 - ii. Kiện toàn tổ chức nhân sự kiểm toán nội bộ và không ngừng nâng cao chất lượng nhân sự kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm toán nội bộ và tối ưu hóa nguồn lực, góp phần vào sự phát triển chung của Ngân hàng.

Kính báo cáo và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Nơi nhận:

- Cổ đông Ngân hàng Vietbank;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VP.HĐQT.



Sóc Trăng, ngày 22 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

BÁO CÁO

V/v Báo cáo kết quả triển khai hồ sơ tăng vốn điều lệ và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2023;

Hội đồng quản trị trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ năm 2022, 2023 và niêm yết trên thị trường chứng khoán đối với cổ phiếu Vietbank (Mã CK: VBB), cụ thể như sau:

I. Đối với việc triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ từ thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu :

Ngày 26/4/2022, Đại hội đồng cổ đông Vietbank đã ban hành Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐQT để thông qua Phương án tăng vốn điều lệ với tổng số tiền tăng thêm là 1.003.000.000.000 đồng. Theo đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Văn phòng HĐQT và các Khối/Trung tâm/Phòng Ban liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ nộp hồ sơ xin Ngân hàng Nhà nước chấp thuận Phương án tăng vốn và thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 05/07/2022, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có công văn số 4592/NHNN-TTGSNH về việc chấp thuận cho VietBank tăng vốn điều lệ tối đa thêm 1.003.133.600.000 đồng, thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ VietBank thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 và HĐQT VietBank thông qua tại Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐQT ngày 01/06/2022 và Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 14/06/2022. Vietbank tiếp tục quá trình chuẩn bị hồ sơ thực hiện thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Tuy nhiên tình hình thị trường tài chính trong nước giai đoạn cuối năm 2022 và kéo dài qua các tháng đầu năm 2023 có nhiều biến động lớn, lãi suất có xu hướng tăng cao và thanh khoản toàn thị trường có những thời điểm căng thẳng nhất định. Để đảm bảo quá trình tăng vốn của Vietbank theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông diễn ra thành công, tránh ảnh hưởng đến hình ảnh của Vietbank đối với



khách hàng, Hội đồng quản trị Vietbank đã báo cáo và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua việc tiếp tục triển khai tăng vốn theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023. Hội đồng quản trị kính báo cáo chi tiết quá trình triển khai tăng vốn như sau:

- Để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023, ngày 28/06/2023, Hội đồng quản trị Vietbank đã ban hành Nghị quyết HĐQT số 66/2023/NQ-HĐQT. Đồng thời, ngày 30/06/2023, Vietbank đã nộp hồ sơ xin chấp thuận tăng vốn điều lệ năm 2023 đến NHNN và ngày 25/7/2023, NHNN đã có Văn bản chấp thuận số 5872/NHNN – TTGSNH v/v Vietbank đề nghị chấp thuận tăng vốn điều lệ.
- Tiếp đó, ngày 08/08/2023, Vietbank đã nộp hồ sơ xin đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ đến UBCKNN. Ngày 22/08/2023, ngày 16/10/2023 và 07/12/2023, UBCKNN có văn bản số 5682/UBCK-QLCB, số 6939/UBCK-QLCB và số số 8617/UBCK-QLCB đề nghị Vietbank giải trình và bổ sung một số tài liệu liên quan đến hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Vietbank. Vietbank đã thực hiện giải trình và gửi bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của UBCKNN.
- Ngày 19/12/2023, Vietbank được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK.
- Ngày 25/12/2023, Vietbank đã thực hiện các thủ tục công bố thông tin, đăng báo đối với Thông báo chào bán cổ phiếu, bản cáo bạch chính thức... và gửi VSD đối với Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng đúng theo quy định pháp luật. Theo đó, ngày 09/01/2024 là ngày đăng ký cuối cùng; thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền là từ ngày 16/01/2024 đến hết ngày 28/02/2024.
- Do thời gian phân phối cổ phần trùng vào dịp Tết Nguyên Đán Giáp năm 2024, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông, Vietbank đã xin gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng với UBCKNN thêm 30 ngày và đã được UBCKNN chấp thuận theo Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024. Theo đó, thời gian đăng ký đặt mua và nộp tiền là từ ngày 16/01/2024 đến hết ngày 22/03/2024.

Đến thời điểm hiện tại, Vietbank đã hoàn tất việc chào bán cổ phiếu và được UBCKNN xác nhận kết quả chào bán, theo đó, tại Văn bản số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/4/2024, Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã xác nhận Vietbank đã chào bán thành công và thực hiện phân phối 93.470.601 cổ phiếu; Vietbank đang thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sửa đổi Giấy phép hoạt động của Vietbank nội dung về Vốn Điều lệ.

Như vậy, đối với việc tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2022 và 2023. Hội đồng quản trị Vietbank đang triển khai theo đúng tiến độ của quá trình chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Vietbank, văn bản chấp thuận Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác. Do đó, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Nội dung báo cáo triển khai tăng vốn điều lệ nêu trên;
2. Giao Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan, làm việc với NHNN và các cơ quan hữu quan khác để thực hiện tiếp các công việc tiếp theo nhằm hoàn tất các thủ tục triển khai tăng vốn theo đúng quy định.

II. Đối với việc triển khai thực hiện niêm yết trên thị trường chứng khoán đối với cổ phiếu Vietbank:



Ngày 26/4/2023, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã thông qua việc niêm yết cổ phiếu Vietbank (Mã CK: VBB) tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) khi thời điểm và điều kiện thị trường thuận lợi.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh của Vietbank trong năm 2021, 2022 và Phương án cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu của Vietbank giai đoạn 2021 – 2025, Vietbank đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện về kết quả kinh doanh, hiệu quả kinh doanh, các chỉ số tài chính và quản trị điều hành theo quy định theo quy định của pháp luật để niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Tuy nhiên, trong năm 2023, bối cảnh thị trường tài chính trong nước các tháng đầu năm biến động mạnh sau ảnh hưởng của các sự kiện trong nước (FLC, SCB -Vạn Thịnh Phát...) và tình hình thế giới... thị trường tài chính năm 2023 mất với nhiều khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh đó, Vietbank tập trung phát triển kinh doanh đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả song song với việc hoàn thiện cơ cấu bộ máy tổ chức điều hành, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của hệ thống ngân hàng hiện đại.

Theo đánh giá của Ban lãnh đạo Vietbank, việc niêm yết cổ phiếu Vietbank tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) thời điểm trong năm 2023 sẽ không phản ánh đúng giá trị cổ phiếu và đảm bảo quyền lợi của Cổ đông. Vì vậy, Vietbank chưa triển khai thực hiện việc niêm yết đối với cổ phiếu Vietbank trong năm 2023.

Nhằm nâng cao vị thế, uy tín, thương hiệu Vietbank trên thị trường, tạo thuận lợi cho việc giao dịch cổ phiếu của cổ đông, đồng thời tranh thủ cơ hội thu hút thêm nguồn vốn đầu tư để hỗ trợ cho hoạt động của ngân hàng, nâng cao năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng để thực hiện các mục tiêu chiến lược giai đoạn 2021-2025. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua cụ thể như sau:

1. Chuyển giao dịch cổ phiếu VBB từ hệ thống giao dịch Upcom sang niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) khi thời điểm và điều kiện thị trường thuận lợi trên cơ sở đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.
2. Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến công việc nêu trên, chỉ đạo Ban điều hành, các Khối/Trung tâm/Phòng, Ban và Văn phòng HĐQT thực hiện các thủ tục liên quan theo đúng quy định của pháp luật.

Kính báo cáo và trình Đại hội đồng Cổ đông.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DUY NHẤT NGUYỄN

269805-C.T.C.P
NGÂN HÀNG
THƯƠNG MẠI
CỔ PHẦN
VIỆT NAM
THƯƠNG TÍN
TP. SÀI GÒN TRĂNG - VIỆT NAM

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng (TCTD) số 47/2010/QH12 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14; Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
- Căn cứ Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư 16/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 về hướng dẫn một số điều về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Báo cáo tài chính Riêng lẻ và Hợp nhất năm 2023 của Vietbank đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, cụ thể như sau:

I. Chi tiết phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

DVT: đồng

STT	KHOẢN MỤC	THUYẾT MINH	THÀNH TIỀN
1	Lợi nhuận trước thuế của riêng ngân hàng		811,945,298,423
2	Lợi nhuận sau thuế của riêng ngân hàng		646,866,026,767
3	Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(2) x 5%	32,343,301,338
4	Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(2) x 10%	64,686,602,676
5	Lợi nhuận còn lại sau thuế và trích các Quỹ bắt buộc	(2)-(3)-(4)	549,836,122,753
6	Trích lập quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi		30,000,000,000
6.1	- Quỹ khen thưởng		24,000,000,000
6.2	- Quỹ phúc lợi		6,000,000,000
7	Lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ năm 2023	(5)-(6)	519,836,122,753

DVT: đồng

STT	KHOẢN MỤC	THUYẾT MINH	THÀNH TIỀN
8	Lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ đến năm 2022		1,073,195,661,611
9	Tổng lợi nhuận chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ đến năm 2023	(7)+(8)	1,593,031,784,364
10	Hình thức chi trả cổ tức	Cổ phiếu	
11	Lợi nhuận dùng để chi trả cổ tức (dự kiến tương đương 25% tổng số vốn cổ phần phổ thông đang lưu hành tại thời điểm chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức)		1,427,883,180,000
12	Lợi nhuận năm 2023 giữ lại không chia	(9)-(11)	165,148,604,364

II. Kiến nghị

- Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận nêu trên.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền và giao Hội đồng quản trị: (i) trường hợp Luật các TCTD năm 2024 và các văn bản pháp luật thi hành (hiệu lực sau ngày ĐHĐCD thông qua Tờ trình này) có quy định, yêu cầu về tỷ lệ phải trích quỹ của năm 2023 khác với tỷ lệ trên thì Hội đồng quản trị quyết định và thực hiện trích lập các quỹ để tuân thủ quy định pháp luật; (ii) tổ chức thực hiện phân phối lợi nhuận và quyết định sử dụng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các nguồn vốn chủ sở hữu khác trên cơ sở hài hòa quyền lợi của Vietbank, quyền lợi của cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật; (iii) triển khai phương án tăng vốn điều lệ 2024 thông qua chi trả cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn Lợi nhuận giữ lại đến năm 2023 để thực hiện các thủ tục xin ý kiến chấp thuận của NHNN. Số tiền chi trả cổ tức bằng cổ phiếu thực tế phụ thuộc vào Vốn cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân phối cổ phiếu. Số tiền còn lại do làm tròn số sau khi phân phối cổ phiếu sẽ đưa vào nguồn vốn chủ sở hữu theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông.

Trân trọng././

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Sóc Trăng, ngày 22 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Phương án tăng Vốn điều lệ Vietbank năm 2024

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng (TCTD) số 47/2010/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD số 17/2017/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 20/11/2017; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính v/v hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Phương án cơ cấu lại hoạt động giai đoạn 2021-2025 đã được NHNN chấp thuận;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến Phương án tăng Vốn điều lệ Vietbank năm 2024, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết phải tăng Vốn điều lệ:

Việc tăng Vốn điều lệ năm 2024 của Vietbank là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng để thực hiện các mục tiêu chiến lược của Vietbank giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

- Đảm bảo phù hợp với Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 689/QĐ-TTg và các chỉ đạo có liên quan của NHNN cũng như Phương án cơ cấu lại của VietBank;
- Đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, cũng như nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng;
- Nâng cao năng lực hoạt động bằng việc đầu tư, phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo định hướng ngân hàng số hiện đại, và hệ thống thẻ ngân hàng, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị Ngân hàng và cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới;
- Nâng cao khả năng mở rộng, phát triển mạng lưới hoạt động của Ngân hàng;



- Bổ sung nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh khác sinh lời cho Ngân hàng.

II. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

1. Mức tăng vốn điều lệ:

- Vốn Điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: **4.776.826.690.000 đồng** (Bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn) tương ứng với 477.682.669 cổ phần, trong đó:
 - ✓ Cổ phần phổ thông: 477.682.669 cổ phần;
 - ✓ Cổ phần ưu đãi: 0
 - ✓ Cổ phiếu quỹ: 0.
- Tổng mức tăng vốn điều lệ dự kiến tăng: **2.362.589.190.000 đồng** (Hai ngàn ba trăm sáu mươi hai tỷ năm trăm tám mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng chẵn), trong đó:
 - + Tăng từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHCĐ ngày 26/04/2023 và Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo Văn bản số số 5872/NHNN –TTGSNH ngày 25/7/2023; Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK ngày 19/12/2023, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thêm 30 ngày theo Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024; Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy xác nhận kết quả chào bán theo Văn bản số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/04/2024: **934.706.010.000 đồng** (Chín trăm ba mươi bốn tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu không trăm mười ngàn đồng chẵn)
 - + Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ mới năm 2024: **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn), tăng 25% so với vốn điều lệ sau khi dự kiến tăng thêm;
- Vốn Điều lệ mới dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn: **7.139.415.880.000 đồng** (Bảy ngàn một trăm ba mươi chín tỷ bốn trăm mười lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn);

2. Phương án tăng vốn điều lệ:

- 2.1 Tiếp tục triển khai Phương án tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận theo Văn bản số số 5872/NHNN –TTGSNH ngày 25/7/2023; Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK ngày 19/12/2023, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thêm 30 ngày theo Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024):
 - Tổng số tiền tăng vốn: **934.706.010.000 đồng** (Chín trăm ba mươi bốn tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu không trăm mười ngàn đồng chẵn).
 - Đến thời điểm hiện tại, Phương án tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước xác nhận kết quả chào bán theo Văn bản số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/04/2024 với số cổ phần chào bán thành công là **93.470.601 cổ phần** tương ứng mức vốn điều lệ tăng là : **934.706.010.000 đồng**.
 - Hiện tại, Vietbank đang thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sửa đổi Giấy phép hoạt động của Vietbank nội dung về Vốn Điều lệ.
 - Thời gian dự kiến hoàn thành: quý 2, 3 năm 2024.

2.2 Phương án Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

Tăng vốn điều lệ thêm **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) thông qua việc phát hành **142.788.318 CP** (Một trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn không trăm lẻ bảy cổ phần), mệnh giá **10.000 đồng/ CP**; (tương đương với tỷ lệ 25% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành – bao gồm cả cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu tại mục 2.1).

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông theo quy định của pháp luật từng thời kỳ;
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: **142.788.318 CP** (Một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn không trăm lẻ bảy cổ phần), mệnh giá **10.000 đồng/ CP**;
- Tổng mệnh giá phát hành: **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn);
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến 31/12/2023: 166.465.878.960 đồng;
- Quỹ dự phòng tài chính đến 31/12/2023: 329.334.126.442 đồng;
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023: 1.623.031.784.364 đồng
- Nguồn thực hiện: từ lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023, phù hợp quy định, trong đó:
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Vietbank năm 2023: 646.866.026.767 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế riêng của Vietbank năm 2023: 646.866.026.767 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hợp nhất của Vietbank đến năm 2023: 1.623.031.784.364 đồng
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hợp nhất của Vietbank đến năm 2023 sau khi trích lập các quỹ: 1.593.031.784.364 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế riêng của Vietbank đến năm 2023 sau khi trích lập các quỹ: 1.593.031.784.364 đồng;
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn – đính kèm.
- Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn – đính kèm.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại là 0.00% và dự kiến sau khi tăng vốn là 0.00%
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến từ Quý 4 năm 2024 đến Quý 1 năm 2025. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.
- Phương án xử lý cổ phần, cổ phiếu lẻ:
 - ✓ Số lượng cổ phần, cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ được làm tròn xuống (thành 0 cổ phiếu);

32002
NGÂN
THƯƠNG
CỔ PHẦN
VIỆT
THƯƠNG
BANK

✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định;

- Kế hoạch sử dụng vốn thu được:

Toàn bộ phần vốn tăng **1.427.883.180.000 đồng** từ phát hành cổ phiếu năm 2024 được dự kiến sử dụng toàn bộ cho việc đầu tư tài sản, bổ sung nguồn vốn để phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lợi cho hoạt động kinh doanh Vietbank, đảm bảo phù hợp quy định của NHNN về tỷ lệ đầu tư tài sản cố định đối với tổ chức tín dụng.

III. Hiệu quả kinh doanh trên cơ sở mức vốn điều lệ mới:

Đối với kế hoạch tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ tăng thêm như trên, Vietbank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2024 như sau:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	KH 2024	
			Chỉ tiêu	% tăng trưởng
1	Vốn điều lệ	4,777	7,139	49.45%
2	Dư nợ tín dụng (a + b)	80,754	95,000	18%
a	Dư nợ cho vay khách hàng	80,754		
b	Số dư mua, đầu tư TP doanh nghiệp	-		
3	Huy động từ khách hàng (bao gồm GTCG)	101,552	116,000	14%
4	Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	26,548	22,786	-14%
5	Tiền gửi của và vay các TCTD khác	26,622	21,565	-19%
6	Tổng Tài sản	138,262	150,000	8%
7	Lợi nhuận trước thuế (LNTT)	812	1,050	29%
8	Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1.8%	≤ 2.5%	
9	Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo TT41	10.39%	11%	5.87%
10	Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác	Tuân thủ quy định của NHNN	Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN	
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	9.83%	10.70%	9%
12	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản Có bình quân (ROA)	0.52%	0.60%	16%

IV. Kiến nghị:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

1. Đối với Phương án tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ:

Giao Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan, làm việc với NHNN và các cơ quan hữu quan khác để thực hiện tiếp các công việc tiếp theo nhằm hoàn tất các thủ tục triển khai tăng vốn theo đúng quy định

2. Đối với Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

- 2.1 Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ Vietbank năm 2024 từ 5.711.532.700.000 lên 7.139.415.880.000 đồng nêu trên (sau đây gọi tắt là "Phương án").
- 2.2 Chấp thuận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở kết quả triển khai thành công của Phương án;
- 2.3 Giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn:
- (i) Các vấn đề, thủ tục pháp lý cần thiết, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án khi trình để được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, dựa trên các nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của Vietbank; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
 - (ii) Thời điểm phát hành kể cả thời điểm dừng đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (iii) Xử lý số cổ phiếu lẻ;
 - (iv) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh và đem lại hiệu quả cho Vietbank;
 - (v) Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký lưu ký, giao dịch đối với chứng khoán bổ sung theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
 - (vi) Thực hiện các thủ tục pháp lý về sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến cập nhật mức vốn điều lệ mới của Vietbank.
- 2.4 Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công các đơn vị thuộc Vietbank thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các Bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật.

Kính báo cáo và trình Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Trân trọng././

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Vốn điều lệ: 5.711.532.700.000 đồng.

Tổng số cổ phiếu: 571.153.270 đồng.

Vốn điều lệ dự kiến sau tăng vốn: 7.139.145.880.000 đồng.

Tổng số cổ phiếu dự kiến sau tăng vốn: 713.914.588 đồng.



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI TĂNG VỐN,
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 20% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI TĂNG VỐN**

STT	Tên cổ đông	Tên là người có liên quan	Số, ngày cấp, nơi cấp	Số, ngày cấp, nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ cấp)	Số, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan	Sở hữu cổ phần của cổ	
								Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%) so với tổng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn								
	Không có								
II	Cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn								
	Không có								

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN,
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 20% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN**

STT	Tên cổ đông	Tên là người có liên quan	Số, ngày cấp, nơi cấp	Số, ngày cấp, nơi cấp	Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ cấp)	Số, ngày cấp, nơi cấp	Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan	Sở hữu cổ phần của cổ	
								Số lượng cổ phần (đề)	Tỷ lệ (%) so với tổng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn								
	Không có								
II	Cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn								
	Không có								

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 04 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

V/v Báo cáo tiến độ, kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Nghị quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng và việc niêm yết trái phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán và các Nghị quyết có liên quan của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị,

Hội đồng quản trị xin báo cáo ĐHĐCĐ về tiến độ, kết quả phát hành trái phiếu ra công chúng như sau:

I. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT LIÊN QUAN:

1. Nghị Quyết 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ:

- Tổng mệnh giá phát hành tối đa dự kiến: 3.000.000.000.000 VND (Ba nghìn tỷ đồng).
- Thời gian phát hành: Dự kiến trong Quý III, IV năm 2021, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Kỳ hạn của trái phiếu: từ 06 đến 10 năm. Theo ủy quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT Vietbank cân đối kỳ hạn phát hành trái phiếu theo từng đợt.
- Lãi suất trái phiếu: Lãi suất cố định; Lãi suất thả nổi; hoặc kết hợp giữa Lãi suất cố định và Lãi suất thả nổi.

2. Các Nghị quyết triển khai tiếp theo của HĐQT:

2.1 Nghị quyết 92/2021/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021:

- Thời gian phát hành dự kiến: Trong quý IV năm 2021, Quý 1 và Quý II năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Số đợt phát hành dự kiến: 03 đợt.
- Kỳ hạn trái phiếu: 7 năm
- Lãi suất phát hành: Lãi suất năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm. Hai năm cuối: Lãi suất tham chiếu + 3,5%.

2.2 Nghị quyết 15/2022/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022:

- Thời gian phát hành: Dự kiến Quý I, Quý II và Quý III năm 2022, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.



- Số đợt phát hành: dự kiến 3 đợt, Mỗi đợt phát hành: 1.000.000.000.000 VND (Một ngàn tỷ đồng).
- Kỳ hạn trái phiếu: 7 năm
- Số tiền thu được từ đợt phát hành: tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của nhóm Khách hàng cá nhân và Khách hàng tổ chức.

2.3 Nghị quyết 20/2023/NQ-HĐQT ngày 14/03/2022:

- Thời gian phát hành: Dự kiến trong Quý IV năm 2022 đến Quý II năm 2023, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

2.4 Nghị quyết 134/2023/NQ-HĐQT ngày 20/09/2023:

- Thời gian phát hành: Dự kiến trong Quý I Quý II năm 2024, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Kỳ hạn trái phiếu: 7 năm

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

Theo phương án phát hành trái phiếu ra công chúng đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của ĐHCĐ) phê duyệt tại các nghị quyết trong năm 2021-2023, Tổng khối lượng trái phiếu chào bán theo kế hoạch là 3.000 tỷ đồng, trong đó:

- **Đợt 01:** tổng khối lượng chào bán 1.000 tỷ đồng, trong đó phát hành thành công: 100 tỷ đồng;
- **Đợt 02:** tổng khối lượng chào bán 1.900 tỷ đồng (bao gồm 1.000 tỷ đồng của đợt 2 và 900 tỷ đồng chưa phát hành thành công từ đợt 1 chuyển sang); phát hành thành công: 1.900 tỷ đồng;
- **Đợt 03:** tổng khối lượng chào bán 1.000 tỷ đồng; phát hành thành công: 1.000 tỷ đồng.

Kết quả chào bán của các đợt phát hành trái phiếu Vietbank ra công chúng như sau:

Trái phiếu	Ngày		Khối lượng phát hành (Tỷ VND)	Trạng thái trái phiếu		
	Phát hành	Đáo hạn		Phát hành	Đăng ký lưu ký	Niêm yết
2022 – Đợt 1	16/09/2022	16/09/2029	100	Hoàn tất	Hoàn tất	Hoàn tất
2022 – Đợt 2	30/06/2023	30/06/2030	1.900	Hoàn tất	Hoàn tất	Đang thực hiện
Tổng 31/12/2023			1.900			
2022 – Đợt 3	27/03/2024	27/03/2031	1.000	Hoàn tất	Đang thực hiện	Đang thực hiện
Tổng 31/03/2024			3.000			

Như vậy, tính đến 31/3/2024, Vietbank đã hoàn tất việc phát hành thành công 3.000 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHCĐ và các Nghị quyết liên quan.

III. NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI TRONG NGHỊ QUYẾT HĐQT NĂM 2023 SO VỚI NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HĐQT TRƯỚC ĐÓ:

Trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cũng như để phù hợp với tình hình thị trường, thực tế hoạt động của Vietbank, đối với các đợt phát hành năm 2023, Hội đồng quản trị đã có các Nghị quyết sau điều chỉnh Phương án phát hành trong thẩm quyền, cụ thể như sau:

Nghị quyết 20/2023/NQ-HĐQT ngày 06/03/2023:

STT	Mục/tên nội dung	Nội dung theo Phương án đã được thông qua tại Nghị quyết số 85/2022/NQ-HĐQT ngày 29/11/2022	Nội dung điều chỉnh Phương án được thông qua tại Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐQT ngày 06/03/2023
1	j. Thời gian phát hành	Dự kiến Trong Quý IV năm 2022 đến Quý I năm 2023, sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.	Dự kiến trong Quý IV năm 2022 đến Quý II năm 2023 sau khi nhận được văn bản chấp thuận chào bán trái phiếu phát hành ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Với các nội dung trên, Hội đồng quản trị kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng theo Nghị quyết số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ và các Nghị quyết có liên quan như trên;
- Chấp thuận giao Hội đồng quản trị tiếp tục chủ trì, chỉ đạo hoàn tất các thủ tục có liên quan để lưu ký và niêm yết đối với các trái phiếu.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



ĐƯƠNG NHẤT NGUYÊN



Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

BÁO CÁO

V/v Báo cáo tiến độ triển khai thực hiện đầu tư tài sản Lim II theo nghị quyết số 01/2023/NQ - ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 và các nghị quyết liên quan.

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2020; 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2021; 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022; Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank (ĐHĐCĐ),

Hội đồng quản trị trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiến độ triển khai thực hiện đầu tư tài sản Lim II theo nghị quyết số 01/2023/NQ - ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 và các nghị quyết liên quan, cụ thể như sau:

1. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ:

ĐHĐCĐ thống nhất:

- Thông qua kết quả triển khai Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/05/2020 và Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2021.
- Trong trường hợp đến hết ngày 25/05/2023 và/hoặc tại một thời điểm khác do hai bên thỏa thuận mà Vietbank và Công ty Lương Thạch không tiến hành ký kết được hợp đồng nhận chuyển nhượng Bất động sản, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua chủ trương thanh lý Hợp đồng Đặt cọc và Hợp đồng Hứa mua hứa bán tòa nhà Lim II; giao Hội đồng Quản trị đàm phán, thương lượng và thực hiện thanh lý, báo cáo lại kết quả cho Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất.

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ:

Thực hiện Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 của ĐHĐCĐ về việc giao HĐQT đàm phán, thương lượng và thực hiện thanh lý Hợp đồng Đặt cọc và Hợp đồng Hứa mua hứa bán tòa nhà Lim II, căn cứ thực tế triển khai việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng Bất động sản Lim II, ngày 30/6/2023 Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua và Nghị quyết số 77/2023/NQ-HĐQT việc triển khai thanh lý Hợp đồng Đặt cọc và Hợp đồng hứa mua hứa bán tòa nhà Lim II, cụ thể như sau:

- Ngày 04/01/2023, Công ty TNHH Lương Thạch đã hoàn trả đầy đủ cho Vietbank số tiền đặt cọc 1.808.000.000.000 đồng (Một ngàn tám trăm lẻ tám tỷ đồng) theo Hợp đồng Đặt cọc số 445-020/HDMS-VB/LIM II/LUONGTHACH và Hợp đồng Hứa mua hứa bán số 05-21/HDMS-LT-VB.
- Ngày 31/7/2023, Công ty TNHH Lương Thạch thanh toán đầy đủ cho Vietbank số tiền lãi phạt chậm trả 8.603.881.384 đồng (Tám tỷ sáu trăm lẻ ba triệu tám trăm tám mươi bốn đồng).
- Ngày 31/07/2023, Công ty TNHH Lương Thạch và Vietbank ký Biên bản thanh lý Hợp đồng đặt cọc và Hợp đồng hứa mua hứa bán tòa nhà Lim II theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 31/07/2023.

Như vậy, đến hết tháng 7/2023, Vietbank và Công ty TNHH Lương Thạch đã hoàn tất việc thanh lý Hợp đồng đặt cọc và Hợp đồng hứa mua hứa bán tòa nhà Lim II.

Kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông.

Trân trọng./ 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4, năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

BÁO CÁO

V/v tình hình cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật các TCTD

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài,

I. Lý do, cơ sở báo cáo

Căn cứ mục a Khoản 3 Điều 13 Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật các TCTD (đã được sửa đổi, bổ sung).

II. Nội dung báo cáo

Hội đồng quản trị trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật các TCTD thời điểm 31/12/2023, cụ thể như sau:

STT	Đối tượng	Tổng mức dư nợ cấp tín dụng
1	Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 126 của Luật này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó	450
2	Cổ đông lớn, cổ đông sáng lập	500
3	Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng	150.071
Tổng cộng		151.021
Vốn tự có tại thời điểm 31/12/2023		10.776.583
Tổng mức dư nợ cấp tín dụng/Vốn tự có		1,40%

Tổng mức dư nợ cấp tín dụng/Vốn tự có tại 31/12/2023 là 1,40% tuân thủ giới hạn NHNN (không vượt quá 5%).

Ghi chú: Tổng mức dư nợ cấp tín dụng được tính theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019.

III. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua nội dung báo cáo tình hình cấp tin dụng đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật các TCTD theo nội dung tại mục II nêu trên.

Kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

BÁO CÁO

V/v Sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và hoạt động bộ máy điều hành của Vietbank

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2017 (sau đây gọi chung là "Luật các TCTD");
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông,

Hội đồng quản trị trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến sự thay đổi của cơ cấu tổ chức và hoạt động bộ máy điều hành của Vietbank trong năm 2023, cụ thể như sau:

I. Lý do, cơ sở báo cáo:

- Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD và điểm g khoản 1 Điều 26 Điều lệ Vietbank, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền quyết định các nội dung liên quan đến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất "ủy quyền cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Vietbank trong năm 2023 và các năm tiếp theo (bao gồm việc quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế...)" tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023.
- ⇒ Trên cơ sở ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông nêu trên, trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã ban hành các quyết định sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và hoạt động bộ máy điều hành của Vietbank, chi tiết theo các nội dung tại mục II.

II. Tóm tắt nội dung:

1. Về việc sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và hoạt động bộ máy điều hành của Vietbank theo Quyết định số 63/2023/QĐ-HĐQT ngày 05/6/2023:
 - Căn cứ thực tế tình hình hoạt động của Vietbank, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐQT ngày 05/6/2023 thông qua việc điều chuyển, bổ sung chức năng, nhiệm vụ một số Đơn vị tại Hội sở, cụ thể:
 - + Chuyển chức năng, nhiệm vụ liên quan đến công tác văn thư của Phòng Hành chính quản trị - Trung tâm Dịch vụ nội bộ về Văn phòng Ban Tổng giám đốc;
 - + Thành lập Phòng Định chế tài chính trực thuộc Khối Tài chính và chuyển chức năng, nhiệm vụ "Thiết lập và phát triển quan hệ đại lý (Correspondent Banking)" từ Trung tâm Thanh toán quốc tế thuộc Khối Doanh nghiệp sang Phòng Định chế tài chính thuộc Khối Tài chính;
 - + Điều chuyển Phòng Kế toán từ Khối Vận hành sang Khối Tài chính.

- Trên cơ sở nghị quyết nêu trên, Hội đồng quản trị đã phê duyệt và cho ban hành Quyết định số 63/2023/QĐ-HĐQT ngày 05/6/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động bộ máy điều hành của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ban hành kèm theo Quyết định 04/2022/QĐ-HĐQT.
- 2. Về việc sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và hoạt động bộ máy điều hành của Vietbank theo Quyết định số 150/2023/QĐ-HĐQT ngày 20/10/2023:
 - Nhằm từng bước kiện toàn cơ cấu, tổ chức của Vietbank, đáp ứng nhu cầu công việc, nâng cao hiệu quả hoạt động phục vụ công tác phát triển kinh doanh, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 143/2023/NQ-HĐQT ngày 03/10/2023 thông qua việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của một số Phòng, Ban như sau:
 - + Phòng Quản lý bán hàng và hiệu suất – Khối Cá nhân được sáp nhập với Phòng Quản lý hiệu quả – Khối Doanh nghiệp trở thành Phòng Quản lý và thúc đẩy bán trực thuộc Tổng Giám đốc;
 - + Phòng Liên kết đối tác phi ngân hàng – Khối Cá nhân chuyển toàn bộ chức năng liên kết vào Phòng Khách hàng doanh nghiệp – Khối Doanh nghiệp;
 - + Điều chuyển Phòng Định chế tài chính từ Khối Tài chính sang Khối Thị trường tài chính;
 - + Chuyển đổi mô hình hoạt động của Phòng Dịch vụ khách hàng từ cấp Phòng sang cấp Trung tâm. Trung tâm Dịch vụ khách hàng bao gồm: Phòng Dịch vụ khách hàng trực tuyến, Phòng Hỗ trợ dịch vụ đa kênh, Phòng Quản lý chất lượng dịch vụ;
 - + Điều chuyển Phòng Pháp lý và tuân thủ vào các Hội đồng/Ban trực thuộc Tổng Giám đốc và chuyển thành Ban Pháp lý và tuân thủ. Ban Pháp lý và tuân thủ bao gồm Phòng Pháp lý và Phòng Kiểm soát tuân thủ.
 - Trên cơ sở nghị quyết nêu trên, Hội đồng quản trị đã phê duyệt và cho ban hành Quyết định số 150/2023/QĐ-HĐQT ngày 20/10/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động bộ máy điều hành của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ban hành kèm theo Quyết định 04/2022/QĐ-HĐQT.

III. Kiến nghị:

- 2.1. Hội đồng quản trị kính trình và báo cáo Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung nêu trên.
- 2.2. Hội đồng quản trị tiếp tục căn cứ vào nội dung ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCD ngày 26/4/2023 để quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Vietbank trong năm 2024 và các năm tiếp theo (bao gồm quyết định các nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế) và báo cáo đến Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất (nếu có sự thay đổi).

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
DƯƠNG NHẤT NGUYÊN



Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

BÁO CÁO

V/v kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, kết quả sử dụng dự phòng rủi ro và kết quả xử lý tổn thất

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Ngân hàng Nhà nước quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là "Thông tư 11").

Hội đồng quản trị trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, kết quả sử dụng dự phòng rủi ro và kết quả xử lý tổn thất thời điểm 31/12/2023, cụ thể như sau:

I. Lý do, cơ sở báo cáo

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 22 Thông tư 11, hằng năm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, kết quả sử dụng dự phòng và kết quả xử lý tổn thất.

Chi tiết báo cáo như tại mục II dưới đây.

II. Nội dung báo cáo

1. Kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nhóm nợ	Số liệu 31/12/2023
1	Nhóm 1	111.795.781
2	Nhóm 2	1.568.456
3	Nhóm 3	397.017
4	Nhóm 4	251.044
5	Nhóm 5	1.423.071
6	Tổng dư nợ theo Thông tư 11	115.435.369
7	Tổng nợ xấu	2.071.132
8	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ Thông tư 11	1,79%

2. Kết quả trích lập dự phòng

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền trích lập
1	Trích lập dự phòng cụ thể	182.887
1.1	Trích lập dự phòng cụ thể theo Thông tư 11	182.297
1.2	Trích lập dự phòng cụ thể các khoản cơ cấu nợ giữ nguyên nhóm nợ do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 theo quy định của Thông tư 03/2021/TT-NHNN	0
1.3	Trích lập dự phòng cụ thể các khoản cơ cấu nợ giữ nguyên nhóm nợ hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo quy định của Thông tư 02/2023/TT-NHNN	590
2	Trích lập dự phòng chung	594.985
3	Tổng trích lập dự phòng	777.872

3. Kết quả sử dụng dự phòng rủi ro

Trong năm 2023, Vietbank không phát sinh sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro. Đối với các khoản đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro từ trước năm 2023, Vietbank vẫn đang hạch toán ngoại bảng và tiếp tục theo dõi để thu hồi nợ.

Bằng các biện pháp xử lý, trong năm 2023 Vietbank đã thu hồi được 144.062 triệu đồng nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

Đến thời điểm 31/12/2023, số liệu nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro còn lại là 393.557 triệu đồng.

4. Kết quả xử lý tổn thất

Trong năm 2023, Vietbank không phát sinh việc sử dụng dự phòng để xử lý tổn thất về tài sản đối với khoản nợ.

III. Kiến nghị

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua báo cáo về kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng, trích lập dự phòng rủi ro, kết quả sử dụng dự phòng rủi ro và kết quả xử lý tổn thất thời điểm 31/12/2023 theo nội dung tại mục II nêu trên.

Kính báo cáo và trình Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4, năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

BÁO CÁO

V/v Xây dựng Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Vietbank

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Quyết định số 689-TTg ngày 08/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn liền với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025";
- Căn cứ Văn bản số 2964/NHNN-TTGSNH ngày 25/04/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về việc thực hiện xây dựng, phê duyệt Phương án cơ cấu lại và Phụ lục "Nội dung xây dựng Phương án Cơ cấu lại giai đoạn gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 đối với Vietbank" kèm theo Công văn số 2964/NHNN-TTGSNH;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank), phiên họp thường niên năm 2023;
- Căn cứ Công văn số 5281/TTGSNH2 ngày 23/11/2023 của Cơ quan TTGSNH – NHNN về Phương án Cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Vietbank (Công văn số 5281/TTGSNH2);

Hội đồng quản trị trân trọng kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc xây dựng Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Vietbank (Phương án cơ cấu lại hoạt động 2021-2025) và kết quả thực hiện đến thời điểm 31/12/2023, như sau:

1. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ:

Tại phiên họp thường niên năm 2023, trên cơ sở Tờ trình của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông đã có Nghị quyết, theo đó:

Thông qua Tờ trình về việc Xây dựng Phương án cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025, theo đó Đại hội đồng cổ đông thống nhất: Giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ trì việc xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt thông qua Phương án cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Vietbank để trình Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo (các) Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đồng thời báo cáo lại ĐHĐCĐ trong kỳ họp tiếp theo.

2. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI XÂY DỰNG VÀ BÁO CÁO NHNN VỀ PHƯƠNG ÁN CƠ CẤU LẠI HOẠT ĐỘNG 2021-2025:

2.1 Định hướng của Chính phủ và chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Quyết định số 689-TTg ngày 08/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn liền với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025";

- Văn bản số 2964/NHNN-TTGSNH ngày 25/04/2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) về việc thực hiện xây dựng, phê duyệt Phương án cơ cấu lại và Phụ lục "Nội dung xây dựng Phương án Cơ cấu lại giai đoạn gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 đối với Vietbank" kèm theo Công văn số 2964/NHNN-TTGSNH;

2.2 Triển khai của Vietbank và các ý kiến chỉ đạo tiếp theo từ NHNN:

- Căn cứ định hướng Chính phủ và chỉ đạo của NHNN, đồng thời theo phân công, ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông Vietbank (ĐHĐCĐ), Hội đồng quản trị Vietbank đã chủ trì việc xây dựng, hoàn thiện và phê duyệt thông qua Phương án Cơ cấu lại giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:
 - Ngày 25/05/2023, Hội đồng quản trị Vietbank đã có Nghị quyết số 46/2023/NQ-HĐQT thông qua Phương án Cơ cấu lại giai đoạn gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Vietbank;
 - Đồng thời, ngày 25/05/2023 Hội đồng quản trị Vietbank có Công văn số 40/2023/CV-HĐQT về việc Báo cáo việc xây dựng Phương án Cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Vietbank đến NHNN (Công văn số 40/2023/CV-HĐQT);
- Căn cứ ý kiến chỉ đạo của NHNN tại Văn bản số 4352/TTGSNH2 ngày 03/10/2023 của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (CQTTGSNH) về việc bổ sung, hoàn thiện nội dung tại Điểm 3 Mục III của Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Vietbank:
 - Hội đồng quản trị Vietbank thông qua Nghị quyết số 164/2023/ NQ-HĐQT, ngày 27/10/2023 về việc sửa đổi, bổ sung Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025, theo đó, bổ sung chi tiết nội dung về Đánh giá thực trạng Hệ thống CNTT.
 - Đồng thời, ngày 27/10/2023 Hội đồng quản trị Vietbank có Công văn số 78/2023/CV-HĐQT về việc Báo cáo việc sửa đổi, bổ sung Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 của Vietbank (Công văn số 78/2023/CV-HĐQT);
- Ngày 23/11/2023, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng (Cơ quan TTGSNH) – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã gửi Công văn số 5281/TTGSNH2 về Phương án Cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 (Công văn số 5281/TTGSNH2), theo đó NHNN không có yêu cầu gì thêm, đồng thời giao Vietbank chủ động tổ chức triển khai Phương án và báo cáo định kỳ kết quả cho NHNN;

3. CÁC NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA PHƯƠNG ÁN CƠ CẤU LẠI HOẠT ĐỘNG 2021-2025:

3.1 Quan điểm, mục tiêu cơ cấu lại đến năm 2025:

- Nâng cao năng lực tài chính, nâng cao năng lực quản trị theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế; phấn đấu phát triển Vietbank trở thành ngân hàng bán lẻ uy tín hàng đầu Việt Nam theo phương châm: TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG – AN TOÀN – HIỆU QUẢ và trở thành ngân hàng có tiềm lực tài chính, năng lực cạnh tranh trên thị trường.
- Tiếp tục chuyển đổi mô hình kinh doanh từ lệ thuộc vào hoạt động tín dụng sang mô hình kinh doanh đa dịch vụ.
- Mục tiêu đến cuối năm 2025, Vietbank cơ bản triển khai thí điểm áp dụng Basel II theo phương pháp nâng cao.
- Hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu Vietbank trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của ngân hàng.



- Phát triển mô hình ngân hàng số, không ngừng chuyển đổi số mạnh mẽ, gia tăng tiện ích, trải nghiệm khách hàng và tạo ra những sản phẩm và dịch vụ tài chính hiệu quả nhằm đem lại giá trị cao nhất cho khách hàng và nhà đầu tư.
- Đẩy mạnh xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh nhằm kiểm soát tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ xấu đã bán cho VAMC và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu ở mức dưới 3% vào cuối năm 2025.
- Phấn đấu tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng trong tổng thu nhập của Vietbank lên khoảng 12-16% vào cuối năm 2025. Đồng thời, tăng tỷ trọng vốn tín dụng ngân hàng vào các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các-bon.
- Tiếp tục mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Vietbank.

3.2 Các chỉ tiêu chủ yếu đến 2025:

Chỉ tiêu	Năm 2025
Tổng tài sản	170.000
Huy động vốn Thị trường 1	135.000
Dư nợ cấp tín dụng (cho vay và đầu tư TPDN)	110.000
Vốn điều lệ	10.000
Lợi nhuận trước thuế	1.600
ROE	≥ 11%
Tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41	≥ 11%
Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư số 11	< 3%

Vietbank xây dựng Kế hoạch trên cho giai đoạn 2021 – 2025 dựa trên giả định tốc độ tăng trưởng tín dụng hàng năm được NHNN phê duyệt. Kế hoạch có thể biến động (+/-) 15% tùy theo tình hình thị trường và theo phê duyệt hàng năm của ĐHĐCĐ.

4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐIỂN 31/12/2023:

4.1 Tình hình thực hiện các mục tiêu chính đến 31/12/2023:

Đvt: Tỷ đồng, %

Chỉ tiêu	Thực hiện 31/12/2023	Kế hoạch (Cơ sở) Năm 2023	Đánh giá 31/12/2023
Tổng tài sản	138.262	125.000	111%
Tiền gửi khách hàng và PH GTCG	101.552	95.000	107%
Dư nợ cấp tín dụng (cho vay KH và đầu tư TPDN)	80.754	75.600	107%
Lợi nhuận trước thuế	812	960	84,6%

Chỉ tiêu	Thực hiện 31/12/2023	Kế hoạch (Cơ sở) Năm 2023	Đánh giá 31/12/2023
ROE	9,83%	≥10%	>98%
Tỷ lệ an toàn vốn theo TT số 41	10,39%	≥10%	Hoàn thành
Tỷ lệ nợ xấu	1,79%	<3%	Tuần thủ

Tính đến 31/12/2023, các chỉ tiêu Tổng tài sản, Tiền gửi khách hàng gồm phát hành GTCG, Dự nợ cấp tín dụng của Vietbank đều hoàn thành vượt kế hoạch năm 2023 đề ra, ROE hoàn thành trên 98% kế hoạch, riêng chỉ tiêu LNTT hoàn thành 84,6%.

4.2 Tình hình thực hiện việc tăng vốn điều lệ và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán:

- Về việc tăng Vốn điều lệ (1.003 tỷ đồng từ việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu): Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tiếp tục triển khai thực hiện các Nghị quyết liên quan của ĐHĐCĐ và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận cho triển khai việc tăng vốn. Đến thời điểm hiện tại, đã hoàn tất việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước xác nhận kết quả chào bán theo Văn bản số/UBCK-QLCB ngày...../4/2024. Hiện tại, Vietbank đang thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sửa đổi Giấy phép hoạt động của Vietbank nội dung về Vốn điều lệ.
- Về việc niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán: trong năm 2023, bối cảnh thị trường tài chính trong nước các tháng đầu năm biến động mạnh sau ảnh hưởng của các sự kiện trong nước (FLC, SCB -Vạn Thịnh Phát...) và tình hình thế giới, thị trường tài chính năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Trong bối cảnh đó, Vietbank tập trung phát triển kinh doanh đảm bảo hoạt động an toàn, hiệu quả song song với việc hoàn thiện cơ cấu bộ máy tổ chức điều hành, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của hệ thống ngân hàng hiện đại.

Theo đánh giá của Ban lãnh đạo Vietbank, việc niêm yết cổ phiếu Vietbank tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) thời điểm trong năm 2023 sẽ không phản ánh đúng giá trị cổ phiếu và đảm bảo quyền lợi của Cổ đông. Vì vậy, Vietbank chưa triển khai thực hiện việc niêm yết đối với cổ phiếu Vietbank trong năm 2023.

Chi tiết các nội dung về kết quả tăng vốn điều lệ và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo Báo cáo riêng của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ.

4.3 Tình hình phát triển mạng lưới:

Đến 31/12/2023, Vietbank đã được NHNN chấp thuận cho mở mới 14 điểm giao dịch, cụ thể:

- 05 Chi nhánh: Bắc Ninh, Thanh Hóa, Bình Phước, Lâm Đồng, Cà Mau;
- 09 Phòng giao dịch: Ưông Bí (Chi nhánh Quảng Ninh), Tam Quan (Chi nhánh Bình Định), Buôn Hồ (Chi nhánh Buôn Ma Thuột), Thuận An - Bến Cát (Chi nhánh Bình Dương), Châu Đốc (Chi nhánh An Giang), Hồng Ngự (Chi nhánh Đồng Tháp), Hà Tiên - Kiên Lương (Chi nhánh Kiên Giang).

Vietbank đang chuẩn bị về cơ sở vật chất, nhân sự và triển khai kế hoạch đưa các điểm giao dịch này đi vào hoạt động trong năm 2024 theo đúng Giấy phép chấp thuận của NHNN.

Như vậy, tính đến 31/12/2023, về cơ bản, Vietbank đã đi đúng lộ trình và triển khai đúng kế hoạch, đạt kết quả khá tốt so với mục tiêu đề ra tại Phương án cơ cấu lại đến 2025 đã báo cáo NHNN Việt Nam.

Với các nội dung trên, Hội đồng quản trị kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Trân trọng./



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

ĐƯƠNG NHẤT NGUYÊN



Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và BKS năm 2024

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông

- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan hiện hành;
- Căn cứ Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2023NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng Cổ đông năm 2023;

Hội đồng quản trị trân trọng đề trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận thông qua mức thù lao và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 như sau:

1. Tổng mức thù lao và Ngân sách hoạt động năm 2023:

- Tổng ngân sách và thù lao hoạt động của HĐQT và BKS năm 2023 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn). Tổng mức thù lao của các thành viên HĐQT, Ban KS là chưa bao gồm thuế TNCN. Toàn bộ thuế TNCN liên quan theo quy định sẽ do Vietbank chi trả.
- Ngân sách hoạt động bao gồm công tác phí; vé máy bay, chi phí hội nghị, lễ tân, khánh tiết; chi bưu phí và điện thoại, chi phí tiếp khách, chi phí quà tặng đối tác dịp lễ, Tết, công cụ, dụng cụ làm việc...).

2. Tổng mức thù lao và Ngân sách hoạt động năm 2024:

Năm 2024, định hướng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, ngoài việc tập trung các hoạt động quản trị, kiểm soát hàng ngày, sẽ định hướng các công việc theo từng mảng nghiệp vụ, chuyên đề, tổ chức các Hội nghị, Hội thảo chuyên sâu để nâng cao nhận thức chung của đội ngũ quản lý.

Do đó, năm 2024, dự kiến thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT và Ban KS đề xuất như sau:

- Tổng ngân sách và thù lao hoạt động của HĐQT và BKS năm 2024 là 40.000.000.000 đồng (Bốn mươi tỷ đồng chẵn). Tổng mức thù lao của các thành viên HĐQT, Ban KS là chưa bao gồm thuế TNCN. Toàn bộ thuế TNCN liên quan theo quy định sẽ do Vietbank chi trả.
- Ngân sách hoạt động bao gồm công tác phí; vé máy bay, chi phí hội nghị, hội thảo, lễ tân, khánh tiết; chi bưu phí và điện thoại, chi phí tiếp khách, chi phí quà tặng đối tác dịp lễ, Tết; công cụ, dụng cụ làm việc...).

- Giao Thường trực HĐQT quyết định mức thù lao cụ thể đối với từng thành viên HĐQT, thành viên Ban KS; giao Thường trực HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT và 01 Thành viên HĐQT do HĐQT phân công sẽ thực hiện phê duyệt chi tiết về các khoản chi phí của HĐQT, Ban KS.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung Bộ quy định về tổ chức, quản trị, kiểm soát tại Vietbank

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chỉnh sửa Bộ quy định về tổ chức, quản trị và kiểm soát tại Vietbank, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI SỬA ĐỔI:

1. Ngày 26/04/2021, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ trong đó thông qua Bộ quy định về tổ chức, quản trị, kiểm soát (đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020 và một số văn bản hướng dẫn khác), bao gồm:

- Điều lệ về tổ chức, hoạt động;
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát.

2. Ngày 18/01/2024, tại phiên bế mạc Kỳ họp bất thường lần thứ năm với đa số đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, Quốc hội đã chính thức thông qua Luật Các Tổ chức tín dụng (sửa đổi). Theo đó, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024.

Nhận thấy những quy định mới của Luật Các Tổ chức tín dụng mới có ảnh hưởng tác động đến Điều lệ, các quy chế, quy định và hoạt động của các TCTD (bao gồm cả Vietbank).

Từ những lý do trên, việc sửa đổi, bổ sung các văn bản liên quan tại Vietbank để phù hợp với các quy định mới này là cần thiết.

II. NGUYÊN TẮC SOẠN THẢO:

1. Nguyên tắc áp dụng pháp luật và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan:

- Các dự thảo được xây dựng trên nguyên tắc ưu tiên áp dụng các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024 trong tổ chức, hoạt động, quản trị, kiểm soát và điều hành. Ngoài ra, những nội dung liên quan đến tổ chức, quản trị, điều hành được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán mở rộng hơn và không trái, không mâu thuẫn với Luật Các tổ chức tín dụng sẽ

th

được bổ sung và quy định tại các Dự thảo để tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của Vietbank với tư cách là Công ty đại chúng quy mô lớn.

- Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành; đặc biệt là Bộ quy định mẫu (Điều lệ mẫu, các Quy chế mẫu) được ban hành theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng.

2. Nguyên tắc soạn thảo:

- Các dự thảo được xây dựng trên nền tảng là các quy định hiện hành của Bộ quy định đã được rà soát, điều chỉnh vào tháng 4/2021 và trên cơ sở các sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024.
- Điều lệ về tổ chức, hoạt động sẽ quy định những nội dung cơ bản về tổ chức, hoạt động, quản trị, kiểm soát, các nội dung chi tiết sẽ được quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức, hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát.
- Nội dung của các quy định phải đảm bảo nguyên tắc nhất quán và thống nhất trong các nội dung liên quan.

III. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI CƠ BẢN:

1. Các nội dung liên quan đến cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần:

- Sửa khái niệm "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng (Căn cứ khoản 8 Điều 4 Luật CTCTD).
- Sửa khái niệm "Người có liên quan" Là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 24 Điều 4 của Luật CTCTD, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp theo hướng mở rộng đối tượng (Căn cứ khoản 24 Điều 4 Luật CTCTD).
- Cập nhật nội dung về Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi ngàn đồng) được chia thành 477.682.669 (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi chín) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng) (Căn cứ Điều 2 Giấy phép 05/GP-NHNN của Vietbank).
- Sửa nội dung "Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng" (trước đây là 15%) (Căn cứ Điều 63 Luật Các TCTD).
- Sửa nội dung "Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác" (trước đây là 20%) (Căn cứ Điều 63 Luật Các TCTD).
- Bổ sung, điều chỉnh một số nội dung về quyền hạn của cổ đông: (i) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng; (ii) Được chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định trong Điều lệ này, phù hợp với các quy định của Luật CTCTD,



Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan; (iii) Quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 10 Điều 61 Luật CTCTD 2024 đối với Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên (Căn cứ Điều 61 Luật CTCTD).

- Bổ sung, điều chỉnh một số nội dung về nghĩa vụ của cổ đông: Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng (Căn cứ Điều 49 Luật CTCTD).
- 2. Các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh:
 - Bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT (Căn cứ Điều 41, 42, 43, 45 và Điều 69 Luật CTCTD):

(i) Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT như:

- ✓ Người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
- ✓ Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
- ✓ Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định theo Luật CTCTD.

(ii) Tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng không được đồng thời là Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác.

(iii) Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng không phải là thành viên độc lập không được đồng thời là:

- ✓ Người điều hành của Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc Ngân hàng;
- ✓ Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác; người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng;
- ✓ Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

(iv) Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được đồng thời là:

- ✓ Người điều hành của Ngân hàng;
- ✓ Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
- ✓ Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

(v) Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng cổ phần; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp

th

tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

(vi) Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.

- Bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát (Căn cứ Điều 41, 42, 43 và 45 Luật CTCTD):
 - ✓ Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể: Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng Ngân hàng.
 - ✓ Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây: Người quản lý, người điều hành của chính Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;
- Bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện làm Tổng giám đốc: (Căn cứ Điều 41, 42, 43 và 45 Luật CTCTD):
 - ✓ Không thuộc các trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị;
 - ✓ Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể: **Tổng giám đốc của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;**
- Bổ sung quy định về tiêu chuẩn, điều kiện làm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh (Căn cứ Điều 41, 42, 43 và 45 Luật CTCTD):
 - ✓ Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ: Đối với Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh: Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;.
 - ✓ Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể: Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác
 - ✓ Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

ga

3. Các nội dung liên quan đến Đại hội đồng cổ đông:

- Bổ sung quy định về vai trò, vị trí và nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Trong đó điểm mới cần chú ý là: (i) Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; (ii) Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm; (iii) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con; (iv) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (v) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất (Căn cứ Điều 67 Luật CTCTD năm 2024).
- Bổ sung điều chỉnh về trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường: (i) Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ; (ii) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trở lên...; (iii) Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng (Căn cứ Khoản 2 Điều 67 Luật CTCTD năm 2024).
- Thay đổi tỷ lệ thông qua các vấn đề của Đại hội đồng cổ đông: quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết (trước đây là trên 51%) của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận, trừ các trường hợp sau là trên 65% như: (i) quyết định thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; (ii) thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; (iii) quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của tổ chức tín dụng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (iv) quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng (Căn cứ Điều 67 Luật CTCTD năm 2024).
- Thay đổi tỷ lệ thông qua các vấn đề lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông: quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện có ý kiến phải được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của các cổ đông đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng (trước đây là 75%) (Căn cứ Điều 67 Luật CTCTD năm 2024).
- Bỏ thẩm quyền của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát trong việc yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Căn cứ 151 Luật DN và Thông tư 116/2020).

4. Các nội dung liên quan đến Hội đồng quản trị:

- Thay đổi tỷ lệ bầu: (i) Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu; (ii) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng quản trị

ll

bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (Căn cứ Điều 67 Luật CTCTD).

- Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 02 (hai) thành viên độc lập. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc (Căn cứ Điều 69 Luật CTCTD).
- Sửa đổi, bổ sung một số quy định về quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị: (i) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (ii) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông; (iii) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; (iv) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (v) Quyết định mua lại cổ phần Ngân hàng theo phương án được duyệt. (Căn cứ Điều 70 Luật CTCTD).
- Bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị: (i) chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; (ii) Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; (iii) Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; (iv) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ; (v) Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này (Căn cứ Điều 72 Luật CTCTD).
- Bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị: (i) phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình; (ii) Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại khoản 5 Điều 72 Luật CTCTD (Căn cứ Điều 72 Luật CTCTD).

ph

- Bổ sung quy định về bổ sung Thành viên HĐQT: Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật CTCTD (Căn cứ Điều 50 Luật CTCTD).

5. Các nội dung liên quan đến Ban kiểm soát:

- Bổ sung quy định về Ban kiểm soát như: (i) Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu; (ii) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; (iii) Ban kiểm soát có ít nhất 05 (năm) thành viên (Căn cứ Điều 51, 67 Luật CTCTD).
- Sửa đổi, bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trong đó bổ sung mới nội dung so với quy định hiện hành: (i) Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; (ii) Được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát; (iii) Giám sát thực trạng tài chính; (iv) Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; (v) Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này; (vi) Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị; (vii) Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật CTCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng; (viii) Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm theo quy định và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định của Luật CTCTD (Căn cứ Điều 52 Luật CTCTD).
- Bổ sung quy định về nghĩa vụ/trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát, cụ thể: (i) Chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; (ii) Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ (Căn cứ Điều 53 Luật CTCTD).
- Bổ sung quy định về quyền hạn, nghĩa vụ của Thành viên BKS: (i) Thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; (ii) Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công; (iii) Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng (Căn cứ Điều 54 Luật CTCTD).

Handwritten signature

11
AN
CÁ
NA
G

- Bổ sung quy định về bổ sung thành viên Ban kiểm soát: Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5, Điều 166 Luật CTCTD (Căn cứ Điều 51 Luật CTCTD).

6. Các vấn đề quản trị khác:

- Dự thảo Điều lệ bổ sung một số khái niệm về Công ty con, Công ty kiểm soát, Công ty liên kết (Căn cứ Điều 4 Luật CTCTD năm 2024); điều chỉnh và sắp xếp lại các điều khoản quy định về hoạt động chính, hoạt động khác của Ngân hàng (Căn cứ Điều 107, 108 – 114 Luật CTCTD năm 2024).
- Quy định chi tiết các hoạt động của Ngân hàng theo quy định chi tiết của Luật CTCTD 2024 (từ Điều 99 đến Điều 114 tương ứng với các Điều từ Điều 4 đến Điều 12 Điều lệ), cụ thể: Quy định chung về hoạt động của Ngân hàng; Nội dung hoạt động chính của Ngân hàng; Hoạt động vay, gửi tiền, mua bán giấy tờ có giá; Mở tài khoản của Ngân hàng; Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán; Góp vốn, mua cổ phần; Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh; Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý; Các hoạt động kinh doanh khác.
- Bổ sung quy định về việc khuyết Tổng giám đốc: Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc (Điều 55 Luật CTCTD năm 2024).
- Bổ sung quy định về áp dụng can thiệp sớm: (i) Ngân hàng xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm và thực hiện cập nhật, điều chỉnh phương án này định kỳ 02 năm/lần. Phương án khắc phục phải được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày được thông qua; (ii) Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện ngay các yêu cầu, biện pháp hạn chế tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng không thực hiện các yêu cầu, biện pháp hạn chế này, Ngân hàng Nhà nước áp dụng bổ sung một hoặc một số biện pháp hạn chế quy định tại khoản 2 Điều 157 của Luật CTCTD; (iii) Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước yêu Ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục (Căn cứ Điều 160 Luật CTCTD năm 2024).
- Quy định chuyển tiếp (Căn cứ Điều 209 và 210 Luật Các TCTD năm 2024):
 - ✓ Người quản lý, người điều hành và các chức danh tương đương khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế quản trị nội bộ công ty có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của Luật Các TCTD và Quy chế quản trị nội bộ công ty vẫn tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cho đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế quản trị nội bộ công ty có hiệu lực thi hành chưa đáp ứng quy định về cơ cấu nhân sự theo khoản 1 Điều 8 Quy chế quản trị nội bộ công ty vẫn tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
 - ✓ Đến ngày Quy chế quản trị nội bộ công ty có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có cơ cấu, số lượng nhân sự chưa đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế quản trị nội

W

bộ công ty tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Ngân hàng bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

- ✓ Kể từ ngày Điều lệ có hiệu lực thi hành, cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 Luật CTCTD được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Luật CTCTD, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

Chi tiết nội dung sửa đổi được trình bày tại các Dự thảo và Bảng so sánh nội dung – đính kèm theo Tờ trình này.

IV. KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Nhằm tuân thủ quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng và các văn bản luật khác, kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Chấp thuận thông qua Bộ quy định về tổ chức, quản trị, kiểm soát, bao gồm: (i) Điều lệ về tổ chức, hoạt động; (ii) Quy chế nội bộ về quản trị công ty; (iii) Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị; (iv) Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát trên cơ sở các nội dung sửa đổi, bổ sung theo trình bày tại mục III Tờ trình này và (các) dự thảo, bảng so sánh nội dung sửa đổi kèm theo.
2. Giao Hội đồng quản trị chỉ đạo Văn phòng HĐQT, Tổ nghiệp vụ liên quan rà soát hoàn thiện Bộ quy định để trình ký ban hành có hiệu lực từ ngày 01/07/2024 nhằm phù hợp với hiệu lực của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

HỨA NGỌC NGHĨA

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



DƯƠNG NHẤT NGUYÊN



BẢNG TỔNG HỢP NHỮNG THAY ĐỔI CỦA ĐIỀU LỆ VIETBANK NĂM 2024

(đính kèm Tờ trình..... ngày..... của V/v.....)

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ				
1.	Điều 1. Định nghĩa	Chưa có	<p>Công ty con của Ngân hàng: Là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó; ii. Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó; iii. Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó; iv. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó. 	Khoản 9, Điều 4, Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		Chưa có	Công ty kiểm soát: Là công ty sở hữu trực tiếp, gián tiếp trên 20% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại hoặc là công ty nắm quyền kiểm soát một ngân hàng thương mại hoặc là ngân hàng thương mại có công ty con, công ty liên kết.	Khoản 10, Điều 4, Luật CTCTD 2024.
		Chưa có	Công ty liên kết của Ngân hàng: Là công ty mà Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.	Khoản 11 Điều 4 Luật CTCTD 2024.
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG				
2.		Chưa có	Điều 4. Quy định chung về hoạt động của Ngân hàng 1. Nội dung hoạt động Ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng được ghi trong Giấy phép cấp cho Ngân hàng. 2. Hoạt động ngân hàng của Ngân hàng quy định tại Luật CTCTD và thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 3. Các quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng; quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; quy định về xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính; quy định về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi và quy định về lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng thực hiện	Từ Điều 99 đến Điều 104 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
			theo đúng quy định tại Luật CTCTD, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan.	
3.	Điều 5. Nội dung hoạt động chính	2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tin phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài.	Điều 5. Nội dung hoạt động chính 2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi	Khoản 2, Điều 107 Luật TCTD 2024.
4.	Điều 5. Các hoạt động khác	Ngoài các hoạt động chính quy định tại Điều 4, Ngân hàng được phép thực hiện các hoạt động khác kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định chấp thuận bổ sung ngành nghề, hoạt động vào Giấy phép hoạt động của Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn đối với các hoạt động khác sau đây: 1. Ngân hàng được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực như bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng. Ngoài các lĩnh vực này, trường hợp Ngân hàng muốn góp vốn, mua cổ phần vào các lĩnh vực khác thì phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN. 2. Góp vốn với tổ chức tín dụng nước ngoài để	Điều 6. Vay, gửi tiền, mua bán giấy tờ có giá 1. Ngân hàng được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 2. Ngân hàng được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. 3. Ngân hàng được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 4. Ngân hàng được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật. Điều 7. Mở tài khoản của Ngân hàng 1. Ngân hàng phải mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này. 2. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ	Từ Điều 108 đến Điều 114 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		<p>thành lập tổ chức tín dụng liên doanh tại Việt Nam theo quy định của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng nước ngoài tại Việt Nam.</p> <p>3. Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định của NHNN</p> <p>4. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng nhà nước quy định</p> <p>5. Chưa có</p> <p>6. Cung ứng dịch vụ bảo hiểm, được thành lập công ty trực thuộc hoặc liên doanh để kinh doanh bảo hiểm theo quy định của pháp luật</p> <p>7. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng</p> <p>8. Cung ứng các dịch vụ:</p> <p>a. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</p> <p>b. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh</p>	<p>chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.</p> <p>3. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p> <p>Điều 8. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán</p> <p>1. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.</p> <p>2. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>Điều 9. Góp vốn, mua cổ phần</p> <p>1. Ngân hàng chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 7 Điều này.</p> <p>2. Ngân hàng phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:</p> <p>a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b. Cho thuê tài chính;</p>	

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		<p>nghiệp và tư vấn đầu tư.</p> <p>c. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.</p> <p>d. Dịch vụ môi giới tiền tệ.</p> <p>e. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh mua, bán vàng miếng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản</p> <p>9. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của NHNN</p> <p>10. Cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</p> <p>11. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>12. Các hoạt động khác theo quy định pháp luật.</p>	<p>c. Bảo hiểm.</p> <p>3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>5. Ngân hàng thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>6. Ngân hàng thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật CTCTD, Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan.</p> <p>7. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng được</p>	

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
5.	Điều 6. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước	Ngân hàng được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	
6.	Điều 7. Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính	Ngân hàng được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.	Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh 1. Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản: a. Ngoại hối; b. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.	
7.	Điều 8. Công ty cho thuê tài chính	Ngân hàng phải thành lập Công ty cho thuê tài chính khi hoạt động cho thuê tài chính.	2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.	
8.	Điều 9. Tài khoản tiền gửi của Ngân hàng	1. Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại NHNN – Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng và duy trì tại đó số dư tiền gửi dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN. 2. Chi nhánh của Ngân hàng mở tài khoản tiền gửi tại chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của chi nhánh.	Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý 1. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. 2. Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.	

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
			<p>Điều 12. Các hoạt động kinh doanh khác</p> <p>1. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; b. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản; c. Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; d. Dịch vụ môi giới tiền tệ; e. Kinh doanh vàng; f. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng; g. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép. <p>2. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái 	

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
			<p>phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</p> <p>b. Phát hành trái phiếu;</p> <p>c. Lưu ký chứng khoán;</p> <p>d. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;</p> <p>e. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</p> <p>3. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.</p> <p>4. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, quy định khác của pháp luật có liên quan.</p>	
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG				
9.	Điều 12. Vốn điều lệ	4. Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của chính Ngân hàng.	<p>Điều 15. Vốn Điều lệ.</p> <p>4. Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:</p> <p>a. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của Ngân hàng;</p> <p>b. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn của Ngân hàng.</p>	Khoản 5, Điều 137 Luật CTCTD 2024

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
CHƯƠNG V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG				
10.	Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần	<ol style="list-style-type: none"> Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ các trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Sở hữu cổ phần tại tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật CTCTD. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều này. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác. 	Điều 19. Giới hạn sở hữu cổ phần <ol style="list-style-type: none"> Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật CTCTD; Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa; Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 6 Điều này. 	Điều 63 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		<p>4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.</p> <p>5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.</p>	<p>5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật CTCTD.</p> <p>6. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.</p>	
11.	Điều 22. Quyền hạn của cổ đông	<p>2. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>c. Được ưu tiên mua cổ phần mới khi Ngân hàng tăng vốn điều lệ theo quy định tại khoản 6 Điều 15 của Điều lệ này; được chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác;</p> <p>d. Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định trong Điều lệ này, phù hợp với các quy định của Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy</p>	<p>Điều 25. Quyền hạn của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng; được chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác;</p> <p>d. Được chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định trong Điều lệ này, phù hợp với các quy định của Luật CTCTD, Luật Doanh</p>	<p>- Khoản 3 Điều 61 Luật CTCTD 2024;</p> <p>- Điểm c Khoản 2 Điều 124 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Khoản 4 Điều 61 Luật CTCTD 2024.</p>

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		<p>định của pháp luật có liên quan;</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông ngoài những quyền quy định tại Khoản 2, khoản 3 Điều này còn có thêm quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.</p>	<p>nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên ngoài những quyền quy định tại khoản 2 Điều này còn có quyền sau đây:</p> <p>...</p> <p>c. Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử thực hiện như sau:</p> <p>i. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>ii. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>Khoản 10 Điều 61 Luật CTCTD 2024.</p>

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
12.	Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông	Chưa có	<p>Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>2. Cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này; b. Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 44 Điều lệ này; c. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng; d. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng. <p>Các thông tin tại khoản này phải được cung cấp cho Ngân hàng bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Đối với thông tin tại điểm c, d khoản này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% (một phần trăm) vốn</p>	Khoản 2, 3, 4, 5 và 6, Điều 49 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
			<p>điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp lần trước.</p> <p>Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, c, d khoản này với Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Cổ đông phải bảo đảm thông tin cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin.</p>	
13.	Điều 25. Đại hội đồng cổ đông bất thường	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.	Điều 28. Đại hội đồng cổ đông bất thường 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng.	Điểm c và điểm e, Khoản 2, Điều 67 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này; c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần phổ thông trở lên khi xảy ra các trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ này; d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này; c. Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này. d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trở lên khi xảy ra các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này; e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát; f. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng; g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	
14.	Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Chưa có	Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông l. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;	Điểm l Khoản 3 Điều 67 Luật CTCTD 2024.
		n. Quyết định thành lập công ty con;	o. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con;	Điểm o Khoản 3 Điều 67 Luật CTCTD 2024.
		o. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so	p. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến	Điểm p Khoản 3 Điều 67 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	
		p. Quyết định đầu tư, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	q. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;	Điểm q Khoản 3 Điều 67 Luật CTCTD 2024.
30.	Điều 30. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và biên bản	<p>3. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:</p> <p>a. Trừ trường hợp được quy định tại Điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>b. Đối với quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; thông qua phương án</p>	<p>Điều 33. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>8. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:</p> <p>a. Trừ trường hợp được quy định tại Điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;</p>	<p>- Điểm s, h, q Khoản 3; điểm b, c, d, đ Khoản 4 Điều 67 Luật CTCTD 2024;</p> <p>- Khoản 3 Điều 148; Khoản 1, Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.</p>

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.	b. Đối với quyết định thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của tổ chức tín dụng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.	
31.	Điều 31. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	1. Ngoại trừ các vấn đề thuộc quy định tại các điểm a,b, d, f, h, l, p và r khoản 1 Điều 26 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của các cổ	Điều 34. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 1. Ngoại trừ các vấn đề thuộc quy định tại các điểm a, d, f và s khoản 1 Điều 29 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện có ý kiến của phải	- Điểm a, d, e, s Khoản 3; Điểm b Khoản 4; Khoản 5 Điều 67 Luật CTCTD; - Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		đồng đại diện trên 75 % số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.	được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của các cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.	
32.	Điều 32. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	<p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này, trừ trường hợp theo quy định tại Khoản 8 Điều 30 Điều lệ này. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này. 	<p>Điều 35. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này, trừ trường hợp theo quy định tại điểm e, Khoản 8, Điều 33 Điều lệ này. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này. 	Điều 151 Luật Doanh nghiệp; Điều 24 Điều lệ mẫu ban hành theo Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.
MỤC III. CÁC NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC				
40.	Điều 40. Nghĩa vụ trung thành	<ol style="list-style-type: none"> Các Hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật 	<p>Điều 43. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi</p> <ol style="list-style-type: none"> Các Hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng không 	- Điểm r Khoản 3, điểm b Khoản 4 Điều

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
	và tránh xung đột quyền lợi	<p>CTCTD, trừ các trường hợp quy định tại điểm p khoản 1 Điều 26, khoản 10 Điều 44 Điều lệ này với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, các đối tượng quy định tại Điều 41 Điều lệ này chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:</p> <p>a. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông</p>	<p>thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật CTCTD với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, các đối tượng quy định tại Điều 44 Điều lệ này chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:</p> <p>a. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện</p>	<p>67; Khoản 9 Điều 70 Luật CTCTD 2024; - Điều 167 Luật Doanh nghiệp; - Khoản 8 Điều 47 Điều lệ mẫu ban hành theo Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		<p>bảng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch mà Điều lệ này quy định tỷ lệ biểu quyết cao hơn. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.</p> <p>b. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành</p>	<p>65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch mà Điều lệ này quy định tỷ lệ biểu quyết cao hơn. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.</p> <p>b. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.</p>	

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.		
MỤC IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ				
43.	Điều 43. Thành phần và nhiệm kỳ	<p>1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng</p>	<p>Điều 46. Thành phần và nhiệm kỳ</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 02 (hai) thành viên độc lập. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của</p>	<p>Khoản 3, Khoản 4 Điều 67 Luật CTCTD 2024.</p> <p>- Điều 69 Luật CTCTD 2024; - Khoản 2 Điều 154 Luật Doanh nghiệp.</p>

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 5 (năm) năm.	những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.	
44.	Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, người phụ trách quản trị công ty và người quản lý, người điều hành khác theo quy định của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.	Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.	- Khoản 4 Điều 70 Luật CTCTD 2024; - Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp; - Khoản 2 Điều 27 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.
		9. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.	10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.	Khoản 9, Điều 70 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		Chưa có	11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	
		Chưa có	12. Thông qua Phương án cơ cấu lại hoạt động của Ngân hàng trong từng thời kỳ theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và báo cáo lại cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.	Bổ sung nội dung này theo thực tế yêu cầu và quy định của Thanh tra giám sát NHNN về việc xây dựng Phương án cơ cấu lại hoạt động của Ngân hàng thương mại phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc giao quyền cho Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
		10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội	13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.	- Khoản 11 Điều 70 Luật CTCTD 2024;

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.		<ul style="list-style-type: none"> - Khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp; - Điều chỉnh bãi bỏ nội dung về ràng buộc tính giá trị của báo cáo tài chính của ngân hàng trong trường hợp HĐQT không thực hiện nghĩa vụ báo cáo vì hiện tại pháp luật không có quy định vấn đề này.
		15. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật. 16. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.	Bãi bỏ	Từ Khoản 13 đến Khoản 23 Điều 70 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
45.	Điều 45. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị. b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị. d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị. e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. f. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét. g. Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung. i. Ít nhất mỗi năm 01 (một) lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo 	<p>Điều 48. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị. c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. f. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. g. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét. h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị. i. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công. 	Điều 71 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		<p>cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>j. Các quyền, nghĩa vụ khác quy định tại khoản 2 Điều này và quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>k. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>l. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Khoản 2 Điều này và quy định pháp luật.</p>	
		<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây: Chưa có</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây: Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 14, 15, 17, 21 Điều 47 của Điều lệ này.</p>	Khoản 5 Điều 72 Luật CTCTD 2024
47.	Điều 47. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị	<p>4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều 50. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối</p>	<p>- Khoản 2 Điều 46 Luật CTCTD 2024.</p> <p>- Khoản 2 Điều 50 Luật CTCTD 2024.</p>

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		đồng để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.	thiếu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật CTCTD.	
MỤC V. TỔNG GIÁM ĐỐC				
51.	Điều 51. Tổng giám đốc	<p>4. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật CTCTD, quy định của NHNN.</p> <p>Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì Tổng giám đốc của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.</p>	<p>Điều 54. Tổng giám đốc</p> <p>4. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật CTCTD, quy định của NHNN.</p> <p>Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.</p> <p>Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì Tổng giám đốc của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 55 Luật CTCTD 2024; - Điều 162, Điều 163 Luật Doanh nghiệp; - Điều 298 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
52.	Điều 52. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc	<p>4. Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các</p>	<p>Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>4. Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 44 Luật CTCTD 2024

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của NHNN.	thay thế và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của NHNN.	
MỤC VI. BAN KIỂM SOÁT				
55.	Điều 54. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát. 2. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác.	Điều 58. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát 1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu. 2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát. 3. Ban kiểm soát có ít nhất 05 (năm) thành viên.	- Khoản 3, Khoản 4 Điều 67 Luật CTCTD 2024; - Điều 51 Luật CTCTD 2024.
56.	Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát	8. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý tổ chức tín dụng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.	Điều 59. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát 8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).	Khoản 8 Điều 52 Luật CTCTD 2024.
		9. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội	9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông	Khoản 9 Điều 52 Luật CTCTD 2024

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.	
		Chưa có	18. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị.	Khoản 5 Điều 52 Luật CTCTD 2024.
		Chưa có	19. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật CTCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.	Khoản 6, Điều 52 Luật CTCTD 2024.
		Chưa có	20. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 8, 11 và 19 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định của Luật CTCTD.	Khoản 13, Điều 52, Luật CTCTD 2024.
57.	Điều 56. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát	1. Trưởng Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ như sau: a. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát;	Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát 1. Trưởng Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ như sau:	Khoản 2 Điều 53 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		j. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.	j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.	Khoản 10 Điều 53 Luật CTCTD 2024
59.	Điều 57. Thay thế thành viên Ban kiểm soát	4. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ngân hàng phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát.	Điều 62. Thay thế thành viên Ban kiểm soát 4. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5, Điều 166 Luật CTCTD.	Điều 45, 46 Luật CTCTD 2024 và khoản 6, Điều 51, Luật CTCTD 2024.
71.	Điều 69. Vốn và sử dụng vốn của Ngân hàng	<ol style="list-style-type: none"> Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật. Ngân hàng được điều động vốn và tài sản giữa các công ty trực thuộc có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập. 	<p>Điều 74. Vốn và sử dụng vốn</p> <p>Vốn của Ngân hàng bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.</p> <ol style="list-style-type: none"> Ngân hàng được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ và quỹ dự trữ 	Điều 144 Luật CTCTD 2024

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
			bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của Ngân hàng.	
CHƯƠNG XV. ÁP DỤNG CAN THIỆP SỚM, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ				
78.	Điều 76. Áp dụng can thiệp sớm	<p>1. Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm khi Ngân hàng lâm vào một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa được đặt vào kiểm soát đặc biệt:</p> <p>a. Không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 03 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;</p> <p>b. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 06 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;</p> <p>c. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước thực trạng, nguyên nhân, phương án khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này và tổ chức triển khai thực hiện. Thời hạn thực hiện phương án khắc phục tối đa là 01 năm, kể từ ngày có văn bản áp dụng can thiệp sớm của Ngân hàng</p>	<p>Điều 81. Áp dụng can thiệp sớm</p> <p>1. Ngân hàng xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm và thực hiện cập nhật, điều chỉnh phương án này định kỳ 02 (hai) năm/lần. Phương án khắc phục phải được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày được thông qua.</p> <p>2. Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi Ngân hàng thuộc một hoặc một số trường hợp sau:</p> <p>a. Số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 15% (mười lăm) giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật CTCTD;</p> <p>b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;</p>	Điều 143, Điều 156, Điều 160 Luật CTCTD 2024

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		<ul style="list-style-type: none"> Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước có văn bản chấm dứt áp dụng can thiệp sớm sau khi Ngân hàng khắc phục được tình trạng quy định tại khoản 1 Điều này hoặc khi Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt. 	<ul style="list-style-type: none"> c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật CTCTD trong thời gian 30 ngày liên tục; d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật CTCTD trong thời gian 06 (sáu) tháng liên tục; e. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước. <p>3. Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện ngay các yêu cầu, biện pháp hạn chế tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng không thực hiện các yêu cầu, biện pháp hạn chế này, Ngân hàng Nhà nước áp dụng bổ sung một hoặc một số biện pháp hạn chế quy định tại khoản 2 Điều 157 của Luật CTCTD.</p> <p>4. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước yêu cầu Ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục.</p>	
79.	Điều 77. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt	<p>1. Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất, có nguy cơ mất khả năng 	<p>Điều 82. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt</p> <p>1. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Ngân hàng được can thiệp sớm không có phương án khắc phục gửi Ngân hàng Nhà 	Điều 162, Điều 165 Luật CTCTD 2024.

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
		<p>thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b. Số lỗ lũy kế của tổ chức tín dụng lớn hơn 50% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>c. Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 12 tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn thấp hơn 4% trong thời gian 06 tháng liên tục theo quy định của Luật CTCTD;</p> <p>d. Xếp hạng yếu kém trong 02 năm liên tục theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>2. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>nước hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước;</p> <p>b. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, Ngân hàng được can thiệp sớm không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;</p> <p>c. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà Ngân hàng không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;</p> <p>d. Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;</p> <p>e. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng thấp hơn 04% (bốn phần trăm) trong thời gian 06 (sáu) tháng liên tục;</p> <p>f. Tổ chức tín dụng bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.</p> <p>2. Kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cổ đông của Ngân hàng phải báo cáo việc sử dụng cổ phần; không được chuyển nhượng cổ phần; không được sử dụng cổ phần để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>3. Khi được kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các trách nhiệm</p>	

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
			theo quy định tại Khoản 1 Điều 165 Luật CTCTD, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại Khoản 2 Điều 165 Luật CTCTD.	
80.	Điều 78. Giải thế, chấm dứt hoạt động Ngân hàng	1. Ngân hàng bị giải thế trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Tự nguyện xin giải thế nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản; Khi hết thời hạn hoạt động không xin gia hạn hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản; Bị thu hồi Giấy phép. 2. Việc giải thế Ngân hàng trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thế này phải thông báo hay xin chấp thuận của NHNN theo quy định.	Điều 83. Giải thế, chấm dứt hoạt động Ngân hàng <ol style="list-style-type: none"> Ngân hàng giải thế, chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau: <ol style="list-style-type: none"> Không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động. Bị thu hồi Giấy phép. Tự nguyện giải thế nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản. Được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ. Khi giải thế, chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định. 	- Điều 202, Điều 204 Luật CTCTD 2024; - Khoản 3 Điều 208 Luật Doanh nghiệp; - Điều 59 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
			3. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.	
CHƯƠNG XVIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH				
84.	Điều 82. Điều khoản thi hành	<ol style="list-style-type: none"> Bản Điều lệ này gồm 17 chương 82 điều, có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng và có giá trị như nhau. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 	Điều 87. Điều khoản thi hành <ol style="list-style-type: none"> Bản Điều lệ này gồm 18 chương 86 Điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.....tháng.....năm..... Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm..... Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41, 42 và 43, Luật CTCTD được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cho đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm. Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật CTCTD được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2, Điều 51 Luật 	Điều 210 Luật CTCTD 2024; Điều 64 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC

STT	TÊN ĐIỀU KHOẢN	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH (NĂM 2021)	ĐIỀU LỆ MỚI (NĂM 2024)	CĂN CỨ PHÁP LUẬT
			<p>CTCTD được tiếp tục duy trì số lượng thành viên hiện tại cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>6. Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 Luật CTCTD được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Luật CTCTD, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu</p> <p>7. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng và có giá trị như nhau.</p> <p>8. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

THÁNG 04/2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	6
Điều 1. Định nghĩa.....	6
CHƯƠNG II THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG	7
Điều 2. Tên, địa chỉ, thời hạn hoạt động và thông tin về cổ đông sáng lập của Ngân hàng	7
CHƯƠNG III MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	9
Điều 3. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Ngân hàng	9
Điều 4. Quy định chung về hoạt động của Ngân hàng	9
Điều 5. Nội dung hoạt động chính	10
Điều 6. Vay, gửi tiền, mua bán giấy tờ có giá	10
Điều 7. Mở tài khoản của Ngân hàng	10
Điều 8. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán.....	11
Điều 9. Góp vốn, mua cổ phần	11
Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh.....	11
Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý	11
Điều 12. Các hoạt động kinh doanh khác	12
Điều 13. Kinh doanh bất động sản.....	12
Điều 14. Tỷ lệ an toàn.....	12
CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG	13
Điều 15. Vốn điều lệ.....	13
Điều 16. Thay đổi vốn điều lệ.....	13
Điều 17. Vốn hoạt động của Ngân hàng	13
CHƯƠNG V CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG	14
Điều 18. Cổ phần, cổ đông.....	14
Điều 19. Giới hạn sở hữu cổ phần	15
Điều 20. Cổ phiếu.....	15
Điều 21. Chào bán, chuyển nhượng cổ phần	16
Điều 22. Thu hồi cổ phần.....	17
CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	18
Điều 23. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	18
MỤC I CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	18

Điều 24. Số đăng ký cổ đông	18
Điều 25. Quyền hạn của cổ đông	19
Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông	20
Điều 27. Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 28. Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	22
Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 30. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 31. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 32. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo.....	25
Điều 33. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26
Điều 34. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	29
Điều 35. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	30
MỤC II ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	30
Điều 36. Nhiệm vụ chung	30
Điều 37. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	31
Điều 38. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	31
Điều 39. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.....	31
Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức.....	31
Điều 41. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.....	31
MỤC III CÁC NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 42. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác.....	31
Điều 43. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi.....	31
Điều 44. Nghĩa vụ công khai các lợi ích liên quan	33
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	33
MỤC IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	34
Điều 46. Thành phần và nhiệm kỳ	34
Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	34
Điều 48. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 49. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 50. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị.....	38
Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	38



Điều 52. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị.....	39
Điều 53. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị.....	40
MỤC V TỔNG GIÁM ĐỐC	40
Điều 54. Tổng giám đốc.....	40
Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc.....	40
Điều 56. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc.....	41
Điều 57. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc.....	42
MỤC VI BAN KIỂM SOÁT	42
Điều 58. Thành phần và nhiệm kỳ.....	42
Điều 59. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	42
Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát.....	44
Điều 61. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	45
Điều 62. Thay thế thành viên Ban kiểm soát.....	46
Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát.....	46
CHƯƠNG VII CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG	47
Điều 64. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng.....	47
Điều 65. Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc.....	47
CHƯƠNG VIII QUYỀN TRA CỨU SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG	47
Điều 66. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ Ngân hàng.....	47
CHƯƠNG IX LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	48
Điều 67. Người lao động và Công đoàn.....	48
CHƯƠNG X PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	48
Điều 68. Cổ tức.....	48
CHƯƠNG XI HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ	49
Điều 69. Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	49
Điều 70. Kiểm toán nội bộ.....	50
Điều 71. Kiểm toán viên nội bộ.....	50
Điều 72. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ.....	50
CHƯƠNG XII QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	51
Điều 73. Năm tài chính.....	51
Điều 74. Vốn và sử dụng vốn.....	51
Điều 75. Lập và duy trì các Quỹ.....	51

Điều 76. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng.....	52
Điều 77. Hệ thống kế toán.....	52
CHƯƠNG XIII BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG.....	52
Điều 78. Báo cáo.....	52
Điều 79. Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng	53
CHƯƠNG XIV KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG.....	53
Điều 80. Kiểm toán.....	53
CHƯƠNG XV CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	54
Điều 81. Áp dụng can thiệp sớm.....	54
Điều 82. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt.....	54
Điều 83. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng	55
Điều 84. Thanh lý Ngân hàng	55
CHƯƠNG XVI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	56
Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ	56
CHƯƠNG XVII SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	56
Điều 86. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ	56
CHƯƠNG XVIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	57
Điều 87. Điều khoản thi hành	57

PHẦN MỞ ĐẦU

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN là Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này được ban hành hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày/...../2024 và thay thế các bản Điều lệ trước đây. Các Phụ lục và các văn bản sửa đổi Điều lệ (nếu có) là một phần không thể tách rời của Điều lệ này.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:
 - a. **Cổ đông:** Là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một Cổ phần của Ngân hàng.
 - b. **Cổ đông sáng lập:** Là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Ngân hàng.
 - c. **Cổ đông lớn:** Là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
 - d. **Cổ phần:** Là vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
 - e. **Cổ phiếu:** Là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.
 - f. **Cổ tức:** Là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác.
 - g. **Công ty kiểm soát:** Là công ty sở hữu trực tiếp, gián tiếp trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại hoặc là công ty nắm quyền kiểm soát một ngân hàng thương mại hoặc là ngân hàng thương mại có công ty con, công ty liên kết.
 - h. **Công ty liên kết của Ngân hàng:** Là công ty mà Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con của Ngân hàng.
 - i. **Công ty con của Ngân hàng:** Là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của tổ chức tín dụng sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - ii. Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - iii. Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
 - iv. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty đó.
 - j. **Can thiệp sớm:** Là việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước nhằm khắc phục tình trạng theo quy định tại khoản 1 Điều 156 của Luật CTCTD.
 - k. **Địa chỉ liên lạc:** Là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với Ngân hàng để làm địa chỉ liên lạc.
 - l. **Giấy phép:** Là Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp cho Ngân hàng, bao gồm cả các văn bản của NHNN về sửa đổi, bổ sung Giấy phép.
 - m. **Giấy tờ pháp lý của cá nhân:** Là một trong các loại giấy tờ sau đây: Thẻ Căn cước, Thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

- n. **Giấy tờ pháp lý của tổ chức:** Là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.
 - o. **Luật CTCTD:** Là Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024.
 - p. **Luật Doanh nghiệp:** Là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
 - q. **Luật Chứng khoán:** Là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
 - r. **NHNN:** Là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - s. **Ngày thành lập:** Là ngày mà Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu.
 - t. **Người quản lý:** Bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này.
 - u. **Người điều hành:** Bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này.
 - v. **Người có liên quan:** Là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 24 Điều 4 của Luật CTCTD, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - w. **Pháp luật:** Là tất cả các bộ luật, luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
 - x. **Sổ đăng ký cổ đông:** Có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Ngân hàng. Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật.
 - y. **Thời hạn hoạt động:** Là thời gian Ngân hàng được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu. Ngân hàng có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được NHNN chấp thuận.
 - aa. **Vốn điều lệ:** Là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông.
 - bb. **Vốn pháp định:** Là vốn tối thiểu phải có theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Ngân hàng.
 - cc. **Việt Nam:** Là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật CTCTD, Luật Chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa chỉ, thời hạn hoạt động và thông tin về cổ đông sáng lập của Ngân hàng

Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động ngân hàng thương mại cổ phần số 05/GP-NHNN do Thống đốc NHNN cấp ngày 24/02/2023 (được cấp

đối từ Giấy phép hoạt động số 2399/QĐ-NHNN do Thống đốc NHNN cấp ngày 15/12/2006) và có:

1. Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín
Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Việt Nam Thương Tín
Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Vietnam Thuong Tin Commercial Joint Stock Bank
Tên viết tắt bằng tiếng Anh: Vietbank
3. Trụ sở chính đặt tại: Tầng 2 Tòa nhà số 47 Trần Hưng Đạo, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.
Điện thoại: (0299) 3621454 Fax: (0299) 3621858
Email: callcenter@vietbank.com.vn Trang web: www.vietbank.com.vn
4. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Ngân hàng phù hợp với quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Địa chỉ, tên gọi và một số thông tin về các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và công ty con được công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Vietbank khi có sự thay đổi.
5. Điều lệ tổ chức và hoạt động, các cơ quan quản lý và điều hành.
6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của NHNN. Số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu của Ngân hàng do Hội đồng quản trị quyết định, việc quản lý, lưu giữ và sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Tổng giám đốc.
7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.
8. Thời hạn hoạt động là 50 (năm mươi) năm.
9. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng:
 - a. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là:
 - i. Tổng giám đốc; hoặc
 - ii. Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian khuyết chức danh Tổng giám đốc mà chưa hoàn tất việc bổ nhiệm người khác thay thế.
 - b. Người đại diện theo pháp luật là cá nhân đại diện cho Ngân hàng thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Ngân hàng, đại diện cho Ngân hàng với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - c. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho Người quản lý, Người điều hành của Ngân hàng đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi vắng mặt ở Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.
 - d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại điểm c khoản này mà người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây: Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trở lại làm việc tại Ngân hàng hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
 - e. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 (ba mươi) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp

hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.

- f. Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này hoặc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

10. Họ, tên, địa chỉ và quốc tịch của cổ đông sáng lập của Ngân hàng:

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Quốc tịch
1	Dương Ngọc Hòa	598 B Nguyễn Đình Chiểu, P.3, Q.3, TP.HCM	Việt Nam
2	Đặng Ngọc Lan	104 Tô Hiến Thành, Q.Hai Bà Trưng, Hà Nội	Việt Nam
3	Cao Văn Đức	149 Tô 13 Liễu Giai, P.Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	Việt Nam
4	Ngân hàng TMCP Á Châu	442 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, TP.HCM	Việt Nam

CHƯƠNG III MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Ngân hàng

1. Lĩnh vực kinh doanh của Ngân hàng là: Hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi và sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật.
2. Mục tiêu của Ngân hàng là:
 - a. Lợi nhuận;
 - b. Cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao;
 - c. Tạo điều kiện cho nhân viên phát triển;
 - d. Góp phần xây dựng kinh tế xã hội của đất nước.
3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động:
 - a. Ngân hàng được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp cho Ngân hàng, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Ngân hàng.
 - b. Ngân hàng có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định của NHNN, quy định của pháp luật và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - c. Ngân hàng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được NHNN cấp cho Ngân hàng.

Điều 4. Quy định chung về hoạt động của Ngân hàng

1. Nội dung hoạt động Ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng được ghi trong Giấy phép

cấp cho Ngân hàng.

2. Hoạt động ngân hàng của Ngân hàng quy định tại Luật CTCTD và thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
3. Các quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng; quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; quy định về xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng vốn vay, tài sản cho thuê tài chính; quy định về chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi và quy định về lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng thực hiện theo đúng quy định tại Luật CTCTD, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Nội dung hoạt động chính

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
 - a. Cho vay;
 - b. Chiết khấu, tái chiết khấu;
 - c. Bảo lãnh ngân hàng;
 - d. Phát hành thẻ tín dụng;
 - e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế trong trường hợp Ngân hàng được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
 - f. Thư tín dụng;
 - g. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
 - a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Vay, gửi tiền, mua bán giấy tờ có giá

1. Ngân hàng được vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Ngân hàng được mua, bán giấy tờ có giá với Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. Ngân hàng được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.
4. Ngân hàng được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Mở tài khoản của Ngân hàng

1. Ngân hàng phải mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
2. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
3. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 8. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán

1. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
2. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

Điều 9. Góp vốn, mua cổ phần

1. Ngân hàng chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, và 7 Điều này.
2. Ngân hàng phải thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết khi thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b. Cho thuê tài chính;
 - c. Bảo hiểm.
3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
5. Ngân hàng thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
6. Ngân hàng thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định của Luật CTCTD, Điều lệ này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
7. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 10. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh

1. Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản:
 - a. Ngoại hối;
 - b. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
2. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 11. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý

1. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.
2. Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo

hiếm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 12. Các hoạt động kinh doanh khác

1. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước:
 - a. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
 - b. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
 - c. Mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
 - d. Dịch vụ môi giới tiền tệ;
 - e. Kinh doanh vàng;
 - f. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - g. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép.
2. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:
 - a. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - b. Phát hành trái phiếu;
 - c. Lưu ký chứng khoán;
 - d. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
 - e. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.
4. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 13. Kinh doanh bất động sản

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

1. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;
2. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Ngân hàng chưa sử dụng hết;
3. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại khoản 1 Điều này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định tuân theo quy định pháp luật.

Điều 14. Tỷ lệ an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VII Luật CTCTD và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản có và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 15. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: 4.776.826.690.000 đồng (Bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi ngàn đồng) được chia thành 477.682.669 (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn, sáu trăm sáu mươi chín) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng). Mức vốn điều lệ nêu trên có thể thay đổi phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của NHNN trong từng thời kỳ. Trong trường hợp Ngân hàng có nhu cầu tăng vốn điều lệ thì tại thời điểm Ngân hàng nhận được Văn bản chấp thuận, sửa đổi, bổ sung Giấy phép của Ngân hàng Nhà nước về mức vốn điều lệ Vietbank, quy định về mức vốn điều lệ tại khoản này sẽ được tự động cập nhật theo Văn bản chấp thuận đó.
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Ngân hàng phải đảm bảo mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
4. Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:
 - a. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của Ngân hàng;
 - b. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn của Ngân hàng.
5. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỷ lệ quy định của NHNN;
 - b. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của NHNN;
 - c. Mua chứng chỉ quỹ đầu tư, thành lập công ty trực thuộc theo quy định của pháp luật;
 - d. Cho vay;
 - e. Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được đăng ký, chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành.
2. Sau khi thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Ngân hàng phải đăng ký với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Vốn hoạt động của Ngân hàng

Vốn hoạt động của Ngân hàng gồm các nguồn sau:

1. Vốn chủ sở hữu:
 - a. Vốn điều lệ của Ngân hàng;
 - b. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
 - c. Thặng dư vốn cổ phần;
 - d. Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;
 - e. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - f. Vốn khác thuộc sở hữu của Ngân hàng.
2. Vốn huy động theo các hình thức quy định tại Điều lệ này.
3. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG

Điều 18. Cổ phần, cổ đông

1. Ngân hàng phải có số lượng và cơ cấu cổ đông, tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông phù hợp với quy định pháp luật. Tổ chức, cá nhân nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật khác.
2. Các loại cổ phần, cổ đông: Ngân hàng có cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
3. Cổ phần của Ngân hàng có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật.
4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 35, Điều 36 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
5. Hội đồng quản trị quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Ngân hàng;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng quy định khác;
 - d. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ Ngân hàng hoặc nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.
6. Bất kỳ cổ phần phổ thông mới nào được dự kiến phát hành sẽ được chào bán trước tiên cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông hiện có của cổ đông tại Ngân hàng. Việc chào bán sẽ được thực hiện bằng thông báo nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn (không ít hơn 20 ngày) đăng ký mua cổ phần. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Ngân hàng đúng thời hạn như thông báo thì cổ đông liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Ngân hàng hoặc người khác theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được chào bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Ngân hàng mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng

quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 19. Giới hạn sở hữu cổ phần

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau:
 - a. Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Luật CTCTD;
 - b. Sở hữu cổ phần nhà nước tại tổ chức tín dụng cổ phần hóa;
 - c. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 6 Điều này.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật CTCTD.
6. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
7. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.

Điều 20. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - c. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - f. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu.
2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Ngân hàng cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a. Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Ngân hàng để tiêu hủy;
 - b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

4. Mỗi cổ đông sẽ được Ngân hàng cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
5. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí một giấy chứng nhận sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng quản trị về việc chuyển nhượng).
6. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và Ngân hàng phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.
7. Ngân hàng có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên 100 (một trăm) triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Ngân hàng cấp cổ phiếu mới.
8. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để đảm bảo cho các khoản cấp tín dụng tại chính Ngân hàng.
9. Trường hợp cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua đối với Ngân hàng tăng vốn điều lệ.

Điều 21. Chào bán, chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần:
 - a. Chào bán cổ phần là việc Ngân hàng tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
 - i. Chào bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu;
 - ii. Chào bán cổ phần ra công chúng;
 - iii. Chào bán cổ phần riêng lẻ.
 - b. Việc chào bán cổ phần thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.
 - c. Ngân hàng thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.
2. Cổ phần của cổ đông nắm giữ cổ phiếu được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin quy định tại Điều 24 của Điều lệ này được ghi đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông.
3. Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản lưu ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên lưu ký có số dư cổ phiếu Ngân hàng. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký, thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tên và các thông tin của cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng.
4. Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký cung cấp cho Ngân hàng là căn cứ duy nhất để xác định quyền và nghĩa vụ của cổ đông.
5. Trừ khi pháp luật có quy định khác, việc chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
6. Việc chuyển nhượng cổ phiếu được thực hiện căn cứ theo các quy định của Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các quy định hướng dẫn thi hành. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng, hình

thức chuyển nhượng được xác lập bằng văn bản do Hội đồng quản trị quy định cụ thể; văn bản chuyển nhượng được người chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng hay đại diện được ủy quyền hợp pháp của những người này ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu đã được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin tại điểm d khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này vào Sổ đăng ký cổ đông đối với cổ phiếu chưa lưu ký hoặc đã có số dư lưu ký chứng khoán tại một thành viên lưu ký; kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần được công nhận là cổ đông của Ngân hàng. Người chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

7. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
8. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần của cổ đông nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật.
9. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
10. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.

Điều 22. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Ngân hàng.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quyết định kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán vào thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 23. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Ngân hàng bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

MỤC I CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 24. Sổ đăng ký cổ đông

1. Ngân hàng phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Ngân hàng trong sổ đăng ký cổ đông.
3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.
4. Ngân hàng cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ.

Điều 25. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Ngân hàng và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Được nhận cổ tức với mức theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng; được chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần cho người khác;
 - d. Được chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định trong Điều lệ này, phù hợp với các quy định của Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - e. Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này; được xem, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình; được xem, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Ngân hàng, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình (bao gồm cả việc ủy quyền bằng văn bản cho người khác trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông) theo Điều lệ này; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - g. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Ngân hàng theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản;
 - h. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng hoặc theo quy định của pháp luật nếu Điều lệ không quy định. Danh sách ứng cử phải được gửi tới Hội đồng quản trị trong thời hạn do Hội đồng quản trị quy định;
 - i. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Ngân hàng có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - j. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Ngân hàng công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng gây thiệt hại cho Ngân hàng, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ Nghị quyết, quyết định đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên ngoài những quyền quy định tại khoản 2 Điều này còn có quyền sau đây:

- a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng.
- b. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- c. Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử thực hiện như sau:
 - i. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - ii. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
- d. Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 26. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có các nghĩa vụ sau:
 - a. Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật.
 - b. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Ngân hàng.
 - c. Chấp hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
 - d. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi số vốn đã góp.
 - e. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

- f. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - i. Vi phạm pháp luật;
 - ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra với Ngân hàng.
- g. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- h. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- i. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho tổ chức tín dụng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.
- j. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- k. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

2. Cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:

- a. Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
- b. Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 44 Điều lệ này;
- c. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;
- d. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng.

Các thông tin tại khoản này phải được cung cấp cho Ngân hàng bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Đối với thông tin tại điểm c, d khoản này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp liên trước.

Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, c, d khoản này với Đại hội đồng cổ đông.

Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.

Cổ đông phải bảo đảm thông tin cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin.

Điều 27. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông được Hội đồng quản trị triệu tập, địa điểm cụ thể do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ này quy định.

Điều 28. Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - b. Khi số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này;
 - c. Số thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) số cổ phần phổ thông trở lên khi xảy ra các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này;
 - e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - f. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - b. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - c. Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản này phải thực hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.
4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế

Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng và cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 25 của Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
6. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Ngân hàng thanh toán, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông, như chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
 - c. Thông qua quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
 - e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý điều hành của Ngân hàng;
 - h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ;
 - i. Thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - j. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;
 - k. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - l. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm;
 - m. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
 - n. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - o. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con;
 - p. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở

- lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- r. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;
 - s. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
 - t. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
 - u. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - v. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu biểu quyết quyết định của Đại hội đồng cổ đông về:
- a. Bất kỳ hợp đồng nào quy định tại điểm g khoản 1 Điều này và tại Điều 43 của Điều lệ này mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Bất kỳ việc mua lại cổ phần nào từ cổ đông đó hoặc bất kỳ người có liên quan nào của cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 30. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và được lập xong không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 3. Mỗi cổ đông đều có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 5. Người quản lý Ngân hàng phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 31. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền

dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên người được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Trong trường hợp khác, giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
 - d. Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 32. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập một danh sách các cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết như quy định tại Điều 30 của Điều lệ này, chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp, các tài liệu phù hợp với quy định của pháp luật và các quy chế của Ngân hàng và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm Đại hội;
 - c. Gửi Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo và tài liệu phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi kèm chương trình họp và các tài liệu, thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, thông báo có thể được gửi tới từng cá nhân trong các phong bì dán kín để tại nơi làm việc.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng đồng thời với việc gửi cho các cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sẽ được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan không được gửi kèm Giấy mời họp, Giấy mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử,

cách thức tài tài liệu để các cổ đông tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 25 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa kiến nghị trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ này và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, biểu quyết tại cuộc họp và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.
2. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định;



- b. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
3. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c. Chủ tọa sẽ cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
 4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:
 - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
 8. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:
 - a. Trừ trường hợp được quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
 - b. Đối với quyết định thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định đầu tư, mua, bán

- tài sản cố định của tổ chức tín dụng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
 - d. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
 - e. Các nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập họp và thông qua quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định tại Điều lệ Ngân hàng, quy định pháp luật.
9. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể thêm bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng và những vấn đề còn tồn đọng;
 - i. Tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

10. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được gửi đến cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
11. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Ngân hàng phải gửi đến Ngân hàng Nhà nước tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 34. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Ngoại trừ các vấn đề thuộc quy định tại các điểm a, d, f và s khoản 1 Điều 29 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của các cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
2. Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng quản trị có trách nhiệm:
 - a. Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;
 - b. Chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan đến vấn đề cần xin ý kiến biểu quyết, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm văn bản nêu rõ ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước Ngày hoàn trả. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 30 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ này. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật;
 - c. Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định quyết định của Đại hội đồng cổ đông và trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ Ngày hoàn trả, Hội đồng quản trị phải có văn bản thông báo kết quả biểu quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông gửi cho Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
4. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát

- hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.
5. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết, quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
 8. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 35. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này, trừ trường hợp theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 33 Điều lệ này.
2. Nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC II

ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 36. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

3. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Điều 37. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 38. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 39. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức

Được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.

Điều 41. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Chủ tịch, các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, các thành viên khác của Ban kiểm soát, người điều hành của Ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của mình theo quyết định của NHNN trong trường hợp vi phạm quy định tại Điều 43, khoản 10 Điều 48 của Luật CTCTD, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 Luật CTCTD; NHNN có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
2. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt tại Ngân hàng có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành nếu xét thấy cần thiết.
3. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

MỤC III

CÁC NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.

Điều 43. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác được ủy thác trách nhiệm không được sử dụng cho bản thân những cơ hội kinh doanh mà Ngân hàng có

- thể sử dụng để tạo lợi thế riêng cho Ngân hàng và không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ đang nắm giữ để thu lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Hội đồng quản trị bất kỳ quyền lợi nào có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng mà họ có thể có ở các tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác, và chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi Hội đồng quản trị (gồm các thành viên Hội đồng quản trị không có quyền lợi liên quan) đã xem xét và chấp thuận.
 3. Các Hợp đồng, giao dịch của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm hoặc hạn chế theo quy định của Luật CTCTD với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng, các đối tượng quy định tại Điều 44 Điều lệ này chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
 - a. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện cho Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch mà Điều lệ này quy định tỷ lệ biểu quyết cao hơn. Cổ đông là bên ký hợp đồng hoặc cổ đông có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
 - b. Đối với các hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất phải được Hội đồng quản trị thông qua trước khi ký. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên Hội đồng quản trị là bên ký hợp đồng hoặc thành viên Hội đồng quản trị có liên quan với bên ký hợp đồng không được phép tham gia biểu quyết.
 4. Trường hợp hợp đồng được ký kết mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 3 Điều này thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của pháp luật. Những người gây thiệt hại cho Ngân hàng phải có trách nhiệm bồi thường.
 5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác không được mua, bán hoặc giao dịch cổ phiếu Ngân hàng hay các công ty trực thuộc khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

Điều 44. Nghĩa vụ công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;
 - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
3. Ngân hàng phải công bố thông tin quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng.
4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.
2. Ngân hàng sẽ bồi thường các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng mà những người này phải tham gia hoặc đại diện được ngân hàng ủy quyền, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của Ngân hàng một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 46. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị với tỷ lệ trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 02 (hai) thành viên độc lập. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Hội đồng quản trị phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng.

Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

4. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tục.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

5. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thông báo việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN. Kết quả bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải được thông báo cho NHNN theo quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
7. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:
 - a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;
 - b. Không làm thành viên Hội đồng quản trị tại tổ chức tín dụng khác tại Việt Nam.

Điều 47. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có

quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.

2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 29 Điều lệ này.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
7. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này.
8. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại điểm q khoản 1 Điều 29 Điều lệ này.
9. Quyết định khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật CTCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.
11. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
12. Thông qua phương án cơ cấu lại hoạt động của Ngân hàng trong từng thời kỳ theo chỉ đạo của NHNN và báo cáo lại cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng; định kỳ hằng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
14. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị, hoạt động và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật CTCTD và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát (bao gồm chuẩn mực đạo đức đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
16. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc. Nội dung chi tiết được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị

công ty của Ngân hàng.

17. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
18. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
19. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
20. Quyết định mua lại cổ phần Ngân hàng theo phương án được duyệt.
21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
22. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
23. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
24. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
25. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
26. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
27. Giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị, một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết theo quyết định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.

Điều 48. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - f. Làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - i. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công.
 - j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
 - k. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - l. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 2 Điều này và quy định pháp luật.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:
 - a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích

- của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- b. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo.
 - c. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
 - d. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
 - e. Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - f. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
 - g. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Ngân hàng các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.
 - h. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
 - i. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 2, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 14, 15, 17, 21 Điều 47 của Điều lệ này.
 - j. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 49. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Ngân hàng có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ.

Điều 50. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị

- Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
- Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 của Luật CTCTD.
- Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
- Sau Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai và hoàn tất những công việc thành lập Ngân hàng.
- Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, sau khi được bầu, có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu để giải quyết, tiếp tục xử lý; đồng thời vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 51. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

- Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ hoặc bất thường. Trình tự, thủ tục triệu tập các cuộc họp, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản

trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

3. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.
4. Số thành viên tham dự yêu cầu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).
Trường hợp triệu tập họp Hội đồng quản trị từ lần thứ hai trở đi, trình tự, thủ tục, tỷ lệ số thành viên tham dự được căn cứ theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
5. Nguyên tắc biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - b. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
 - c. Những nội dung về biểu quyết, không được biểu quyết, xung đột lợi ích, tuyên bố quyền lợi,... được quy định chi tiết tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
6. Biên bản: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và và có thể lập bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị.
7. Các hình thức họp Hội đồng quản trị:
Ngoài họp trực tiếp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới các hình thức khác nhau như điện thoại, hội nghị trực tuyến (video conference),...
8. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị: Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi cho các Bộ phận/cá nhân liên quan để triển khai thực hiện. Chi tiết về trình tự, thủ tục, ủy quyền tham dự họp, các nội dung của biên bản họp và các nội dung khác của cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

Điều 52. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị được phép sử dụng bộ phận giúp việc và con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
2. Hội đồng quản trị sẽ có các nhân viên giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc.
3. Hội đồng quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng quản trị quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo quy định của Thống đốc của NHNN.

Điều 53. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị Ngân hàng bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người thực hiện nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng. Người phụ trách quản trị công ty có thể do Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc Thư ký Hội đồng quản trị đảm nhiệm. Tiêu chuẩn, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị. Chức năng, nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định.

**MỤC V
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 54. Tổng giám đốc

1. Điều hành hoạt động Ngân hàng là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có một số Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn, nghiệp vụ.
2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, thưởng, bồi thường, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Thông tin về mức lương, thưởng, trợ cấp, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng.
3. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình trong điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
4. Trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm; Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật CTCTD, quy định của NHNN.
Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.
Trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Tổng giám đốc mới chưa được bổ nhiệm thì Tổng giám đốc của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Tổng giám đốc mới được bổ nhiệm và nhận nhiệm vụ.
5. Phó Tổng giám đốc là người giúp Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công của Tổng giám đốc. Phó Tổng giám đốc báo cáo và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được Tổng giám đốc phân công.
6. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị chỉ được ra quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc sau khi đã được NHNN có văn bản chấp thuận danh sách dự kiến việc bổ nhiệm. Trình tự, thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.

2. Tổng giám đốc sau khi được bổ nhiệm, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách thì Hội đồng quản trị phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có báo cáo bằng văn bản lên Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính theo quy định.
4. Trong thời hạn tối đa 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Tổng giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc hoặc Hội đồng quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới theo quy định của NHNN.
5. Trường hợp Tổng giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc đảm bảo các điều kiện theo quy định của NHNN, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 37 của Điều lệ này để đảm nhiệm công việc của Tổng giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng giám đốc gửi Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính giải quyết theo quy định hiện hành.

Điều 56. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ như sau:

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc báo cáo để cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.
12. Quyết định tất cả các vấn đề (trừ các trường hợp phải có nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

theo Điều lệ này và quy định có liên quan) bao gồm việc thay mặt Ngân hàng ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

13. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
14. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
15. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 57. Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng giám đốc căn cứ theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và các chi phí cho hoạt động của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

MỤC VI BAN KIỂM SOÁT

Điều 58. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban kiểm soát theo phương thức bầu dồn phiếu.
2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát với tỷ lệ trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. Ban kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát.
3. Ban kiểm soát có ít nhất 05 (năm) thành viên.
4. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ của mình.
5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
6. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát sau khi được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
7. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

Điều 59. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng

- cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.
 3. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, có quyền sử dụng các nguồn lực của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
 4. Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:
 - a. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của kiểm toán nội bộ.
 - b. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - c. Giám sát kiểm toán nội bộ trong việc:
 - i. Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - ii. Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
 - iii. Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - iv. Các nội dung khác do Ban Kiểm soát quy định.
 - d. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
 - e. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật.
 5. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 6. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
 7. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 8. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị

- quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
9. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
 10. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
 11. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật CTCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao.
 12. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
 13. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
 14. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng.
 15. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
 16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản tới Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 17. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm; Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
 18. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị.
 19. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật CTCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.
 20. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 8, 11 và 19 Điều lệ này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, người có liên quan theo quy định của Luật CTCTD.
 21. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 60. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát.

1. Trưởng Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ như sau:
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 52 của Luật CTCTD và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
 - b. Triệu tập và làm chủ toạ cuộc họp Ban kiểm soát.
 - c. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

- d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 11 Điều 59 Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.
 - e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
 - f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.
 - h. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
 - i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
 - j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.
 - k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền hạn, nghĩa vụ như sau:
- a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của tổ chức tín dụng, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông, quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát.
 - c. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
 - d. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
 - e. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
 - f. Báo cáo Trưởng ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.
 - g. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
 - h. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.
 - i. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 61. Thủ lao, tiền lương và các lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thủ lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thủ lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thủ lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

Điều 62. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 39 và Điều 40 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.
2. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất quyết định.
4. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên Ban kiểm soát tối thiểu, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 166 Luật CTCTD.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 63. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau Ngày thành lập. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 07 (bảy) ngày.
Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
3. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.
4. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền.
Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát từ lần thứ hai trở đi, trình tự, thủ tục, tỷ lệ số thành viên tham dự được căn cứ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
5. Nguyên tắc biểu quyết:
 - a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát.

- b. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
 - c. Những nội dung về biểu quyết, không được biểu quyết, xung đột lợi ích, tuyên bố quyền lợi,... được quy định chi tiết tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
6. Biên bản: Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Ban kiểm soát.

Chi tiết về trình tự, thủ tục, ủy quyền tham dự họp và các nội dung khác của cuộc họp Ban kiểm soát được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA NGÂN HÀNG

Điều 64. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

1. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng chủ yếu bao gồm:
 - a. Trụ sở chính;
 - b. Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính;
 - c. Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài.
 - d. Các Công ty con;
2. Ngân hàng được phép mở Chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước, kể cả tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính, Chi nhánh, văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài khi có nhu cầu theo quy định của NHNN. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 65. Bộ máy giúp việc của Tổng giám đốc

1. Các Phó Tổng giám đốc;
2. Kế toán trưởng;
3. Các Khối, Trung tâm, Phòng, Ban, Văn phòng.

CHƯƠNG VIII QUYỀN TRA CỨU SỐ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 66. Quyền tra cứu số sách và hồ sơ Ngân hàng

1. Cổ đông lớn được quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Ngân hàng và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Ngân hàng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Ngân hàng phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung của Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử (website) chính thức của Ngân hàng.

CHƯƠNG IX LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 67. Người lao động và Công đoàn

Ngân hàng sẽ phải xây dựng quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, sử dụng lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với tổ chức Công đoàn.

CHƯƠNG X PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 68. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Ngân hàng. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Ngân hàng đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b. Đã trích lập các quỹ và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
 - c. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Căn cứ theo kế hoạch và mức chi trả cổ tức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Ngân hàng.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Ngân hàng hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Ngân hàng đã được Cổ đông cung cấp đầy đủ, chi tiết về thông tin tài khoản ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp thì Ngân hàng không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại nào phát sinh từ việc chuyển khoản đó.



4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
 - a. Tên và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
 - b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
 - c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
 - e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
5. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Ngân hàng không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 21 Điều lệ này. Ngân hàng phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.
6. Ngân hàng không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
7. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
8. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Ngân hàng.

CHƯƠNG XI HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Điều 69. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng được xây dựng phù hợp với quy định của Luật CTCTD, hướng dẫn của NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ.
2. Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c. Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.
3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.
4. Ngân hàng xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định của Thống đốc ngân hàng Nhà nước.

Điều 70. Kiểm toán nội bộ

1. Tổ chức của Kiểm toán nội bộ: Ngân hàng thành lập Ban kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát để thực hiện kiểm toán nội bộ Ngân hàng.
2. Mục tiêu hoạt động và chức năng cơ bản của Kiểm toán nội bộ:
 - a. Hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của Ngân hàng.
 - b. Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng.
 - c. Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của Ngân hàng.
 - d. Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ.
 - e. Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy định, quy trình, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng.

Các nội dung chi tiết về tổ chức, mục tiêu hoạt động, chức năng của kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 71. Kiểm toán viên nội bộ

1. Kiểm toán viên nội bộ phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.
2. Quy tắc đạo đức nghề nghiệp:

Kiểm toán viên nội bộ phải đảm bảo thực hiện đúng quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực hiện công tác kiểm toán nội bộ và tư vấn. Các quy tắc đạo đức nghề nghiệp cơ bản gồm:

 - a. Chính trực.
 - b. Khách quan.
 - c. Bảo mật.
 - d. Trách nhiệm.
 - e. Thận trọng.

Nội dung chi tiết của các quy tắc đạo đức nghề nghiệp được quy định tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.

3. Đối với Trưởng Ban kiểm toán nội bộ ngoài việc đảm bảo các quy tắc đạo đức nghề nghiệp quy định nêu trên và theo Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ, còn phải có biện pháp theo dõi, đánh giá, quản lý nhằm đảm bảo các kiểm toán viên nội bộ tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp.
4. Đối với Kiểm toán viên công nghệ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ, đồng thời phải có kinh nghiệm làm việc trong ngành công nghệ thông tin tối thiểu là 02 (hai) năm.

Điều 72. Trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ

1. Trách nhiệm của Ban kiểm toán nội bộ
 - a. Bảo mật tài liệu, thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.
 - b. Chịu trách nhiệm trước Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ được giao;

- c. Kiểm toán viên nội bộ chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Trường kiểm toán nội bộ về nhiệm vụ kiểm toán được giao.
2. Quyền hạn của Ban kiểm toán nội bộ
 - a. Được trang bị đầy đủ các nguồn lực (nhân lực, tài chính, tài sản và các phương tiện khác) cần thiết;
 - b. Được cung cấp các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho công tác kiểm toán nội bộ, bao gồm cả các văn bản, biên bản họp của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - c. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật, hoặc theo quy định tại Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng;
 - d. Được phỏng vấn các cá nhân về nội dung liên quan đến kiểm toán nội bộ; kiến nghị cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Ngân hàng xử lý đối với hành vi bất hợp tác của cá nhân, bộ phận trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.
 3. Nhiệm vụ của Ban kiểm toán nội bộ:
 - a. Thực hiện kiểm toán nội bộ đối với trụ sở chính, chi nhánh và đơn vị phụ thuộc khác của Ngân hàng;
 - b. Xây dựng, rà soát để trình Ban kiểm soát ban hành, sửa đổi, bổ sung: (i) Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ theo quy định của NHNN; (ii) Quy định nội bộ của Ban kiểm soát; (iii) Kế hoạch kiểm toán nội bộ;
 - c. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, các cá nhân, bộ phận trực thuộc Ngân hàng;
 - d. Thực hiện các kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác đối với kiểm toán nội bộ;
 - e. Lập báo cáo về kiểm toán nội bộ theo quy định của NHNN.
 4. Các trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ khác của Ban kiểm toán nội bộ được quy định cụ thể tại Quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được ban hành trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG XII

QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 73. Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 74. Vốn và sử dụng vốn

1. Vốn của Ngân hàng bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn huy động, vốn khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được sử dụng vốn để kinh doanh theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.
3. Ngân hàng được mua, đầu tư tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của mình, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của Ngân hàng.

Điều 75. Lập và duy trì các Quỹ

1. Hằng năm, Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau đây:

- a. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ hoặc quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp phải trích lập hàng năm theo tỷ lệ 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế. Mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của Ngân hàng;
 - b. Quỹ dự phòng tài chính;
 - c. Quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được trích lập các quỹ sau:
- a. Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
 - b. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm;
 - c. Quỹ khen thưởng;
 - d. Quỹ phúc lợi.

Điều 76. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 77. Hệ thống kế toán

1. Chuẩn mực kế toán Ngân hàng sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (Vietnam Accounting Standards) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Ngân hàng lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Ngân hàng lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Ngân hàng tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Ngân hàng.
3. Ngân hàng sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.
4. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

CHƯƠNG XIII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 78. Báo cáo

1. Ngân hàng phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của NHNN. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 80 Điều lệ này.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính; bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng tính đến thời điểm lập báo cáo; báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Ngân hàng phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và NHNN/cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Ngân hàng phải được công bố trên website của Ngân hàng.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Ngân hàng, tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
6. Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo ngay với NHNN trong những trường hợp sau:
 - a. Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;
 - c. Thay đổi tên chi nhánh của tổ chức tín dụng; tạm ngừng giao dịch dưới 05 ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
7. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng gửi các báo cáo hàng năm đến NHNN theo quy định của pháp luật.
8. Trong thời hạn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp đang được kiểm soát đặc biệt.

Điều 79. Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng

Ngân hàng phải lập và công bố Báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XIV KIỂM TOÁN NGÂN HÀNG

Điều 80. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Trong quá trình kiểm toán, Ngân hàng có trách nhiệm cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời các thông tin theo yêu cầu của Kiểm toán viên. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi cho công ty kiểm toán độc lập báo cáo tài chính bán niên (sau khi kết thúc kỳ báo cáo 06 (sáu) tháng) và báo cáo tài chính năm (sau khi kết thúc mỗi năm tài chính).
4. Tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Ngân hàng và phải lập Báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
5. Một bản sao của Báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm của Ngân hàng.
6. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà

các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán viên.

7. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Ngân hàng có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
8. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật CTCTD, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

CHƯƠNG XV

CAN THIỆP SỚM, KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 81. Áp dụng can thiệp sớm

1. Ngân hàng xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm và thực hiện cập nhật, điều chỉnh phương án này định kỳ 02 (hai) năm/lần. Phương án khắc phục phải được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng thông qua và gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày được thông qua.
2. Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm khi Ngân hàng thuộc một hoặc một số trường hợp sau:
 - a. Số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 15% (mười lăm phần trăm) giá trị của vốn điều lệ, vốn được cấp và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật CTCTD;
 - b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;
 - c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 138 của Luật CTCTD trong thời gian 30 (ba mươi) ngày liên tục;
 - d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 138 của Luật CTCTD trong thời gian 06 (sáu) tháng liên tục;
 - e. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi Ngân hàng Nhà nước.
3. Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện ngay các yêu cầu, biện pháp hạn chế tại văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng không thực hiện các yêu cầu, biện pháp hạn chế này, Ngân hàng Nhà nước áp dụng bổ sung một hoặc một số biện pháp hạn chế quy định tại khoản 2 Điều 157 của Luật CTCTD.
4. Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước yêu Ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục Báo cáo và kiểm soát đặc biệt.

Điều 82. Báo cáo và kiểm soát đặc biệt

1. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định đặt vào kiểm soát đặc biệt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Ngân hàng được can thiệp sớm không có phương án khắc phục gửi Ngân hàng Nhà nước hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước;
 - b. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, Ngân hàng được can thiệp sớm không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;

- c. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà Ngân hàng không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;
 - d. Bị rút liên hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;
 - e. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng thấp hơn 04% (bốn phần trăm) trong thời gian 06 tháng liên tục;
 - f. Tổ chức tín dụng bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.
2. Kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cổ đông của Ngân hàng phải báo cáo việc sử dụng cổ phần; không được chuyển nhượng cổ phần; không được sử dụng cổ phần để làm tài sản bảo đảm, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 3. Khi được kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 165 Luật CTCTD, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Luật CTCTD.

Điều 83. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng

1. Ngân hàng giải thể, chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a. Không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.
 - b. Bị thu hồi Giấy phép.
 - c. Tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
 - d. Được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.
2. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định.
3. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 84. Thanh lý Ngân hàng

1. Tối thiểu 06 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Ngân hàng hoặc sau khi có một quyết định giải thể Ngân hàng, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 (ba) thành viên, trong đó bao gồm hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 (một) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Ngân hàng hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho NHNN/Cơ quan đăng ký doanh nghiệp về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Ngân hàng;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ điểm a đến điểm e khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.
4. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản Ngân hàng quy định tại khoản 2 Điều này, nếu phát hiện Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, NHNN ra quyết định chấm dứt thanh lý tài sản và yêu cầu Ngân hàng nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tổ chức tín dụng quy định tại Điều 204 của Luật CTCTD.

CHƯƠNG XVI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Ngân hàng, tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, do Luật CTCTD, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác quy định hoặc các quy định hành chính giữa:
 - a. Cổ đông và Ngân hàng; hoặc
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung tâm hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án để giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVII SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 86. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải gửi NHNN theo quy định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

CHƯƠNG XVIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 87. Điều khoản thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 18 (mười tám) chương, 87 (tám mươi bảy) điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.....tháng.....năm.....
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm.....
3. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 41, 42 và 43 Luật CTCTD được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cho đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
4. Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 69 Luật CTCTD được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
5. Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật CTCTD được tiếp tục duy trì số lượng thành viên hiện tại cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.
6. Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 63 Luật CTCTD được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Luật CTCTD, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.
7. Điều lệ được lập thành 05 (năm) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Ngân hàng và có giá trị như nhau.
8. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

BẢNG TỔNG HỢP
SO SÁNH CHI TIẾT DỰ THẢO QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ VÀ QUY CHẾ HIỆN HÀNH

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Người quản lý Ngân hàng</i> bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. - <i>Người điều hành Ngân hàng</i> bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng; - <i>Cổ đông lớn của Ngân hàng</i> là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng. - <i>Sở hữu gián tiếp</i>: chưa quy định. - <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 28 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp. - <i>Đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực ngân hàng</i> là những phẩm chất cần có của mỗi người theo đúng những quy tắc chuẩn mực của nghề Ngân hàng; là những nguyên tắc chi phối hành vi của một người hoặc một nhóm 	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Người quản lý Ngân hàng</i> bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. - <i>Người điều hành Ngân hàng</i> bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. - <i>Cổ đông lớn của Ngân hàng</i> là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp. - <i>Sở hữu gián tiếp</i> là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của Ngân hàng thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ. - <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 22 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp. 	<p>Điều 4 – Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>người trong môi trường công việc, là sự tuân thủ quy tắc, chuẩn mực đạo đức, bao gồm nhưng không giới hạn các chuẩn mực sau:</p> <p>a.....;</p> <p>b.....;</p> <p>....</p> <p>- Luật Các TCTD năm 2010 là Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2017.</p>	<p>- Đạo đức nghề nghiệp là những phẩm chất cần có của mỗi người theo đúng những quy tắc chuẩn mực của nghề Ngân hàng theo Quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.</p> <p>- Luật Các TCTD năm 2024/Luật Các TCTD là Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024.</p>	
2	<p>Điều 3. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự.</p> <p>- Nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHCĐ:</p> <p>- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Ngân hàng;</p> <p>- Quyết định thành lập công ty con;</p> <p>- Thông qua Phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp khắc phục sớm: chưa quy định.</p> <p>- Quyết định thành lập công ty con;</p>	<p>Điều 3. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.</p> <p>2. Nhiệm vụ, quyền hạn của ĐHCĐ:</p> <p>- Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>- Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;</p> <p>- Thông qua phương án theo quy định tại Điều 143 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024;</p> <p>- Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty</p>	<p>Điều 67 Luật Các Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; - Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng; - Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng. - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết. 	<p>con của Ngân hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; - Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; - Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; - Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các TCTD; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết. 	
3	Điều 4. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại	Điều 4. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại	Khoản 2 Điều 67 Luật

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1.a Các trường hợp triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng; - Thông qua các vấn đề theo yêu cầu của NHNN; chưa quy định. <p>9. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trừ trường hợp được quy định tại điểm b khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51 % (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; b. Đối với quyết định sau đây phải được số cổ đông đại diện trên 65% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận: <ul style="list-style-type: none"> i. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; ii. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; 	<p>hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>1.a Các trường hợp triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng; - Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn của Ngân hàng. <p>9. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Trừ trường hợp được quy định tại điểm b, điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50 % (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận; b. Đối với quyết định sau đây phải được số cổ đông đại diện trên 65% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận: <ul style="list-style-type: none"> i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; 	<p>Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>iii. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;</p> <p>iv. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>v. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>vi. Quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng;</p> <p>vii. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.</p> <p>13. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>c. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính đồng thời gửi cho các cổ đông theo địa chỉ đăng ký với Ngân hàng.</p>	<p>ii. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;</p> <p>iii. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>iv. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>v. Quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng;</p> <p>vi. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.</p> <p>13. Công bố nghị quyết ĐHĐCĐ:</p> <p>c. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước đồng thời gửi cho các cổ đông theo địa chỉ đăng ký với Ngân hàng.</p>	
4	<p>Điều 5. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản</p> <p>1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của</p>	<p>Điều 5. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng Văn bản</p> <p>2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự đồng ý tán thành bằng văn</p>	<p>Khoản 5 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>các cổ đông đại diện trên 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng, ngoại trừ các vấn đề sau phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Ngân hàng; - Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại; - Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng; - Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 20%% (hai mươi phần trăm) so với vốn điều lệ của Ngân hàng được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng đã được kiểm toán; 	<p>bán của các cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng, ngoại trừ các vấn đề sau phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại; - Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng; - Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng. 	
5	<p>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài 	<p>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự 	<p>Điều 70, Điều 71 và Điều 72 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 3 Quy chế này. - Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật CTCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm p khoản 2 Điều 3 Quy chế này. - Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết. 	<p>kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức giá đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 3 Quy chế này. - Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật CTCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm p khoản 2 Điều 3 Quy chế này. - Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết. - Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân 	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>3.a. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Thành viên HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; - Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng; - Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị. 	<p>hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>3.a. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Thành viên HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế này và Quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị; - Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; - Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các TCTD, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình. <p>Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị trong trường hợp Ngân hàng trở thành công ty niêm yết. - Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền 	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>3.b. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị. - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị. - Các nội dung về triệu tập họp, thay mặt ký các văn bản của HĐQT, Ủy quyền: chưa quy định. 	<p>cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các điểm b, e, g, h, i, j, m, n, p và v khoản 2 Điều này.</p> <p>3.b. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; - Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; - Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. - Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. - Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ 	
6	<p>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cơ cấu Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại 	<p>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cơ cấu Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, số lượng thành viên từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập; 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân 	<p>Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p> <p>Điều 41, Điều 42, Điều 43 và Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p> <p>Khoản 10 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>điện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bầu bổ sung khi số thành viên ít hơn tối thiểu: chưa quy định. <p>2.a Tiêu chuẩn, điều kiện là Thành viên HĐQT:</p> <p>i Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; - Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng; - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện 	<p>và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các TCTD, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định của Luật Các TCTD. <p>2.a. Tiêu chuẩn, điều kiện là Thành viên HĐQT:</p> <p>i Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; - Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng; 	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; - Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng; - Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép; 	<ul style="list-style-type: none"> - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng; - Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; - Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ - Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>ii. Tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Ngân hàng hoặc là thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng. - Chủ tịch Hội đồng quản trị không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. - Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 (năm) công ty khác. 	<p>của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; <p>ii. Tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng không được đồng thời là: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác. ✓ Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. - Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng không phải là thành viên độc lập không được đồng thời là: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Người điều hành của Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc Ngân hàng; ✓ Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác; người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng; 	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>iv. Có bằng đại học trở lên;</p> <p>v. Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng cổ phần hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>2.b. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị độc lập:</p> <p>v. Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác. - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được đồng thời là: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Người điều hành của Ngân hàng; ✓ Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác; ✓ Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác. <p>iv. Có trình độ từ đại học trở lên;</p> <p>v. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng cổ phần; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>2.b. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị độc lập:</p> <p>v. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>quyền biểu quyết trở lên của Vietbank; không cùng người có liên quan sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Vietbank.</p> <p>3.c Quyền đề cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử, lập nhóm đề cử thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10 % đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; - 	<p>01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng.</p> <p>3.c Quyền đề cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử, lập nhóm đề cử thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên; - 	
7	<p>Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. 	<p>Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực 	<p>Điều 51, Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. - Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. - Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. - Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. - Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý tổ chức tín dụng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có. 	<p>hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ, các quy định nội bộ về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. - Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, có quyền sử dụng các nguồn lực của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát . - Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông. - Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại 	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<ul style="list-style-type: none"> - Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này. 	<p>hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị .</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng. - Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý của Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). - Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này. - Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều 52 Luật Các TCTD và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD. <p>3 và 4. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban KS, Thành viên Ban Kiểm soát: bổ sung mới (Quy chế hiện hành chưa quy định) .</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
8	<p>Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>2. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên, trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác.</p>	<p>Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>2. Ban kiểm soát có ít nhất 05 (năm) thành viên. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu</p> <p>Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p>	<p>Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>
9	<p>Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:.....</p> <p>b. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p>	<p>Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:</p> <p>a. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:.....</p> <p>- Tương tự mục 2.a.i Điều 8;</p> <p>- Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng Ngân hàng.</p> <p>b. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>- Người quản lý, người điều hành của chính Ngân</p>	<p>Điều 41, Điều 42, Điều 43 và Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó; - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành của Ngân hàng. <p>d. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>e. Không phải là người có liên quan của người quản lý của Ngân hàng;</p> <p>f. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>g. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý của Ngân hàng. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Ngân hàng;</p> <p>h. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p>	<p>hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó. <p>d. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;</p> <p>e. f. : bỏ vì đã đưa các nội dung liên quan lên phần các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không cùng đảm nhiệm chức vụ.</p> <p>g. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Ngân hàng;</p>	
10	Điều 19. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiệm	Điều 19. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiệm	Điều 41, Điều 42,

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>mất tư cách Người điều hành Ngân hàng</p> <p>1. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Người điều hành Ngân hàng:</p> <p>a. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc:</p> <p>i. Không thuộc các trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:.....</p> <p>-</p> <p>- Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị không được là Tổng giám đốc của cùng Ngân hàng. Người có quan hệ gia đình của những người quản lý khác, của thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng không được là Tổng giám đốc Ngân hàng.</p> <p>ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:</p> <p>- Tổng giám đốc của Ngân hàng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;</p> <p>- Tổng giám đốc của Ngân hàng không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>iv. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế,</p>	<p>mất tư cách Người điều hành Ngân hàng</p> <p>1. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Người điều hành Ngân hàng:</p> <p>a. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc:</p> <p>i. Không thuộc các trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:.....:</p> <p>- Tương tự mục 2.a.i Điều 8;</p> <p>- Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể: Tổng giám đốc của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;</p> <p>iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế</p>	<p>Điều 43 và Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>b. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh;</p> <p>i. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Phó Tổng giám đốc: - Đối với Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; ✓ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; ✓ Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng; ✓ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng. 	<p>toán, kiểm toán;</p> <p>b. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh;</p> <p>i. Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với Phó Tổng giám đốc: Tương tự quy định tại tiết (i) điểm a khoản 1 Điều 19. - Đối với Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; ✓ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc; ✓ Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng; ✓ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ 	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng; - Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. <p>iii. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p>	<p>quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng.</p> <p>ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:</p> <p>Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác</p> <p>iii. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;</p> <p>v. Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
11	<p>Điều 23. Điều khoản thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua. 2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh đối với việc quản trị Ngân hàng. 3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này Đại hội đồng cổ đông quyết định. 	<p>Điều 23. Điều khoản thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024. 2. Quy định chuyển tiếp: <ol style="list-style-type: none"> a. Người quản lý, người điều hành và các chức danh tương đương khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của Luật Các TCTD và Quy chế này vẫn tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cho đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm. <p>Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành chưa đáp ứng quy định về cơ cấu nhân sự theo khoản 1 Điều 8 Quy chế này vẫn tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p> b. Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có cơ cấu, số lượng nhân sự chưa đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Ngân hàng bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát. 3. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân 	<p>Điều 209 và khoản 8 Điều 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh đối với việc quản trị Ngân hàng.</p> <p>4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	

VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
TẠI NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/2024/QĐ-HĐQT ngày/...../2024
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này trên cơ sở các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng và vận dụng những cơ chế quản trị công ty phù hợp với điều kiện Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

Theo đó, Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Ngân hàng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Ngân hàng; điều chỉnh các nội dung liên quan đến quản trị nội bộ tại Ngân hàng, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc;
 - Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng;
 - Các hoạt động khác: phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc; đánh giá hàng năm, khen thưởng, xử lý kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng.
 - Các nội dung khác liên quan đến quản trị nội bộ.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

- Vietbank hay Ngân hàng*: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.
- Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

4. *Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.
5. *Thành viên Hội đồng quản trị độc lập* là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng (các) điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quy chế này.
6. *Cổ đông lớn của Ngân hàng* là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
7. *Sở hữu gián tiếp* là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của Ngân hàng thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ.
8. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 22 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
9. *Người có quan hệ gia đình* bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
10. *Đại hội đồng cổ đông trực tuyến (Đại hội trực tuyến)* là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể tham gia, theo dõi diễn tiến của Đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.
11. *Đạo đức nghề nghiệp* là những phẩm chất cần có của mỗi người theo đúng những quy tắc chuẩn mực của nghề Ngân hàng theo Quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
12. *Pháp luật* là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
13. *Điều lệ Ngân hàng* là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2021 và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).
14. *Luật Các TCTD năm 2024/Luật Các TCTD* là Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024.
15. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
16. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khoá XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.

2. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 5. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

1. Những đối tượng thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng không được là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị

Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 7. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.
2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 8. Thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, sau khi được bầu, có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 9. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 45 Điều lệ Ngân hàng.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, Nghị quyết thông qua các quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không ký thì có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác ký hoặc Hội đồng quản trị cử một thành viên Hội đồng quản trị khác ký theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.

Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;

- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan đến Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Mục 2 HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 28 Điều lệ Ngân hàng.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.
5. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7, Điều 136 của Luật CTCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm r khoản 1 Điều 28 của Điều lệ Ngân hàng.

9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.
11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng.
12. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, cụ thể:
 - a. Đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc:
 - (i) Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin;
 - (ii) Duy trì văn hóa kiểm soát quy định tại khoản 6 Điều 2 Quy chế này và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong Ngân hàng;
 - (iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - (iv) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;
 - (v) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.
 - b. Đối với quản lý rủi ro, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro trong việc:
 - (i) Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro;
 - (ii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - (iii) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.
 - c. Đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc:
 - (i) Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;
 - (ii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;
 - (iii) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.
13. Đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng

giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

14. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát (bao gồm chuẩn mực đạo đức đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
16. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.
17. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
18. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ngân hàng.
19. Quyết định mua lại cổ phần của ngân hàng theo phương án được duyệt.
20. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan (bao gồm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị) để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
23. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
24. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
25. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
26. Giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị, một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết. Thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo lại Hội đồng quản trị tại kỳ họp gần nhất.

Điều 13. Quyền hạn, nghĩa vụ của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Ngân hàng quy định.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết Hợp đồng, giao dịch

1. Các Hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị thông qua:
 - a. Các Hợp đồng giữa Ngân hàng và các đối tượng quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 12 Quy chế này;
 - b. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Ngân hàng phải kê khai lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 43 Điều lệ Ngân hàng;
 - c. Các Hợp đồng khác theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.
2. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 16. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng.
 - f. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;
 - h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.
4. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Ngân hàng thanh toán, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông như chi phí ăn ở, đi lại và chi phí liên quan khác.

Điều 17. Họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường.

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
- f. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
- g. Các trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.

3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm b, c, d, e khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.

5. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký, nhưng không muộn hơn 01 (một) giờ trước giờ khai mạc.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay, trừ các nội dung được quy định tại khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 15, 16 và 20 Điều 12 của Quy chế này.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ

tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
10. Biểu quyết đa số: Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).
11. Biên bản:
- a. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - (iii) Thời gian, địa điểm họp;
 - (iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - (v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - (vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (viii) Các vấn đề đã được thông qua;
 - (ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản.

- b. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị: Trường hợp chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ (i) đến (viii) điểm a khoản này thì Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp này có hiệu lực.
 - c. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - d. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.
 - e. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
12. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.
13. Ngoài họp trực tiếp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới các hình thức khác nhau như điện thoại, hội nghị trực tuyến (video conference).... Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 18. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp Hội đồng quản trị. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp Hội đồng quản trị đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Thẩm quyền lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản: Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
3. Thể thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản:
 - a. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị tài liệu lấy ý kiến có nội dung liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến, bao gồm:
 - (i) Phiếu lấy ý kiến phải có tối thiểu các nội dung sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến;
 - Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
 - Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - (ii) Tờ trình cần lấy ý kiến và các tài liệu liên quan.
 - b. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo được gửi bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của thành viên Hội đồng quản trị (hoặc) bằng bản scan qua email mà thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký với Văn phòng Hội đồng quản trị.
 - c. Phiếu lấy ý kiến trả về phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và được gửi về Ngân hàng (qua Văn phòng Hội đồng quản trị) bằng bản chính bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của Ngân hàng (hoặc) bằng bản scan qua email của Thư ký Hội đồng quản trị.
 - d. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (iii) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - (v) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
 - e. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản

kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- f. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
- h. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Mục 3

BỘ MÁY THAM MƯU, GIÚP VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Các Hội đồng và Ủy ban

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và tình hình thực tế công tác quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị thành lập các Hội đồng và Ủy ban trực thuộc để tham mưu hoặc thay mặt Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, bao gồm và không giới hạn các Hội đồng, Ủy ban sau:

1. Hội đồng tín dụng có nhiệm vụ xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến cấp tín dụng (bao gồm: cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác) theo thẩm quyền được Hội đồng quản trị giao.
2. Hội đồng xử lý rủi ro có chức năng, nhiệm vụ quyết định các vấn đề trong công tác phân loại nợ, xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
3. Ủy ban quản lý rủi ro có nhiệm vụ tham mưu, dự báo, xây dựng chiến lược, chính sách quản trị rủi ro của Ngân hàng và tham mưu xử lý, khắc phục các tổn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập, các cơ quan chức năng khác.
4. Ủy ban nhân sự có nhiệm vụ tham mưu, dự báo và thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong công tác xây dựng chiến lược, chính sách quản trị, đào tạo nhân sự và các vấn đề khác có liên quan đến quản trị, đào tạo nhân sự của Ngân hàng.

Điều 20. Thường trực Hội đồng quản trị

1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị trên cơ sở ủy quyền của Hội đồng quản trị, trừ các nội dung liên quan đến khoản 5 Điều 72 Luật Các TCTD.
2. Căn cứ thực tế công tác quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị quyết định thành lập và ban hành các quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị như:
 - a. Thành phần nhân sự;
 - b. Cơ chế hoạt động;
 - c. Nhiệm vụ, quyền hạn;

d. Các nội dung khác liên quan.

Điều 21. Văn phòng Hội đồng quản trị

1. Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan trực thuộc HĐQT có chức năng tham mưu, giúp việc cho HĐQT/Thường trực HĐQT, các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị (trừ Hội đồng tin dụng) trong việc thực hiện chức năng quản trị Vietbank và các Công ty con.
2. Thành phần nhân sự của Văn phòng Hội đồng quản trị gồm:
 - a. Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị;
 - b. (Các) Phó Chánh Văn phòng;
 - c. Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng;
 - d. Thư ký Hội đồng quản trị;
 - e. Thư ký Ngân hàng
 - f. Các Chuyên viên;
 - g. Các nhân viên.
3. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị thực hiện theo Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị ban hành.

Mục 4

BÁO CÁO, KHEN THƯỞNG, THÙ LAO ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CÁC NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo sau để trình ra Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền:
 - a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính vừa kết thúc và kế hoạch kinh doanh của năm tiếp theo;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
 - c. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Ngân hàng.
2. Báo cáo tài chính hàng năm theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội đồng cổ đông.
3. Các báo cáo, tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát về báo cáo tài chính phải được hoàn thành, lưu trữ tại trụ sở Ngân hàng và được công bố thông tin trên website về tài liệu Đại hội đồng cổ đông theo quy định về thời gian gửi, công bố tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không muộn hơn 10 (mười) ngày trước ngày dự kiến khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Khen thưởng đối với Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị.
2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 24. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
2. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

Điều 25. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành khác.

Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Điều 26. Nghĩa vụ trung thành và tránh xung đột quyền lợi

Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tuân thủ quy định về tránh xung đột quyền lợi theo quy định tại Điều 40 Điều lệ Ngân hàng.

Điều 27. Nghĩa vụ công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

- d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
- Việc cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
 - Ngân hàng phải công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải thực hiện thông báo cho NHNN trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này.
 - Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.

Điều 28. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- Thành viên Hội đồng quản trị không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng và Quy chế này, phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng và bên thứ ba.
- Ngân hàng sẽ bồi thường các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực hiện) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ với tư cách với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị mà những người này phải tham gia hoặc đại diện được ngân hàng ủy quyền, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy chế của Ngân hàng một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 5

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC, CỔ ĐÔNG, NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 29. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có

ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập văn bản và báo cáo chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 30. Quan hệ làm việc với Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp, làm việc theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.
3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.
4. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
5. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát.
6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
7. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng quản trị về kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của Ban kiểm soát để Hội đồng quản trị biết và phối hợp hoạt động.
8. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
9. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý có hành vi vi phạm do Ban kiểm soát phát hiện và có những kiến nghị cần thiết.
10. Hội đồng quản trị phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.
11. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.
12. Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

Điều 31. Quan hệ làm việc với Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát và điều hành đối với hoạt động của Tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về:
 - a. Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng (kết quả hoạt động, kết quả kinh doanh hàng tháng; báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm); báo cáo đầy đủ, kịp thời các thông tin cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Các vi phạm nghiêm trọng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật theo quy định nội bộ của Ngân hàng (trên cơ sở tham mưu của bộ phận tuân thủ);
 - c. Các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc kiến nghị họp Hội đồng quản trị bất thường khi cần thiết. Báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị/ Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết những vướng mắc phát sinh về phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quá trình điều hành Ngân hàng.
4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Tổng giám đốc tạm ngừng thực hiện quyết định có nguy cơ gây ra tổn thất, thiệt hại lợi ích đối với Ngân hàng.
5. Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát; đánh giá kết quả công tác điều hành của Tổng giám đốc và kiến nghị các giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc.

Điều 32. Quan hệ với cổ đông ngân hàng

1. Hội đồng quản trị với tư cách đại diện cổ đông thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng. Do đó, Hội đồng quản trị phải chấp hành nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Ngân hàng, kết quả triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu đối với Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phổ biến, quán triệt, theo dõi, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 33. Quan hệ với tổ chức công đoàn

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện về tài chính và thời gian để Ban chấp hành công đoàn cơ sở, Công đoàn thành viên, Công đoàn bộ phận làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.
2. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc ký Thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành công đoàn cơ sở.
3. Đại diện Ban chấp hành công đoàn tham gia Hội đồng thi đua, khen thưởng, kỷ luật để bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động.
4. Hội đồng quản trị xây dựng cơ chế để Ban chấp hành công đoàn cơ sở giám sát việc sử dụng hợp lý quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng của Ngân hàng.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.
2. Quy định chuyển tiếp: Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành chưa đáp ứng quy định về cơ cấu nhân sự theo khoản 1 Điều 8 Quy chế quản trị nội bộ công ty của Vietbank vẫn tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.
3. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị.
4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DƯƠNG NHẤT NGUYỄN

BẢNG TỔNG HỢP

SO SÁNH CHI TIẾT DỰ THẢO QUY CHẾ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ QUY CHẾ HIỆN HÀNH

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	<p>Điều 2 . Giải thích từ ngữ và các từ ngữ viết tắt</p> <p>Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Vietbank hay Ngân hàng:</i> Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín. <i>Người quản lý Ngân hàng</i> bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. <i>Người điều hành Ngân hàng</i> bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. <i>Cổ đông lớn của Ngân hàng</i> là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng. <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 28 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp. <i>Văn hóa kiểm soát</i> là giá trị văn hóa doanh nghiệp của Ngân hàng thể hiện sự nhận thức thống nhất về tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát và quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân, bộ phận, Văn hóa kiểm soát được hình thành thông qua chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy định nội bộ, chế độ khen 	<p>Điều 2 . Giải thích từ ngữ và các từ ngữ viết tắt</p> <p>Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Vietbank...</i> <i>Cổ đông lớn của Ngân hàng</i> là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp. <i>Người có liên quan</i> là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 24 Điều 4 của Luật Các Tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp. <i>Công ty con của Ngân hàng</i> là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật 	Điều 4 Luật Các TCTD năm 2024

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>thường, kỷ luật nhằm khuyến khích, đảm bảo các cá nhân, bộ phận chủ động nhận diện, kiểm soát rủi ro trong hoạt động của mình và hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>7. <i>Giám sát của quản lý cấp cao</i> là việc giám sát của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và giám sát của Ban kiểm soát của Ngân hàng đối với kiểm toán nội bộ.</p> <p>8. <i>Đánh giá nội bộ về mức đủ vốn</i> là việc tự đánh giá mức đủ vốn đảm bảo tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn và đạt được yêu cầu đề ra của Ngân hàng.</p> <p>9. <i>Công ty con của Ngân hàng</i> là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 30 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.</p> <p>10. <i>Pháp luật</i> là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.</p> <p>11. <i>Điều lệ Ngân hàng</i> là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2021 và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).</p> <p>12. <i>Luật Các tổ chức tín dụng</i> là Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2017.</p>	<p>Các Tổ chức tín dụng.</p> <p>10.</p> <p>11. Điều lệ Ngân hàng là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2024 và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).</p> <p>12. Luật Các Tổ chức tín dụng là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024.</p> <p>13.</p> <p>14.</p> <p>Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>13. <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</p> <p>14. <i>Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng</i> là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Vietbank được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành trong từng thời kỳ.</p> <p>Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.</p>		
2	<p>Điều 4. Thành phần và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến</p>	<p>Điều 4. Thành phần và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Mỗi thành</p>	<p>Điều 69 Luật Các TCTD năm 2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p>	<p>viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 (năm) năm và có thể được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.</p>	
3	<p>Điều 8. Thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Điều lệ này, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 8. Thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định thì trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
4	<p>Điều 12 . Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.</p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Ngân hàng.</p>	<p>Điều 12 . Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.</p> <p>2. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ Ngân hàng.</p>	Điều 70 Luật Các TCTD

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.</p> <p>5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>6. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này.</p> <p>7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Ngân hàng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 26 Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7, Điều 128 của Luật CTCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm p khoản 1 Điều 26 của Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>9. Thông qua các hợp đồng của Ngân hàng với công ty con, công ty liên</p>	<p>3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thường, lợi ích khác đối với chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, và người điều hành khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.</p> <p>5. Cử người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người này.</p> <p>6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định thuộc thẩm quyền quyết</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>kết của Ngân hàng; các hợp đồng của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng.</p> <p>11. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc, cụ thể:</p> <p>a. Đối với hoạt động kiểm soát nội bộ, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc:</p> <p>(i) Tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát, vận hành và duy trì hệ thống thông tin quản lý và cơ chế trao đổi thông tin;</p> <p>(ii) Duy trì văn hóa kiểm soát quy định tại khoản 6 Điều 2 Quy chế này và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong Ngân hàng;</p> <p>(iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về kiểm soát nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;</p> <p>(iv) Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định nội bộ và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp;</p>	<p>định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7, Điều 136 của Luật CTCTD, trừ hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm p khoản 1 Điều 26 của Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>9. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), cổ đông lớn của Ngân hàng; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng.</p> <p>10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng.</p> <p>11.</p> <p>12.</p> <p>13.</p> <p>14.</p> <p>15.</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>(v) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>b. Đối với quản lý rủi ro, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trên cơ sở đề xuất, tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro trong việc:</p> <p>(i) Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro; việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro;</p> <p>(ii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;</p> <p>(iii) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>c. Đối với đánh giá nội bộ về mức đủ vốn, Hội đồng quản trị giám sát Tổng giám đốc trong việc:</p> <p>(i) Tổ chức thực hiện đánh giá nội bộ về mức đủ vốn;</p> <p>(ii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;</p> <p>(iii) Các nội dung khác do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>12. Đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</p>	<p>16. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.</p> <p>17. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.</p> <p>18. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>19. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ngân hàng.</p> <p>20. Quyết định mua lại cổ phần của ngân hàng theo phương án được duyệt.</p> <p>21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>22. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan (bao gồm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị) để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>23. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>24. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>13. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát (bao gồm chuẩn mực đạo đức đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) hoặc của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng.</p> <p>15. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.</p> <p>16. <u>Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>17. <u>Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>18. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.</p> <p>19. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ngân hàng.</p> <p>20. Quyết định mua lại cổ phần của ngân hàng.</p> <p>21. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>22. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan (bao gồm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị) để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề</p>	<p>quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>25. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>26. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>27. Giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị, một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết. Thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo lại Hội đồng quản trị tại kỳ họp gần nhất.</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.</p> <p>23. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>24. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.</p> <p>25. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>26. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>27. Giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị, một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sẽ được giao cho Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết. Thường trực Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo lại Hội đồng quản trị tại kỳ họp gần nhất.</p>		
5	<p>Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết Hợp đồng, giao dịch</p> <p>1. Các Hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị thông qua:</p> <p>a. Các Hợp đồng giữa Ngân hàng và các đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 12 Quy chế này;</p> <p>b. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm</p>	<p>Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết Hợp đồng, giao dịch</p> <p>1. Các Hợp đồng, giao dịch sau đây phải được Hội đồng quản trị thông qua:</p> <p>a. Các Hợp đồng giữa Ngân hàng và các đối tượng quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 12 Quy chế này;</p> <p>b. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành</p>	Điều 70 Luật Các TCTD.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Ngân hàng phải kê khai lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>c. Các Hợp đồng khác theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>2. Trường hợp này, người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.</p>	<p>viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Ngân hàng phải kê khai lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>c. Các Hợp đồng khác theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.</p> <p>2.</p>	
6	<p>Điều 16. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu <u>từ 05% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng</u>;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều 16. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (Mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ</p>	Điều 67 Luật Các TCTD.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>2. Trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>f. Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;</p>	<p>thông hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>f. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>2.</p> <p>3.</p> <p>4.</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>h. Công việc khắc phục vụ cuộc họp.</p> <p>4. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành Đại hội đồng cổ đông sẽ do Ngân hàng thanh toán, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông như chi phí ăn ở, đi lại và chi phí liên quan khác.</p>		
7	<p>Điều 17. Họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;</p> <p>c. Ban kiểm soát;</p> <p>d. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;</p>	<p>Điều 17. Họp Hội đồng quản trị</p> <p>1.</p> <p>2.</p> <p>3.</p> <p>4.</p> <p>5.</p> <p>6.</p> <p>7.</p> <p>8. Biểu quyết:</p> <p>a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay, trừ các nội dung được quy định tại khoản 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 14, 15, 16 và 20 Điều 12 của Quy</p>	Khoản 5 Điều 72 Luật Các TCTD

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>f. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.</p> <p>g. Các trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.</p> <p>3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm b, c, d, e khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>5. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký, nhưng không muộn hơn 01 (một) giờ trước giờ khai mạc.</p> <p>Thông báo mỗi họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc</p>	<p>chế này.</p> <p>b.</p> <p>c.</p> <p>9.</p> <p>10.</p> <p>11.</p> <p>12.</p> <p>13.</p>	

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.</p> <p>6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự.</p> <p>Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này. c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>8. Biểu quyết:</p>		

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. <u>Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.</u></p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.</p> <p>d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.</p>		

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p> <p>10. Biểu quyết đa số: Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).</p> <p>11. Biên bản:</p> <p>a. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:</p>		

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>(i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>(ii) Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>(iii) Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>(iv) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>(v) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>(vi) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>(vii) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>(viii) Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>(ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản.</p> <p>b. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị; Trường hợp chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ (i) đến (viii) điểm a khoản này thì Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp này có hiệu lực.</p> <p>c. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực</p>		

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>của Biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>d. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.</p> <p>e. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>12. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: Các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.</p> <p>13. Ngoài họp trực tiếp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới các hình thức khác nhau như điện thoại, hội nghị trực tuyến (video conference).... Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp</p>		

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p>		
8	<p>Điều 20. Thường trực HĐQT</p> <p>1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị trên cơ sở ủy quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Căn cứ thực tế công tác quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị quyết định thành lập và ban hành các quy định về cơ cấu tổ chức, cơ chế quyết định của Thường trực Hội đồng quản trị như:</p> <p>a. Thành phần nhân sự;</p> <p>b. Cơ chế hoạt động;</p> <p>c. Nhiệm vụ, quyền hạn;</p> <p>d. Các nội dung khác liên quan.</p>	<p>Điều 20 . Thường trực HĐQT</p> <p>1. Thường trực Hội đồng quản trị là cơ quan thay mặt Hội đồng quản trị giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị giữa hai kỳ họp Hội đồng quản trị trên cơ sở ủy quyền của Hội đồng quản trị, trừ các nội dung liên quan đến khoản 5 Điều 72 Luật Các TCTD.</p> <p>2.</p>	Khoản 5 Điều 72 Luật Các TCTD
9	<p>Điều 25. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và những Người điều hành khác</p>	<p>Điều 25. Nghĩa vụ thận trọng của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và những Người điều hành khác</p>	Khoản 1 Điều 72 Luật Các TCTD.

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo cách thức mà những người này xét là có lợi cho Ngân hàng phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng với mức độ thận trọng mà một người cẩn thận thông thường cũng sẽ thực hiện tương tự khi ở vào điều kiện và hoàn cảnh tương tự; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</p>	
10	<p>Điều 27. Nghĩa vụ công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải công khai các lợi ích liên quan của mình với Ngân hàng, bao gồm các thông tin sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh, tỷ lệ và thời điểm mà mình hoặc/ và người có liên quan làm chủ hoặc đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;</p> <p>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.</p> <p>2. Việc kê khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy)</p>	<p>Điều 27. Nghĩa vụ công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải cung cấp cho Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);</p> <p>c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người</p>	<p>Điều 49 Luật Các TCTD</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Ngân hàng phải <u>công khai</u> thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải thực hiện thông báo cho NHNN trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin <u>công khai</u> theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.</p>	<p>cung cấp thông tin;</p> <p>đ) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Việc <u>cung cấp</u> thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Ngân hàng phải <u>công bố</u> thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải thực hiện thông báo cho NHNN trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin <u>cung cấp</u> theo quy định tại khoản 1 Điều này.</p>	
11	<p>Điều 34. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 34. Điều khoản thi hành</p> <p>1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.</p> <p>2. Quy định chuyển tiếp: Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành chưa đáp ứng quy định về cơ cấu nhân sự theo khoản 1 Điều 8 Quy chế quản trị nội bộ công ty của Vietbank vẫn tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Căn cứ hiệu lực của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 có hiệu lực ngày 01/7/2024.</p>

STT	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	<p>3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	<p>3. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2024/QĐ-HĐQT ngày/...../2024 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – Vietbank)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định về cơ cấu tổ chức, nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank) nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được thống nhất áp dụng trong toàn hệ thống Vietbank, bao gồm Hội sở, Chi nhánh, các đơn vị trực thuộc, công ty con của Vietbank.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và (các) từ ngữ viết tắt

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vietbank hay Ngân hàng:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.
- Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- Cổ đông lớn của Ngân hàng* là cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.
- Người có liên quan là tổ chức, cá nhân* được quy định tại khoản 24 Điều 4 của Luật Các Tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
- Văn hóa kiểm soát* là giá trị văn hóa doanh nghiệp của Ngân hàng thể hiện sự nhận thức thống nhất về tầm quan trọng của hoạt động kiểm soát và quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các cá nhân, bộ phận. Văn hóa kiểm soát được hình thành thông qua chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, quy định nội bộ, chế độ khen thưởng, kỷ luật nhằm khuyến khích, đảm bảo các cá nhân, bộ phận chủ động nhận diện, kiểm soát rủi ro trong hoạt động của mình và hoạt động của Ngân hàng.
- Giám sát của quản lý cấp cao* là việc giám sát của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và giám sát của Ban kiểm soát của Ngân hàng đối với kiểm toán nội bộ.

8. *Đánh giá nội bộ về mức đủ vốn* là việc tự đánh giá mức đủ vốn đảm bảo tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ an toàn vốn và đạt được yêu cầu đề ra của Ngân hàng.
9. *Công ty con của Ngân hàng* là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Các Tổ chức tín dụng.
10. *Pháp luật* là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
11. *Điều lệ Ngân hàng* là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2024 và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).
12. *Luật Các tổ chức tín dụng* là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024.
13. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.
14. *Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng* là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Vietbank được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành trong từng thời kỳ.

Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của HĐQT

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Ngân hàng.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị của Ngân hàng có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải phải có tối thiểu 02 thành viên độc lập, 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.
2. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có quyền quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.
4. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
5. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;
 - c. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
 - e. Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
 - g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;

- h. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - i. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - k. Thông qua phương án theo quy định tại Điều 143 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024;
 - l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;
 - m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;
 - o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của Ngân hàng; công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng;
 - r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;
 - s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;
 - t. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 59 Luật Các TCTD; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
6. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được triển khai thực hiện hoặc đang triển khai thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - i. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
 - ii. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng;
 - iii. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng;
 - iv. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - v. Quyết định nội dung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn của Ngân hàng.
 - vi. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại tiết (i), (ii) điểm a khoản này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại tiết (iii), (iv) điểm a khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.
- c. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.
- d. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng có quyền đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

2. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Việc công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được thực hiện tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b. Trình tự, thủ tục và thời điểm công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông báo và tài liệu phải được gửi chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ, trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- b. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi kèm chương trình họp và các tài liệu, thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Thông báo họp và tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, thông báo có thể được gửi tới từng cá nhân trong các phong bì dán kín tại nơi làm việc.
- c. Thông báo về Đại hội đồng cổ đông sẽ được đăng trên trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Ngân hàng đăng ký giao dịch đồng thời với việc gửi cho các cổ đông. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội sẽ được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan không được gửi kèm Giấy mời họp, Giấy mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông tiếp cận, tải tài liệu.

4. Lập danh sách cổ đông, ủy quyền tham dự Đại hội và cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - i. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và được lập xong không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.
 - ii. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- b. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông:
 - i. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền lại cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
 - ii. Việc ủy quyền cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi và thời hạn ủy

quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể thủ tục ủy quyền và nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân của người được ủy quyền, địa chỉ, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Quyết định thành lập, số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân của người đại diện đối với bên nhận ủy quyền là tổ chức; người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình.
- Trường hợp cổ đông là tổ chức thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên tổ chức, địa chỉ, họ tên và số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của tổ chức), số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; người được ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của tổ chức. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của tổ chức ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền.

iii. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc ủy quyền;
- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Quy định tại tiết này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

c. Cách thức đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- i. Việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện trực tiếp vào ngày tiến hành Đại hội đồng cổ đông khi Cổ đông hoặc người được ủy quyền của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- ii. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm bảo đảm các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần và loại cổ phần của mình. Cổ đông sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải trình cổ phiếu của mình và số hiệu cổ phiếu đó phải được ghi vào Sổ chữ ký;
- iii. Các cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dùng Đại hội đó để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

- d. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết, tại cuộc họp;
 - iii. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Ngân hàng.
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông:
- a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
 - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp thuận và đưa kiến nghị trên vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản điểm c khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
 - c. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này;
 - ii. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên theo quy định;
 - iii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - iv. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
6. Điều kiện tiến hành Đại hội:
- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b. Trường hợp, không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết.

c. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp, tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

7. Cách thức bỏ phiếu, hình thức thông qua nghị quyết:

- a. Khi tiến hành đăng ký, Ngân hàng sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết; phiếu biểu quyết và (hoặc) phiếu bầu trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có.
- b. Việc biểu quyết các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông bằng Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết hoặc phiếu bầu tùy theo từng vấn đề cần xin ý kiến cổ đông và được quy định cụ thể tại Quy chế tiến hành Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông thông qua.

8. Cách thức kiểm phiếu:

- a. Việc kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông sẽ do Ban kiểm phiếu thực hiện. Ban kiểm phiếu sẽ do Đại hội đồng cổ đông bầu trên cơ sở đề nghị của Chủ tọa Đại hội.
- b. Trường hợp biểu quyết bằng thẻ biểu quyết, việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện bằng cách thu số thẻ tán thành một quyết định và sau đó thu số thẻ phủ quyết quyết định đó, và sau đó đếm tổng số phiếu biểu quyết.
- c. Trường hợp biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện theo tổng số phiếu tán thành, tổng số phiếu không tán thành, tổng số phiếu không có ý kiến và tổng số phiếu không hợp lệ.
- d. Trường hợp biểu quyết bằng phiếu bầu: việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện theo việc kiểm phiếu sẽ được thực hiện theo tổng số phiếu tán thành và tổng số phiếu không hợp lệ.

9. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua:

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi:

- a. Trừ trường hợp được quy định tại điểm b, điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;
- b. Đối với quyết định sau đây phải được số cổ đông đại diện trên 65% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:
 - i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - ii. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;

- iii. Quyết định thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iv. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - v. Quyết định thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng;
 - vi. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.
- c. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Ngân hàng.
10. Thông báo kết quả kiểm phiếu:
- a. Kết quả kiểm phiếu sẽ được thể hiện bằng Biên bản kiểm phiếu có sự xác nhận của Ban kiểm phiếu và đại diện cổ đông giám sát kiểm phiếu.
 - b. Biên bản kiểm phiếu sẽ được đại diện Ban kiểm phiếu công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông.
11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông:
- a. Đối với các trường hợp thông qua quyết định về các vấn đề: tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng, các cổ đông phản đối quyết định này có quyền:
 - i. Thể hiện ý kiến của mình trên Phiếu biểu quyết tại Đại hội cổ đông;
 - ii. Yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Thủ tục yêu cầu thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.
 - b. Cổ đông phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông nêu tại điểm a khoản này gửi yêu cầu bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần. Yêu cầu phải được gửi đến Hội đồng quản trị Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
12. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:
- a. Tất cả các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng đều phải ghi Biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Thư ký cuộc họp lập và phải bao gồm tối thiểu các nội dung quy định tại điểm b khoản này.

- b. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể thêm bằng tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - ii. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - iii. Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - iv. Đại biểu tham dự, họ tên chủ tọa và thư ký;
 - v. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - vi. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - vii. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - viii. Các vấn đề được thảo luận, các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng và những vấn đề còn tồn đọng;
 - ix. Tên và chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
- c. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp và phải được gửi đến cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Biên bản sẽ là bằng Biên bản sẽ là bằng Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.
13. Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
- a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua và công bố trước Đại hội đồng cổ đông trước khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - c. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước đồng thời gửi cho các cổ đông theo địa chỉ đăng ký với Ngân hàng.
14. Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:
- a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó;
 - b. Các quyết định được thông qua với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả

khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

- c. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 15 Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

15. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 14 Điều này;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Ngân hàng.

Điều 5. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự đồng ý tán thành bằng văn bản của các cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng, ngoại trừ các vấn đề sau phải được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;
 - b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại;
 - c. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
 - d. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;
 - e. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng.
2. Thẩm quyền lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản: Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các vấn đề cần lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
3. Danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản được lập theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Quy chế này.
4. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị tài liệu lấy ý kiến có nội dung liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến, bao gồm:
 - a. Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải có tối thiểu các nội dung sau:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Vietbank;

ii. Mục đích lấy ý kiến;

iii. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

vi. Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng;

b. Tờ trình cần lấy ý kiến và các tài liệu liên quan.

c. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu liên quan:

a. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan đến vấn đề cần xin ý kiến biểu quyết được gửi tới cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại ("Ngày hoàn trả") các tài liệu đó (nếu cần) kèm văn bản nêu rõ ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Ngân hàng và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

b. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu liên quan có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp. Trong trường hợp là nhân viên của Ngân hàng, thông báo có thể được gửi tới từng cá nhân trong các phong bì dán kín để tại nơi làm việc.

6. Gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời:

a. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:

i. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

ii. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

b. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

7. Kiểm phiếu:

- a. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng.
 - b. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - iii. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết tương ứng;
 - vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 - c. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
 - d. Việc công bố thông tin về Biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - e. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Việc yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 15 Điều 5 Quy chế này.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến. Trình tự, thủ tục họp được thực hiện theo quy định tại Quy chế này, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức trực tuyến và các hướng dẫn cụ thể của Hội đồng quản trị.
2. Thông báo về việc chốt danh sách và lập danh sách tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
 Thông báo về việc chốt danh sách và lập danh sách cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 4 Quy chế này.
3. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

- a. Thông báo triệu tập Đại hội cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này.
 - b. Khi gửi Thư mời tham dự Đại hội cho cổ đông, người triệu tập Đại hội phải gửi kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông.
 - c. Ban tổ chức Đại hội trực tuyến thông báo các tài liệu, hướng dẫn, quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.
4. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến:
- a. Cổ đông thực hiện xác thực cổ đông theo hướng dẫn, cổ đông sẽ nhận được tài khoản đăng nhập vào Hệ thống (tên truy cập và mật khẩu).
 - b. Cổ đông thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến bằng cách sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
 - c. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:
 - i. Cổ đông không thực hiện xác nhận tư cách cổ đông;
 - ii. Cổ đông không thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại điểm b khoản này.
5. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
- a. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có ít nhất số cổ đông đại diện cho 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số cổ phần biểu quyết của Ngân hàng theo Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách tham dự Đại hội trực tuyến.
 - b. Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu, biểu quyết đáp ứng đủ điều kiện tiến hành Đại hội trực tuyến theo quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
6. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử theo quy định tại khoản 7 Điều này.
7. Thời điểm biểu quyết và cách thức bỏ phiếu trực tuyến:
- a. Thời điểm biểu quyết:
 - i. Cổ đông có quyền biểu quyết từ thời điểm khai mạc Đại hội đồng cổ đông trực tuyến đến trước thời điểm kết thúc biểu quyết trừ trường hợp quy định tại tiết (ii) điểm này. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu.
 - ii. Để bảo đảm diễn biến liên tục để tập trung cho phần diễn biến của Đại hội, cổ đông tham dự khi đăng nhập hệ thống có thể tiến hành biểu quyết về Chương trình Đại hội, thành phần Ban kiểm phiếu và Quy chế tổ chức Đại hội. Thời gian kết thúc biểu quyết các nội dung này sẽ được Ban tổ chức Đại hội thông báo tại thời điểm khai mạc Đại hội.

- iii. Các kết quả bỏ phiếu biểu quyết được tính theo thời điểm các cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống nên việc việc kết nối của cổ đông bị ngắt đột ngột (nếu có) chỉ ảnh hưởng đến các nội dung chưa được bỏ phiếu, không ảnh hưởng đến các nội dung đã bỏ phiếu.
 - iv. Trước khi thời hạn bỏ phiếu kết thúc, cổ đông chỉ được biết kết quả bỏ phiếu của mình. Sau thời hạn biểu quyết kết thúc, cổ đông sẽ được biết kết quả biểu quyết chung đối với từng nội dung do Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố.
- b. Bỏ phiếu biểu quyết các vấn đề của Đại hội:
- i. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đăng ký tham dự Đại hội tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu "Không có ý kiến" đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.
 - ii. Khi điều hành Đại hội, Chủ tọa Đại hội thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình, ngoại trừ trường hợp quy định tại tiết (iii) điểm a khoản này.
 - iii. Cổ đông sử dụng tài khoản truy cập và mã OTP để truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu.
 - iv. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng vấn đề cần xin ý kiến của cổ đông.
8. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến và thông báo kết quả kiểm phiếu:
- a. Ban kiểm phiếu được Đại hội bầu thực hiện kiểm tra, tổng hợp kết quả bỏ phiếu trên hệ thống để lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của cổ đông giám sát kiểm phiếu.
 - b. Biên bản kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.
9. Lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
- a. Thư ký Đại hội thực hiện ghi chép các nội dung tại Đại hội và lập thành Biên bản họp Đại hội trực tuyến. Nội dung Biên bản họp Đại hội trực tuyến được lập theo quy định tại khoản 12 Điều 4 Quy chế này.
 - b. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
- a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được thông qua và công bố trước Đại hội đồng cổ đông trước khi Đại hội đồng cổ đông trực tuyến kết thúc.
 - b. Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - c. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đồng thời gửi cho các cổ đông theo địa chỉ đăng ký với Ngân hàng.

Mục 2.
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng, quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:
 - a. Chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.
 - b. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng, Thư ký Hội đồng quản trị và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị. Ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.
 - e. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
 - f. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của người đại diện vốn.
 - g. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức giá đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng quy định tại điểm o khoản 2 Điều 3 Quy chế này.
 - h. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật CTCTD, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm p khoản 2 Điều 3 Quy chế này.
 - i. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng; các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị dưới 20%.

(hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

- j. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- k. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng;
- l. Đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Ngân hàng bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
- m. Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ngân hàng phù hợp với các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát (bao gồm chuẩn mực đạo đức đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ) hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
- n. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.
- o. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc trong hoạt động kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc thành viên Hội đồng quản trị không tham gia xem xét, phê duyệt các quyết định có rủi ro thuộc chức năng, nhiệm vụ của Tổng giám đốc.
- p. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.
- q. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- r. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- s. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. Quyết định huy động vốn thêm theo hình thức khác.
- t. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng.
- u. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng.
- v. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- w. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan (bao gồm Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán) để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

- x. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - y. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
 - z. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
 - á. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
3. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị:
 - i. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế này và Quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - ii. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình;
 - iii. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iv. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình, làm rõ vấn đề có liên quan đến báo cáo;
 - v. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường.
 - vi. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Các TCTD, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.
Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.
 - vii. Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
 - viii. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Ngân hàng cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và của các đơn vị trong Ngân hàng.
 - ix. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

- x. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố cho Ngân hàng các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Ngân hàng.
 - xi. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
 - xii. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị trong trường hợp Ngân hàng trở thành công ty niêm yết.
 - xiii. Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các điểm b, e, g, h, i, j, m, n, p và v khoản 2 Điều này.
 - xiv. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - xv. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và các quy định có liên quan.
- b. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:
- i. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - ii. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - iii. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - iv. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - v. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - vi. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - vii. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - viii. Bảo đảm các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét.
 - ix. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị.
 - x. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
 - xi. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ
 - xii. Định kỳ hằng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - xiii. Các quyền, nghĩa vụ khác quy định tại điểm b khoản này và quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
- Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cơ cấu Hội đồng quản trị:

- a. Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 5 (năm) năm và có thể được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- b. Hội đồng quản trị bao gồm ít nhất là 05 (năm) thành viên và nhiều nhất là 11 (mười một) thành viên, số lượng thành viên từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 02 (hai) thành viên độc lập; 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành Ngân hàng. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị, nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
- c. Trường hợp Hội đồng quản trị có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Các TCTD, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp quy định của Luật Các TCTD.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:

a. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các điều kiện sau:

i. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

- Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;
- Người đã bị kết án về tội tử tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
- Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại

diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

- Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cứu, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ ;
 - Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;
 - Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
- ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ, cụ thể:
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng không được đồng thời là:
 - ✓ Người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và của tổ chức tín dụng khác.
 - ✓ Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.
 - Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng không phải là thành viên độc lập không được đồng thời là:
 - ✓ Người điều hành của Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc Ngân hàng;
 - ✓ Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác; người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của Ngân hàng;
 - ✓ Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
 - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị không được đồng thời là:
 - ✓ Người điều hành của Ngân hàng;
 - ✓ Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

✓ Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

iii. Có đạo đức nghề nghiệp;

iv. Có trình độ từ đại học trở lên;

v. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng cổ phần; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

b. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải có đủ các điều kiện sau:

i. Có đủ các điều kiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

ii. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc tại Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng đó trong 03 (ba) năm liền kề trước đó;

iii. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

iv. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cố đồng lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

v. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

vi. Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị:

a. Lập Danh sách cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:

Danh sách cổ đông lấy ý kiến bằng văn bản về đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị được lập theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này.

b. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:

i. Hội đồng quản trị thông báo về số lượng thành viên dự kiến được bầu vào Hội đồng quản trị, trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập (nếu có), đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để cổ đông và (hoặc) nhóm cổ đông ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh được bầu theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.

- ii. Thời hạn lấy ý kiến các cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị; tối thiểu 10 (mười) ngày và được ghi cụ thể tại văn bản lấy ý kiến.
 - iii. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến các cổ đông về việc đề cử, ứng cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này và quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin liên quan.
- c. Quyền đề cử nhân sự dự kiến bầu làm thành viên Hội đồng quản trị:
- i. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự ứng cử, lập nhóm đề cử thành viên Hội đồng quản trị như sau:
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;
 - Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên.
 - ii. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử hoặc các ứng cử viên được đề cử không đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị đề cử. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - b. Nguyên tắc bầu dồn phiếu được áp dụng cho việc bầu thành viên Hội đồng quản trị, theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 4 Quy chế này.
 - c. Nguyên tắc trùng cử thành viên Hội đồng quản trị:

- i. Danh sách ứng viên trúng cử vào Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Vietbank và tỷ lệ phiếu bầu phải đạt tỷ lệ trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu bầu cho từng ứng cử viên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
 - ii. Trường hợp cuối danh sách có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau và nhiều hơn số lượng thành viên được bầu thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.
 - iii. Trường hợp không có thành viên Hội đồng quản trị trúng cử theo nguyên tắc quy định tại tiết (i), (ii) điểm này thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại hoặc quyết định thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà không cần bầu lại ngay tại cuộc họp Đại hội đó.
 - d. Thông báo kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị:
 - i. Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu, kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - ii. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị sẽ được ghi nhận bằng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - iii. Việc công bố thông tin về Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:
 - i. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;
 - ii. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các TCTD và Quy chế này;
 - Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không bảo đảm yêu cầu về tính độc lập. Trong trường hợp này, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

- Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
 - iii. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại tiết (i), (ii) điểm này.
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục cho từ chức, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định hiện hành.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - d. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
 - e. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 - f. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Hội đồng quản trị thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.
 - g. Việc công bố thông tin về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
6. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị:
- a. Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - i. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - ii. Vi phạm quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - iii. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - iv. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - v. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - vi. Khi Ngân hàng bị thu hồi giấy phép.
 - b. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại điểm a khoản này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được thành viên Hội đồng quản trị đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

- c. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
7. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị:
- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu theo quy định tại Quy chế tổ chức, hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- Các trường hợp theo quy định tại khoản 5 Điều này.
 - Theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- d. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 9. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị không hưởng lương mà hưởng thù lao công vụ và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- Tổng số phí công vụ (thù lao và các chi phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ) trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số phí công vụ mà mỗi thành viên Hội đồng quản trị đã nhận sẽ được nêu chi tiết trong Báo cáo hàng năm của Ngân hàng.

Điều 10. Họp Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường.
Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ ít nhất là mỗi quý phải họp 01 (một) lần, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất ba 03 (ba) ngày trước ngày họp dự kiến.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn

nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) Thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát hoặc Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
 - d. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;
 - e. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
3. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm b, c, d, e khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường. Trường hợp không triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
4. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng hoặc những địa điểm khác được Hội đồng quản trị quy định.
5. Thông báo và chương trình họp:
- a. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng quản trị này sẽ gửi phiếu biểu quyết cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký, nhưng không muộn hơn 01 (một) giờ trước giờ khai mạc.
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Trưởng Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị tham dự
- Trường hợp cuộc họp được triệu tập không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
7. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều này.
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

8. Biểu quyết:

a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có 01 (một) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên Hội đồng quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho 01 (một) thành viên Hội đồng quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay trừ trường hợp quy định tại tiết (xiii) điểm a khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.

d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.

9. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Ngân hàng và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Ngân hàng, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

10. Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt).

11. Biên bản:

- a. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập thêm bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý ngang nhau, trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
 - ii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên "tán thành", "không tán thành" và "không có ý kiến";
 - viii. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và Thư ký ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.
 - b. Trường hợp Chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị; Trường hợp chủ tọa và/hoặc Thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm từ (i) đến (viii) điểm a khoản này thì Biên bản họp Hội đồng quản trị trong trường hợp này có hiệu lực.
 - c. Chủ tọa, Thư ký và các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng quản trị.
 - d. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.
 - e. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
12. Những người được mời dự họp Hội đồng quản trị: các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác nhưng không được tham gia biểu quyết.
 13. Ngoài họp trực tiếp, cuộc họp Hội đồng quản trị có thể được họp dưới các hình thức khác nhau như điện thoại, hội nghị trực tuyến (video conference).... Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị:

- a. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi cho các Bộ phận/cá nhân liên quan để triển khai thực hiện.
- b. Việc công bố thông tin về Nghị quyết của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp Hội đồng quản trị đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp Hội đồng quản trị.
2. Trường hợp Hội đồng quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.
3. Thẩm quyền lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản: Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.
4. Thể thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản:
 - a. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị tài liệu lấy ý kiến có nội dung liên quan đến nội dung cần lấy ý kiến, bao gồm:
 - i. Phiếu lấy ý kiến phải có tối thiểu các nội dung sau:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
 - Mục đích lấy ý kiến;
 - Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
 - Vấn đề cần lấy ý kiến;

- Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng;
 - Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- ii. Tờ trình cần lấy ý kiến và các tài liệu liên quan.
- b. Phiếu lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo được gửi bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của thành viên Hội đồng quản trị (hoặc) bằng bản scan qua email mà thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký với Văn phòng Hội đồng quản trị.
- c. Phiếu lấy ý kiến trả về phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và được gửi về Ngân hàng (qua Văn phòng Hội đồng quản trị) bản chính bằng thư bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của Ngân hàng (hoặc) bằng bản scan qua email của Thư ký Hội đồng quản trị.
- d. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;
- ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
- iii. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
- iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
- v. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.
- e. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- f. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
- g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
- h. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 12. Các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Ngân hàng và tình hình thực tế công tác quản trị, điều hành, Hội đồng quản trị thành lập các Hội đồng và Ủy ban trực thuộc để tham mưu hoặc thay

mặt Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, bao gồm và không giới hạn các Hội đồng, Ủy ban sau:

- a. Hội đồng tín dụng có nhiệm vụ xem xét, quyết định các vấn đề liên quan đến cấp tín dụng (bao gồm: cho vay, bảo lãnh, chiết khấu, bao thanh toán và các hình thức cấp tín dụng khác) theo thẩm quyền được Hội đồng quản trị giao.
 - b. Hội đồng xử lý rủi ro có chức năng, nhiệm vụ quyết định các vấn đề trong công tác phân loại nợ, xử lý rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
 - c. Ủy ban quản lý rủi ro có nhiệm vụ tham mưu, dự báo và xây dựng chiến lược, chính sách quản trị rủi ro của Ngân hàng và tham mưu xử lý, khắc phục các tổn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập, các cơ quan chức năng khác.
 - d. Ủy ban nhân sự có nhiệm vụ tham mưu, dự báo và thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong công tác xây dựng chiến lược, chính sách quản trị, đào tạo nhân sự và các vấn đề khác có liên quan đến quản trị, đào tạo nhân sự của Ngân hàng.
2. Cơ cấu tổ chức, nhân sự của các Hội đồng, Ủy ban được quy định cụ thể tại Quy định về tổ chức, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng

1. Hội đồng quản trị Ngân hàng bổ nhiệm ít nhất 01 người thực hiện nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty của ngân hàng. Người phụ trách quản trị công ty có thể do Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị và/hoặc Thư ký Hội đồng quản trị đảm nhiệm.
2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Người phụ trách quản trị công ty:
 - a. Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành Luật học;
 - b. Có kinh nghiệm tối thiểu 12 năm làm việc trong ngành tài chính, ngân hàng trong đó có ít nhất 05 năm ở vị trí Thư ký Hội đồng quản trị hoặc phụ trách các công tác Thư ký Hội đồng quản trị.
 - c. Không đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng.
3. Nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Mục 3. BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:
 - a. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng.
 - b. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ, các quy định nội bộ về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
 - c. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành tổ chức tín dụng, có quyền sử dụng các nguồn lực của tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
 - d. Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:
 - i. Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của kiểm toán nội bộ.
 - ii. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - iii. Giám sát kiểm toán nội bộ trong việc:
 - Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
 - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - Các nội dung khác do Ban Kiểm soát quy định.

- iv. Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- v. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm toán nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật.
- e. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- f. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- g. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật Các TCTD và các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.
- h. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo các trường hợp sau đây:
 - (i) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - (ii) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
- i. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý của Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
- j. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- k. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng.
- l. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

- m. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
 - n. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
 - o. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng;
 - p. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - q. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - r. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - s. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 6, 8 và 11 Điều 52 Luật Các TCTD và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các TCTD.
 - t. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
3. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
- a. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
 - b. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.
 - c. Yêu cầu Trưởng ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
 - d. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
 - e. Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.
 - f. Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
 - g. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.

- h. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.
 - i. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
 - j. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và Quy chế về cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.
 - k. Trường hợp vi phạm quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.
 - l. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.
4. Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Trưởng Ban kiểm soát:
- a. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
 - c. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát;
 - d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Quy chế này này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị bất thường;
 - e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;
 - f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát;
 - h. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét;
 - i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát;
 - j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;
 - k. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này, Quy chế tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát sau khi được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

2. Ban kiểm soát có ít nhất 05 (năm) thành viên. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.
3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 16. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các điều kiện sau:

- a. Không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:
 - i. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;
 - iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - v. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
 - vi. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
 - vii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phóng, chống tham nhũng;

viii. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ ;

ix. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

x. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng không được là thành viên Ban kiểm soát của cùng Ngân hàng;

xi. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

b. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

i. Người quản lý, người điều hành của chính Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

ii. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

c. Có đạo đức nghề nghiệp;

d. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

e. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Ngân hàng;

f. Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

2. Đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban kiểm soát:

Việc đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện tương tự theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 8 Quy chế này.

3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức thành viên Ban kiểm soát:

a. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- i. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - iii. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
- b. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Trưởng ban, thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- i. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - ii. Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - iii. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - iv. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và Quy định về tổ chức, hoạt động của ban kiểm soát.
 - v. Trường hợp khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định hiện hành.
- d. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- e. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ thực hiện miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu trừ trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này.
- f. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng Ban, thành viên Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- g. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên Ban kiểm soát thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN.
- h. Việc công bố thông tin về miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát:
- Các nội dung quy định liên quan đến đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Quy chế này.

Điều 17. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt

động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Mục 4. BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 18. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng.
2. Trách nhiệm của Tổng giám đốc:
 - a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng;
 - c. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
 - e. Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và các quy định có liên quan.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - b. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng.
 - c. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
 - d. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

- e. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
- f. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
- g. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.
- h. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
- i. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và Quy chế này.
- j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- k. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.
- l. Quyết định tất cả các vấn đề (ngoại trừ các vấn đề cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị), bao gồm việc thay mặt Ngân hàng ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh thường nhật của Ngân hàng theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
- m. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
- n. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
- o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Ngân hàng, Quy chế này và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 19. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, đương nhiên mất tư cách Người điều hành Ngân hàng

1. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Người điều hành Ngân hàng:

a. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc Ngân hàng phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

i. Không thuộc các trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

- Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;
- Người đã bị kết án về tội tử tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;

- Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
 - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
 - Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ ;
 - Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;
 - Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
- ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể: Tổng giám đốc của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác;
- iii. Có đạo đức nghề nghiệp;
- iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;
- v. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành của tổ chức tín dụng; có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế

toán, kiểm toán; có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

vi. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

b. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh:

Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Ngân hàng phải có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:

i. Không thuộc các trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể:

- Những người sau đây không được làm Phó Tổng giám đốc của Ngân hàng:

- ✓ Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- ✓ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;
- ✓ Người đã bị kết án về tội tử tội phạm nghiêm trọng trở lên;
- ✓ Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
- ✓ Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
- ✓ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
- ✓ Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
- ✓ Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ ;
- ✓ Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật CTCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép;

- ✓ Người có liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị;
 - ✓ Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
- Những người sau đây không được làm Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh của Ngân hàng:
- ✓ Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ✓ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc;
 - ✓ Người đã bị kết án về tội tử tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - ✓ Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - ✓ Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
 - ✓ Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;
 - ✓ Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng
- ii. Tuân thủ quy định về các trường hợp không: cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định, cụ thể: Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng.
- iii. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có trình độ đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
- iv. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- v. Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng:
 - a. Thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng:
 - i. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng;
 - ii. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc trên cơ sở chấp thuận nhân sự dự kiến của Ngân hàng Nhà nước theo quy định;
 - iii. Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị quy định việc phân cấp, phân quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh điều hành khác của Ngân hàng.
 - b. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Ngân hàng:

Hội đồng quản trị miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Ngân hàng trong các trường hợp sau:

 - i. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị;
 - iii. Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 41 của Luật Các TCTD và Quy chế này;
 - iv. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
 - c. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Người Điều hành Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 - d. Hội đồng quản trị thực hiện việc báo cáo, công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người điều hành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
3. Sau khi được cấp có thẩm quyền thông qua, việc Ký Hợp đồng lao động với người điều hành ngân hàng được thực hiện như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị và đại diện Ngân hàng ký Hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc của Ngân hàng.
 - b. Tổng giám đốc đại diện Ngân hàng ký Hợp đồng lao động đối với Người điều hành không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.
4. Đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc:
 - a. Tổng giám đốc ngân hàng đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp sau:
 - i. Các trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 8 Quy chế này;
 - ii. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
 - b. Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc đương nhiên mất tư cách của Tổng giám đốc theo quy định tại điểm a khoản này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
 - c. Sau khi đương nhiên mất tư cách, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc:
- Tổng giám đốc được trả lương và thưởng theo kết quả kinh doanh của Ngân hàng và được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, công tác phí cũng như các chi phí khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Ngân hàng.
 - Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc.
 - Tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 5. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 20. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết;
 - Theo yêu cầu của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
 - Người phụ trách quản trị Công ty của Ngân hàng có trách nhiệm gửi Thông báo mời họp và tài liệu liên quan đến các thành viên dự họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến;
 - Người phụ trách quản trị Công ty của Ngân hàng chịu trách nhiệm ghi Biên bản cuộc họp;
 - Biên bản họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc sẽ được gửi cho các thành viên dự họp và các bên liên quan không muộn hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất ký Biên bản.
- Thông báo Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:
 - Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho Ban kiểm soát đồng thời với việc gửi cho các Thành viên Hội đồng quản trị;
 - Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các vấn đề liên quan chậm nhất 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày ban hành và có hiệu lực thi hành.
- Các trường hợp Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:
 - Ban kiểm soát, Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Quy chế này và các quy chế, quy định khác của Vietbank.
 - Ban kiểm soát xin ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề sau:
 - Các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát (nếu cần thiết);

- ii. Các vấn đề liên quan đến công tác quản trị ngân hàng của Hội đồng quản trị.
 - c. Tổng giám đốc xin ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề liên quan đến hoạt động Ngân hàng vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc và thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao: Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị định kỳ hàng tháng về kết quả hoạt động kinh doanh; báo cáo hàng năm đối với việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
5. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:
 - a. Tổng giám đốc thực hiện báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định và khi có yêu cầu.
 - b. Việc cung cấp thông tin phải bằng văn bản và phải được thực hiện trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
6. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
 - a. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát:
 - i. Hội đồng quản trị với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát là quan hệ phối hợp, làm việc theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
 - ii. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.
 - iii. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.
 - iv. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
 - v. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban kiểm soát theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
 - vi. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng quản trị về Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của Ban kiểm soát để Hội đồng quản trị biết và phối hợp hoạt động.
 - vii. Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
 - viii. Ban kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý có hành vi vi phạm do Ban kiểm soát phát hiện và có những kiến nghị cần thiết.
 - ix. Hội đồng quản trị phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.

- x. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.
 - xi. Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.
- b. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc:
- i. Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát đối với hoạt động của Tổng giám đốc trong việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị.
 - ii. Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về:
 - Việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng (kết quả hoạt động, kết quả kinh doanh hàng tháng; báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm); báo cáo đầy đủ, kịp thời các thông tin cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
 - Các vi phạm nghiêm trọng trong việc tuân thủ quy định của pháp luật, thay đổi quy định liên quan của pháp luật theo quy định nội bộ của Ngân hàng (trên cơ sở tham mưu của bộ phận tuân thủ);
 - Các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Hội đồng quản trị.
 - iii. Tổng giám đốc kiến nghị hợp Hội đồng quản trị bất thường khi cần thiết. Báo cáo và xin ý kiến Hội đồng quản trị/ Thường trực Hội đồng quản trị giải quyết những vướng mắc phát sinh về phân cấp, phân quyền giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quá trình điều hành Ngân hàng.
 - iv. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Tổng giám đốc tạm ngừng thực hiện quyết định có nguy cơ gây ra tổn thất, thiệt hại lợi ích đối với Ngân hàng.
 - v. Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc trên cơ sở đề nghị của Ban kiểm soát; đánh giá kết quả công tác điều hành của Tổng giám đốc và kiến nghị các giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của Tổng giám đốc.
- c. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
- i. Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình làm việc với Tổng giám đốc và hệ thống điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Tổng giám đốc và hệ thống điều hành phải tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát và Kiểm toán nội bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
 - ii. Tổng giám đốc báo cáo Ban kiểm soát về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể Ban kiểm soát.
 - iii. Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

- iv. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng giám đốc.
- v. Ban kiểm soát kiến nghị và/hoặc đánh giá hoạt động của Tổng giám đốc sáu (06) tháng một lần gửi Hội đồng quản trị.
- vi. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của ngân hàng, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban kiểm soát thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng giám đốc.

Điều 21. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

1. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị:

Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền thực hiện đánh giá hàng năm đối với hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, cụ thể:

- a. Thời hạn đánh giá: tối thiểu 01 (một) lần/năm;
- b. Nội dung đánh giá:
 - i. Việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
 - ii. Kết quả thực hiện các công việc được Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.
- c. Kết quả đánh giá hàng năm đối với các thành viên Hội đồng quản trị sẽ được lấy ý kiến Hội đồng quản trị trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

2. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của thành viên Ban kiểm soát:

Trưởng Ban kiểm soát theo thẩm quyền thực hiện đánh giá hàng năm đối với hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát, cụ thể:

- a. Thời hạn đánh giá: tối thiểu 01 (một) lần/năm;
- b. Nội dung đánh giá:
 - i. Việc thực hiện vai trò, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát, tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - ii. Kết quả thực hiện các công việc được phân công.
- c. Kết quả đánh giá hàng năm đối với các thành viên Ban kiểm soát sẽ được lấy ý kiến Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị trước khi báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

3. Đánh giá hàng năm đối với hoạt động của Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị thực hiện đánh giá hàng năm đối với hoạt động của Tổng giám đốc trên cơ sở ý kiến tham mưu của Ủy ban nhân sự, cụ thể:

- a. Thời hạn đánh giá: tối thiểu 01 (một) lần/năm;
- b. Nội dung đánh giá:
 - i. Kết quả thực hiện nhiệm vụ điều hành của Tổng giám đốc thông qua việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông giao;
 - ii. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iii. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát;
 - iv. Các nội dung khác (nếu có).
- c. Kết quả đánh giá hàng năm đối với Tổng giám đốc sẽ được đưa vào Báo cáo của Hội đồng quản trị để báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

Điều 22. Khen thưởng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác

1. Khen thưởng, trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:
 - i. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ quản trị, kiểm soát ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, an toàn, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị, tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát;
 - ii. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Hội đồng quản trị, tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - b. 俸 儀 慰 賑 補 償 (bồi thường thiệt hại):
 - i. Thành viên Hội đồng quản trị không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Quy chế này phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng và bên thứ ba.
 - ii. Thành viên Ban kiểm soát không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Quy chế này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm

cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.

2. Khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác:

- a. Tổng giám đốc, người điều hành khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ của mình, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Ngân hàng hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng.

Hình thức và mức khen thưởng do Hội đồng quản trị quyết định.

b. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

- i. Tổng giám đốc không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Tổng giám đốc theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 19 Quy chế này phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đến bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Ngân hàng và bên thứ ba; sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.
- ii. Người điều hành khác không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn cán và năng lực chuyên môn sẽ bị xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2024.

2. Quy định chuyển tiếp:

- a. Người quản lý, người điều hành và các chức danh tương đương khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của Luật Các TCTD và Quy chế này vẫn tiếp tục đảm nhiệm chức vụ cho đến hết nhiệm kỳ hoặc hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành chưa đáp ứng quy định về cơ cấu nhân sự theo khoản 1 Điều 8 Quy chế này vẫn tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị.

- b. Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Ban kiểm soát của Ngân hàng có cơ cấu, số lượng nhân sự chưa đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Ngân hàng bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

3. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp

luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh đối với việc quản trị Ngân hàng.

4. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này Đại hội đồng cổ đông quyết định.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN

BẢNG TỔNG HỢP

SO SÁNH CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH: DỰ THẢO QUY CHẾ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VIETBANK VÀ QUY CHẾ HIỆN HÀNH

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
1	Điều 2. Giải thích từ ngữ và (các) từ ngữ viết tắt	6. <i>Người có liên quan</i> là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản như sau: <i>6. Người có liên quan</i> là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.	- Chính sửa trích dẫn điều khoản Luật "...tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng" phù hợp theo số điều khoản trong Luật.
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ và (các) từ ngữ viết tắt	7. <i>Công ty con</i> của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 30 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản như sau: <i>7. Công ty con</i> của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.	Điều chỉnh Phù hợp theo khoản 9 Điều 4 Luật CTCTD 2024.
3	Điều 2. Giải thích từ ngữ và (các) từ ngữ viết tắt	11. <i>Điều lệ ngân hàng</i> là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản như sau: 11. <i>Điều lệ ngân hàng</i> là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).	Điều chỉnh. Phù hợp theo điều 210 Luật CTCTD 2024.
4	Điều 2. Giải thích từ ngữ và (các) từ ngữ viết tắt	12. <i>Luật CTCTD năm 2010</i> là Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản như sau: 12. <i>Luật CTCTD năm 2024</i> là Luật Các Tổ chức	Điều chỉnh. Phù hợp theo điều 210

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		Nam thông qua ngày 16/06/2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2017.	tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 05 thông qua ngày 18/01/2024.	Luật CTCTD 2024.
5	Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm): 1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát. 2. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Bổ sung nội dung. Phù hợp theo phụ lục số 4 (Điều 2) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và khoản 1 Điều 51 Luật CTCTD 2024.
6	Điều 4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát và số lượng thành viên Ban Kiểm soát	1. Ban Kiểm soát của Ngân hàng có ít nhất 03 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản như sau: 1. Ban Kiểm soát của Ngân hàng có tối thiểu 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Ngân hàng hoặc doanh nghiệp khác không phải là người quản lý của Ngân hàng. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên	+ Điều chỉnh nội dung: "Ban Kiểm soát của Ngân hàng có tối thiểu 05 thành viên" thay thế: phù hợp theo Khoản 2 Điều 51 Luật CTCTD 2024. + Lược bỏ quy định về thành viên Ban Kiểm soát

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>5. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban và thành viên Ban Kiểm soát sau khi</p>	<p>thường trú ở Việt Nam.</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.</p> <p>4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>5. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban và thành viên Ban Kiểm soát sau khi được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người</p>	<p>chuyên trách: phù hợp theo Khoản 2 Điều 51 Luật CTCTD 2024.</p> <p>+ Bổ sung: ".....số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định, không phải là người quản lý của Ngân hàng." Phù hợp theo mục c, khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>+ Giữ nguyên nội dung:</p> <p>"Ban Kiểm soát của Ngân hàng có phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.": phù hợp theo khoản 2 Điều 168 Luật Doanh nghiệp</p> <p>"Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng": phù hợp theo phụ lục số 4 (Khoản 2 Điều 4) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.</p>	<p>bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.</p> <p>6. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.</p>	<p>+ Bổ sung nội dung:</p> <p><i>"Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu":</i> phù hợp khoản 6 Điều 51 Luật CTCTD 2024.</p>
7	Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	<p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau:</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c. Trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:</p>	<p>Phù hợp theo phụ lục số 4 (Điều 9) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p> <p>Bổ sung:</p> <p><i>" 3. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</i></p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>đây:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng;</p> <p>Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng;</p> <p>Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.": phù hợp theo khoản 3 Điều 46 Luật CTCTD 2024.</p>
8	Điều 12. Thay thế và bổ sung thành viên Ban Kiểm soát	1. Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ	Bỏ khoản 4 vì nội dung đã được đưa lên khoản 6, Điều 4.	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>chức hợp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.</p> <p>2.Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng Ban phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục cho từ chức và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.</p> <p>3.Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.</p> <p>4.Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng thì trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.</p>		

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.		
9	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện, nhiệm vụ quyền hạn được giao.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau: 1. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, thành viên góp vốn trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật CTCTD và Điều lệ của Ngân hàng.	Phù hợp theo Khoản 1 Điều 52 Luật CTCTD 2024 – Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát
10	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	4. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và ban kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản như sau: 4. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và ban kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và Ban kiểm toán nội bộ, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.	Lược bỏ: " các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp" để thay thế bằng "quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo."; phù hợp theo khoản 2 Điều 52 Luật CTCTD 2024.
11	Điều 15. Quyền,	7. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản như sau:	Thay thế, bổ sung

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.	7. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.	Phù hợp khoản 3 Điều 52 Luật CTCTD 2024.
12	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	8. Thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản như sau: 8. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.	Bổ sung nội dung mới. Phù hợp theo phụ lục số 4 (Khoản 3, Điều 11) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và khoản 4 Điều 52 Luật CTCTD 2024
13	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm	11. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau: 11. Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân	Phù hợp theo phụ lục số 4 (Khoản 5 & 6, Điều 11) Thông tư số 116/2020/TT-

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
	soát	<p>ngợi quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của Luật Doanh nghiệp, theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p>	<p>hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a.Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>b.Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên phù hợp với quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của Luật Doanh nghiệp, theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng; Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p>	<p>BTC ngày 31/12/2020 và khoản 7 Điều 52 Luật CTCTD 2024.</p> <p>Lược bỏ "...phù hợp với quy định của pháp luật, theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định của Luật Doanh nghiệp, theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng..." và lược bỏ "...Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng."; phù hợp với điểm b) khoản 7 Điều 52 Luật CTCTD 2024.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
14	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	12.Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau: 12.Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có	Bổ sung Phù hợp theo khoản 8 Điều 52 Luật CTCTD 2024
15	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	13.Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau: 13.Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (giám đốc) của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này	Bổ sung nội dung mới. Phù hợp theo khoản 9 Điều 52 Luật CTCTD 2024
16	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	14.Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật CTCTD năm 2010 và Điều lệ Ngân hàng.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau: 14.Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật CTCTD năm 2010 năm 2024 và Điều lệ Ngân hàng.	Chính sửa, thay thế. Phù hợp theo khoản 10 Điều 52 Luật CTCTD 2024.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
17	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật CTCTD năm 2010 hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau: 15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật CTCTD năm 2010 năm 2024 hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Điều chỉnh. Phù hợp theo phụ lục số 4 (Khoản 14, Điều 11) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và theo khoản 11 Điều 52 Luật CTCTD 2024.
18	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	Không quy định	30. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu, Hội đồng quản trị.	Bổ sung nội dung mới. Phù hợp theo khoản 5 Điều 52 Luật CTCTD 2024
19	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	Không quy định	31. Giám sát việc chấp hành các quy định tại chương VII của Luật CTCTD 2024 về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.	Bổ sung nội dung mới Phù hợp theo khoản 6 Điều 52 Luật CTCTD 2024

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
20	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	Không quy định	32.Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 12, 15 và 31 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật CTCTD năm 2024.	Bổ sung nội dung mới Phù hợp theo khoản 13 Điều 52 Luật CTCTD 2024
21	Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát	31. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế quản trị nội bộ công ty tại Vietbank, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	Giữ nguyên. Cập nhật số thứ tự mới là khoản 33 Điều 15.	Phù hợp theo phụ lục số 4 (Khoản 25, Điều 11) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
22	Điều 23. Trình báo cáo hàng năm	Các nội dung Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: 1. Báo cáo đánh giá về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau: 1.Báo cáo đánh giá về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2.Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát. 3.Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát. 4.Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và	Phù hợp theo phụ lục số 4 (Điều 16) Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và khoản 5 Điều 52 Luật CTCTD 2024.

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.</p> <p>5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.</p> <p>7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ</p>	<p>các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.</p> <p>5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.</p> <p>7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.</p> <p>8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.</p> <p>9. Các nội dung khác theo quy định pháp luật.</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>đồng.</p> <p>8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.</p>		
23	Điều 25. Công khai các lợi ích có liên quan	<p>1. Thành viên Ban Kiểm soát phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh, tỷ lệ và thời điểm mà mình hoặc/ và người có liên quan làm chủ hoặc đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác;</p> <p>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành,</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau:</p> <p>1. Thành viên Ban Kiểm soát phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:</p> <p>a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;</p> <p>b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám</p>	<p>Điều chỉnh mục 1a, 1b và bổ sung nội dung mới 1c, 1d và mục 8: phù hợp theo Điều 49 Luật CTCTD 2024.</p>

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>ngành kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại</p>	<p>đốc (Giám đốc);</p> <p>c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>4. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>khoản 2 Điều này.</p> <p>5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>6. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>7. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ</p>	<p>tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p> <p>5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.</p> <p>6. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>7. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>8. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải đảm bảo thông tin cung cấp, công bố</p>	

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.	
24	Điều 36. Mọi quan hệ với Ban Kiểm toán nội bộ	Mọi quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ: 1. Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát. 2. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ trên toàn hệ thống Vietbank và chịu sự giám sát của quản lý cấp cao theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của Kiểm toán nội bộ.	Sửa đổi, bổ sung (in đậm) các khoản sau: 1. Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát. 2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (giám đốc) của Ngân hàng. 3. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ trên toàn hệ thống Vietbank và chịu sự giám sát của quản lý cấp cao theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của Kiểm toán nội bộ.	Phù hợp theo Điều 58 Luật CTCTD 2024.
25	Điều 37. Điều khoản thi hành	1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietbank bao gồm 03 Chương, 37 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày	1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietbank bao gồm 03 Chương, 37 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội	Chỉnh sửa ngày hiệu lực. Phù hợp theo phụ lục số 4 Thông tư số 116/2020/TT-

STT	ĐIỀU KHOẢN	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ MỚI	CĂN CỨ PHÁP LÝ
		<p>được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	<p>đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.</p> <p>4. Quy định chuyển tiếp: Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Ban Kiểm soát của Ngân hàng có cơ cấu, số lượng nhân sự chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Ngân hàng bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>5. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát.</p> <p>6. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	<p>BTC ngày 31/12/200</p> <p>Bổ sung "4. Quy định chuyển tiếp: Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Ban Kiểm soát của Ngân hàng có cơ cấu, số lượng nhân sự chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Ngân hàng bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát." phù hợp theo Luật CTCTD 2024.</p>

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN**

(Ban hành kèm Quyết định số/...../QĐ-BKS ngày/...../2024 của Ban Kiểm soát
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – Vietbank)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh – Đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (Vietbank) nhằm hoạt động theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được thống nhất áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát và trong toàn hệ thống Vietbank, bao gồm Hội sở, Văn phòng, Chi nhánh/Phòng giao dịch, các đơn vị trực thuộc, công ty con của Vietbank.

Điều 2. Giải thích từ ngữ và (các) từ ngữ viết tắt

Trong Quy chế này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Vietbank hay Ngân hàng:* Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín.
- Người điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh điều hành khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.
- Ban Điều hành Ngân hàng* bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
- Người quản lý Ngân hàng* bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ ngân hàng.
- Cổ đông lớn của Ngân hàng* là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.
- Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
- Công ty con* của Ngân hàng là công ty thuộc một trong các trường hợp được quy định tại khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.
- Hệ thống kiểm soát nội bộ* là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Vietbank được xây dựng phù hợp theo quy định của pháp luật và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Hệ thống kiểm soát nội bộ thực hiện giám sát của quản lý cấp cao, kiểm soát nội

bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và kiểm toán nội bộ. Hệ thống kiểm soát nội bộ phải có 03 tuyến bảo vệ độc lập:

- a. *Tuyến bảo vệ thứ nhất*: có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro do các bộ phận sau thực hiện, gồm:
 - i. Các bộ phận kinh doanh (bao gồm bộ phận phát triển sản phẩm), các bộ phận có chức năng tạo ra doanh thu khác, các bộ phận có chức năng thực hiện các quyết định có rủi ro;
 - ii. Các bộ phận có chức năng phân bổ hạn mức rủi ro, kiểm soát rủi ro, giảm thiểu rủi ro (thuộc bộ phận kinh doanh hoặc bộ phận độc lập) đối với từng loại hình giao dịch, hoạt động kinh doanh;
 - iii. Bộ phận nhân sự, bộ phận kế toán.
 - b. *Tuyến bảo vệ thứ hai*: có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật do Bộ phận tuân thủ và bộ phận quản lý rủi ro thực hiện.
 - c. *Tuyến bảo vệ thứ ba*: có chức năng kiểm toán nội bộ do Ban kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định pháp luật.
9. *Giám sát của quản lý cấp cao* là việc giám sát của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đối với kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ về mức đủ vốn và giám sát của Ban Kiểm soát của Ngân hàng đối với kiểm toán nội bộ.
10. *Pháp luật* là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
11. *Điều lệ ngân hàng* là Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 26/04/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Điều lệ này (nếu có).
12. *Luật CTCTD năm 2024* là Luật Các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp bất thường lần thứ 05 thông qua ngày 18/01/2024.
13. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020.
14. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019.
15. *Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng* là Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Vietbank được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ban hành trong từng thời kỳ.

Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát và số lượng thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Ngân hàng có tối thiểu 05 thành viên, số lượng cụ thể do Điều lệ Ngân hàng quy định, không phải là người quản lý của Ngân hàng. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát sau khi được bầu có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
6. Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Ban Kiểm soát:

Tiêu chuẩn, điều kiện là thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 6. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ:

1. Những đối tượng thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng không được là thành viên Ban Kiểm soát.
2. Trưởng Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát phải tuân thủ quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.



Điều 7. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp

Ban Kiểm soát phải tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ban Kiểm soát. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của Ban Kiểm soát phải tối thiểu bao gồm các quy tắc sau đây:

1. Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;
2. Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;
3. Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Vietbank;
4. Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;
5. Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây:
 - a. Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung được kiểm toán nội bộ;
 - b. Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện kiểm toán nội bộ.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:

Đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 9. Cách thức bầu, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Cách thức bầu, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ Ngân hàng quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng;
 - d) Trường hợp khác theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
3. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng ban, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với Trưởng Ban, thành viên Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát:

Thành viên Ban Kiểm soát đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 12. Thay thế và bổ sung thành viên Ban Kiểm soát

1. Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.
2. Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng Ban phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục cho từ chức và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
3. Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 4 Quy chế này, trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 13. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác;
- e. Lợi ích có liên quan đến Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

- Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Điều 14. Trường Ban Kiểm soát

- Trường Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban Kiểm soát do Điều lệ Ngân hàng quy định.

Mục 2 HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát

- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật CTCTD và Điều lệ của Ngân hàng.
- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Ngân hàng. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và ban kiểm toán nội bộ; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và ban kiểm toán nội bộ, quy định nội bộ của Ngân hàng về kế toán, báo cáo.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
- Nhiệm vụ đối với kiểm toán nội bộ bao gồm:
 - Trực tiếp chỉ đạo, điều hành hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ.
 - Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kiểm toán viên nội bộ;
 - Giám sát Ban kiểm toán nội bộ trong việc:
 - Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm toán nội bộ;
 - Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.
 - Các nội dung khác do Ban Kiểm soát quy định.
 - Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm toán nội bộ sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

- e. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm toán nội bộ phù hợp theo quy định pháp luật.
7. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
 8. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của Ngân hàng; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
 10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.
 11. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
 - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; của cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
 12. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
 13. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
 14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật CTCTD năm 2024 và Điều lệ Ngân hàng.
 15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật CTCTD năm 2024 hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập



họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết; giám sát quá trình thuê kiểm toán độc lập; giám sát quá trình thực hiện công việc của kiểm toán độc lập; xem xét báo cáo tài chính định kỳ của Vietbank do tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện.
17. Kiểm soát hoạt động của Ngân hàng thông qua các báo cáo của Ban Điều hành để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong quá trình hoạt động.
18. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng thông qua các báo cáo của Ban Điều hành để đánh giá và cảnh báo những rủi ro trong hoạt động tài chính; giám sát tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
19. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Ngân hàng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
20. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.
21. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
22. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.
23. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng theo đề nghị của cổ đông.
24. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban Kiểm soát.
25. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định theo pháp luật, quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
26. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
27. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
28. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
29. Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

30. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
31. Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật CTCTD 2024 về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.
32. Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 12,14 và 31 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật CTCTD năm 2024.
33. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng.
3. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều lệ Ngân hàng.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 17. Quyền hạn, nghĩa vụ của Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát

Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát có quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng.

Điều 18. Quyền được tiếp cận, cung cấp thông tin

1. Tài liệu, thông tin phải được gửi đến các thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.
 - b. Nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.



2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Ngân hàng trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

Điều 19. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu của Vietbank và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của Ngân hàng, hoặc các thông tin mà Vietbank chưa công bố ra bên ngoài.
2. Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.
3. Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ Vietbank, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Ngân hàng;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định đối với các trường hợp tại Khoản 1 Điều này thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại.

Điều 21. Họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau Ngày Thành lập. Trường Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên, dự kiến chương trình, thời gian và địa điểm họp trước ngày họp dự kiến ít nhất 7 (bảy) ngày.
2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát.
3. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Ít nhất hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị;

- c. Trưởng Ban Kiểm soát;
 - d. Thành viên Ban Kiểm soát;
 - e. Tổng giám đốc;
 - f. Giám đốc Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.
4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các Điểm a, b, d, e, f Khoản 3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).
5. Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Ngân hàng.
6. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban Kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Trưởng Ban Kiểm soát trước khi họp nhưng không muộn hơn 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Ban Kiểm soát được đăng ký tại Ngân hàng.
7. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ hai phần ba số thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 ngày tiếp theo.
8. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ. Những người được mời dự họp Ban Kiểm soát: Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và có thể có các cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.
9. Thành viên Ban Kiểm soát được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều này.
 - c. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.
- Trưởng họp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Trưởng Ban Kiểm soát chậm nhất 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

10. Biểu quyết:

- a. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.
 - b. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - d. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
11. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Ngân hàng phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban Kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
12. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt).
13. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.
- Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức họp Ban Kiểm soát. Các vấn đề được quyết định bởi cuộc họp Ban Kiểm soát đều có thể được quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Biên bản họp Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Thời gian, địa điểm họp;
 - b. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - c. Mục đích, nội dung họp;
 - d. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - e. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Các vấn đề đã được thông qua;
 - g. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
2. Biên bản họp Ban Kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.
3. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng.
4. Cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Ban Kiểm soát. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Ban Kiểm soát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

Mục 3

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH, ĐÁNH GIÁ, KHEN THƯỞNG ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, CÁC NGHĨA VỤ, TRÁCH NHIỆM KHÁC CỦA THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Điều 23. Trình báo cáo hàng năm

Các nội dung Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

1. Báo cáo đánh giá về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty

trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03 năm) gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.
9. Các nội dung khác theo quy định pháp luật.

Điều 24. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Trường hợp Điều lệ Ngân hàng không có quy định khác thì thủ lao, thưởng và các lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả thủ lao, thưởng và các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thủ lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.
2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thủ lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Điều 25. Công khai các lợi ích có liên quan

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải công khai với Ngân hàng các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
 - c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

- Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- Ngân hàng phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.
- Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.
- Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
- Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
- Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải đảm bảo thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 26. Đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát

Công tác đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

- Tự nhận xét đánh giá.
- Đánh giá định kỳ 06 tháng/01 lần.
- Đánh giá hoạt động.
- Đánh giá hoạt động hằng năm và được tiến hành vào cuối năm.
- Tổ chức lấy phiếu thăm dò và tín nhiệm.

Điều 27. Tiêu chí đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát

Tiêu chí đánh giá hoạt động của Thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

- Kết quả thực hiện công việc được giao: bao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc được giao.
- Đối với cấp lãnh đạo, thực hiện đánh giá khả năng quản lý, thái độ trong quản lý, mức độ tín nhiệm của nhân viên.
- Phẩm chất đạo đức, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ, chú trương, chính sách của Vietbank và quy định pháp luật.

4. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tinh trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.
5. Đoàn kết, phối hợp giữa các thành viên trong Ban Kiểm soát, đoàn kiểm tra, giám sát với các đơn vị khác trong hệ thống Vietbank.

Điều 28. Xếp loại đánh giá

Căn cứ vào kết quả đánh giá, việc xếp loại thành viên Ban Kiểm soát được phân thành các mức độ sau:

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
3. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4. Chưa hoàn thành nhiệm vụ cần cố gắng.
5. Không hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Điều 29. Khen thưởng đối với Ban Kiểm soát:

1. Ban Kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát Ngân hàng, bảo đảm Ngân hàng phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để được xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Ban Kiểm soát.
2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ ngân hàng. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
3. Hàng năm, Trường Ban Kiểm soát tiến hành tổ chức đánh giá hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát và đề xuất hình thức khen thưởng để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
4. Trường Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của cán bộ thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Vietbank và đề xuất hình thức khen thưởng và kỷ luật, tham khảo ý kiến Hội đồng quản trị trước khi xem xét, quyết định.

Điều 30. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Ban Kiểm soát không thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn, vi phạm quy định về trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này, Quy chế quản trị công ty của Ngân hàng, Điều lệ Ngân hàng mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.
2. Ngân hàng sẽ bồi thường các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ pháp luật cho phép cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính mà không phải là việc kiện tụng do Ngân hàng thực

hiện) nếu người đó thực hiện nhiệm vụ với tư cách là thành viên Ban Kiểm soát mà những người này phải tham gia hoặc đại diện được ngân hàng ủy quyền, với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và các Quy chế của Ngân hàng một cách trung thực, cẩn trọng, miễn căn với năng lực chuyên môn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Mục 4

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Mối quan hệ với cổ đông

1. Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
2. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng.

Điều 32. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.
2. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị:
 - a. Ban Kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
 - b. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho Hội đồng quản trị về Kế hoạch công tác hàng năm, hàng quý của Ban Kiểm soát để Hội đồng quản trị biết và phối hợp hoạt động.
 - c. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập họp Ban Kiểm soát, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của Chủ tịch hoặc ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị.
 - d. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý có hành vi vi phạm do Ban Kiểm soát phát hiện và có những kiến nghị cần thiết.
 - e. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban Kiểm soát.
 - f. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến Trưởng Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.
 - g. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
 - h. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban Kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

- i. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng cho Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- j. Hội đồng quản trị phối hợp với Bộ phận kiểm toán nội bộ thuộc Ban Kiểm soát khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.
- k. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện việc chấn chỉnh kịp thời.
- l. Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

Điều 33. Mối quan hệ với Ban Điều hành

1. Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Ngân hàng, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.
2. Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Ban Điều hành
 - a. Ban Kiểm soát trong quá trình làm việc với Ban Điều hành phải phối hợp chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Ban Điều hành phải tạo điều kiện và phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát và Kiểm toán nội bộ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
 - b. Thành viên Ban Điều hành và Người Điều hành báo cáo Ban Kiểm soát về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Ngân hàng và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể Ban Kiểm soát.
 - c. Tổng giám đốc phối hợp với Ban Kiểm soát, bộ phận kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát quản lý cấp cao đối với Tổng giám đốc; tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban Kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của thành viên Ban Điều hành, Người điều hành.
 - d. Trường hợp phát hiện nũ ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, thành viên Ban điều hành hoặc Người điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của ngân hàng, Ban Kiểm soát có quyền đề nghị Tổng giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó và có giải pháp khắc phục hậu quả. Trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban Kiểm soát thông báo ý kiến của Ban Kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng giám đốc.
 - e. Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được quyền tham dự các cuộc họp của Ban Điều hành.

- f. Thành viên Ban Điều hành và Người Điều hành khác; chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.
- g. Tổng Giám đốc đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan. Tổng Giám đốc cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ban Kiểm soát các văn bản về cơ chế chính sách, quy chế, quy định... của Ngân hàng, văn bản chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước và văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 34. Mỗi quan hệ giữa các thành viên Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban Kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 35. Mối quan hệ với các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ

Cơ chế phối hợp giữa Ban Kiểm soát và các tuyến bảo vệ trong hệ thống kiểm soát nội bộ:

1. Các tuyến bảo vệ trong hệ thống Vietbank thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này và quy định về Kiểm toán nội bộ Ngân hàng, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
2. Lãnh đạo các Đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban Kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo của Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định.


Điều 36. Mối quan hệ với Ban Kiểm toán nội bộ

Mối quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm soát và Ban Kiểm toán nội bộ:

1. Ban Kiểm toán nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban Kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (giám đốc) của Ngân hàng.
3. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ trên toàn hệ thống Vietbank và chịu sự giám sát của quản lý cấp cao theo quy định tại Quy chế này và các quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của Kiểm toán nội bộ.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Điều khoản thi hành:

1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietbank bao gồm 03 Chương, 37 Điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024.
3. Quy định chuyển tiếp: Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, Ban Kiểm soát của Ngân hàng có cơ cấu, số lượng nhân sự chưa đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban Kiểm soát cho đến hết nhiệm kỳ, trừ trường hợp Ngân hàng bầu bổ sung, thay thế thành viên Ban Kiểm soát.
4. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Ngân hàng và pháp luật đó đương nhiên được áp dụng, điều chỉnh tổ chức, hoạt động của Ban Kiểm soát.
5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này Đại hội đồng cổ đông quyết định. 

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

HỨA NGỌC NGHĨA

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024**TỜ TRÌNH**

V/v: lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;
- Căn cứ Thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) Quy định về kiểm toán độc lập đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản pháp luật có liên quan;
- Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ngày 31/12/2021 (có hiệu lực từ ngày 15/04/2022) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 39/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 quy định về kiểm toán độc lập đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế (Nghị định 153); Nghị định của Chính phủ số 65/2022/NĐ-CP ngày 16/9/2022 (Nghị định 65) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 153;
- Căn cứ Thông tư 122/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định 153/2020/NĐ-CP (Thông tư 122);
- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua và Điều 14 Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua;
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều lệ của Ngân hàng Việt Nam Thương Tín (VIETBANK).

A) Kết quả thực hiện về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong năm 2023:

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua về nội dung:

- Trong trường hợp có yêu cầu chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong năm 2023 và năm 2024 do phạm vi kiểm toán phát sinh thêm theo Luật quy định, việc lựa chọn sẽ được Ban Kiểm soát đề xuất cụ thể gửi đến Hội đồng quản trị và báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội đồng cổ đông liên kế.
- Theo yêu cầu của Thông tư 24/2021/TT-NHNN về việc kiểm toán độc lập hệ thống kiểm soát nội bộ nói chung và Công văn 3864/NHNN-TTGSNNH ngày 23/05/2023 về việc thực hiện Thông tư 24 "cho phép TCTD xác định, thỏa thuận với Tổ chức kiểm toán độc lập về phạm vi, nội dung kiểm toán, tiêu chí đánh giá để kiểm soát hệ thống KSNB theo quy định". Do vậy, để đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN, Ban Kiểm soát đã có văn bản đề nghị gửi Hội đồng quản trị lựa chọn và Hội đồng quản trị đã

chấp thuận đối với nội dung kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ cụ thể như sau:

- + Đối với năm tài chính 2022: chọn Công ty kiểm toán EY để kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ về việc thực hiện kiểm tra, đánh giá kiểm soát nội bộ của Ngân hàng theo yêu cầu của Phụ lục 1 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
- + Đối với năm tài chính 2023: chọn Công ty kiểm toán KPMG thực hiện kiểm toán hệ thống kiểm soát nội bộ theo Thông tư 13/2018/TT-NHNN đối với quy trình cho vay.

B) Đề xuất của Ban Kiểm soát:

Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội như sau:

1. Thông qua kết quả về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập như đã nêu tại mục A của Trình bày này.
2. Trong trường hợp có sự thay đổi Đơn vị kiểm toán độc lập trong năm 2024 và năm 2025 (bao gồm các nội dung, phạm vi kiểm toán bắt buộc hiện hữu và phát sinh thêm do luật quy định), kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận lựa chọn một (1) trong số bốn (4) công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tại Việt Nam (bao gồm các công ty: PricewaterhouseCoopers – PWC, Deloitte, KPMG, EY) hoặc một trong số các công ty kiểm toán độc lập được UBCKNN chấp thuận. Việc lựa chọn sẽ được Ban Kiểm Soát đề xuất cụ thể gửi đến Hội đồng Quản Trị và báo cáo kết quả thực hiện trong kỳ Đại hội cổ đông liền kề.
3. Các nội dung khác liên quan đến kiểm toán độc lập vẫn được tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP_HĐQT

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



HỨA NGỌC NGHĨA

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 4 năm 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
BÁO CÁO

V/v: Công khai lợi ích liên quan của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Điều 39 Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 16/06/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017.

Ban Kiểm soát đã tổng hợp và kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc công khai lợi ích liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc tại ngày 31/12/2023, cụ thể:

1. Các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên.
2. Các doanh nghiệp mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên.
3. Các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên.
4. Các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc đang đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
5. Các doanh nghiệp mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc đang đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

Chi tiết theo Tài liệu đã gửi tới quý cổ đông.

Kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP-HĐQT

